

# THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 10/2023)

## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

### ĐIỂM TIN

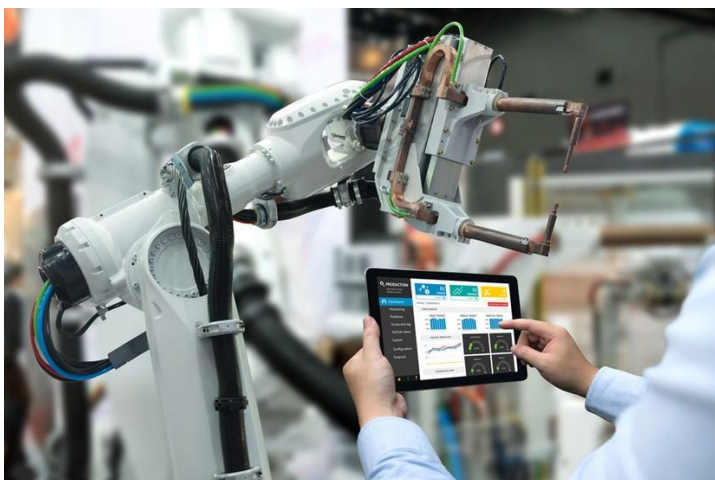
7. ISO 21001:2018 – Tiêu chuẩn hữu ích cho ngành giáo dục
8. Xây dựng tiêu chuẩn hỗ trợ các hoạt động của rô bốt trong cuộc sống
9. Tiêu chuẩn Trung Quốc về công nghệ thông tin lượng tử
10. Đảm bảo chiếu sáng an toàn cho các môn thể thao dưới nước
11. Canada công bố dự thảo tiêu chuẩn giải quyết vấn đề sức khỏe tâm thần và hạnh phúc trong cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt
12. Công cụ Poka – Yoke: Nâng cao năng lực cạnh tranh và giải phóng các trở ngại cho doanh nghiệp
14. Tầm quan trọng của chức năng an toàn đối với các thiết bị điện tử
15. Tiêu chuẩn hóa- Tạo điều kiện cho sự phát triển của công nghệ lượng tử
16. Trung Quốc công bố Tiêu chuẩn về hệ thống máy bay không người lái dân dụng
17. Xây dựng đường giao thông nông thôn theo TCVN 10380:2014
18. Chăn nuôi ong hữu cơ theo TCVN 11041-9:2013 mang lại hiệu quả kinh tế cao
19. Đề xuất bộ tiêu chuẩn chất lượng bệnh viện cơ bản để đảm bảo an toàn
20. Tiêu chuẩn Quốc tế nâng cao tính an toàn và thiết kế hệ thống sinh trắc học
21. Đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách về phát triển hoạt động trong lĩnh vực Tiêu chuẩn và lĩnh vực Quy chuẩn kỹ thuật
23. Nâng cao chất lượng y tế nhờ tiêu chuẩn quản lý chất lượng sức khỏe
25. Áp dụng tiêu chuẩn ISA-95 trong quản lý xăng dầu: Thúc đẩy các hệ thống vận hành sản xuất trở nên trơn tru, chất lượng
26. Tại sao vật liệu xây dựng phải chứng nhận hợp quy theo QCVN 16:2023/BXD?
27. Danh mục sản phẩm vật liệu xây dựng yêu cầu chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD
28. Lợi ích đối với doanh nghiệp xuất khẩu khi đạt được chứng nhận Halal
30. Tìm hiệu lợi ích của đánh giá quản lý đổi mới sáng tạo thông qua tiêu chuẩn ISO/TR 56004
31. Mối liên hệ giữa tiêu chuẩn và các mục tiêu phát triển bền vững
32. Nâng cao hiệu quả thử nghiệm thành thạo với tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC 17043
33. Góp ý hồ sơ dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật
34. Xây dựng TCVN về an toàn thực phẩm theo hướng hài hòa với tiêu chuẩn Quốc tế
36. Nhu cầu về Tiêu chuẩn, Quy chuẩn cho thang máy
37. Sửa đổi quy định về danh mục chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu
38. Sản xuất dăm gỗ theo TCVN 13655-4:2023 đảm bảo chất lượng, độ bền cao
39. Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền và xe chở tiền của tổ chức tín dụng
41. Tiêu chuẩn ASTM mới hỗ trợ kiểm tra vi khuẩn có trong nước

### THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

42. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 10/2023

## ❖ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**Phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập**



Ngày 05/10/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg về phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập.

Theo đó, nhằm khắc phục các tồn tại, bất cập để tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Khoa học và Công nghệ:

1. **Chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới**, rà soát tổng thể và đề xuất các giải pháp phù hợp, phương án điều chỉnh, bổ sung, tháo gỡ các rào cản, hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về thị trường khoa học và công nghệ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, trong đó:

Rà soát, đề xuất, ban hành các quy định pháp luật về góp vốn, thoái vốn khi tổ chức, cá nhân góp vốn bằng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ, tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoàn thành trong năm 2024;

- Chủ trì xây dựng, triển khai các chính sách cụ thể để thu hút chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia người nước ngoài tham gia vào hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ tại Việt Nam; hoàn thành trong giai đoạn 2024 – 2025;

- Chủ trì xây dựng báo cáo hằng năm về thị trường khoa học và công nghệ;
- Xây dựng, ban hành các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá hoạt động của thị trường khoa học và công nghệ và hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương áp dụng...

2. **Phối hợp, hỗ trợ các địa phương hình thành và phát triển 03 sàn giao dịch công nghệ trọng điểm** tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh và một số sàn giao dịch khoa học và công nghệ cấp địa phương.

3. **Xây dựng, đưa vào sử dụng trong năm 2024 cổng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia** về thị trường khoa học và công nghệ nhằm cung cấp thông tin công nghệ, máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu ứng dụng, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

4. **Nghiên cứu, đề xuất thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa**, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách Nhà nước vào sản xuất, kinh doanh, báo cáo cấp có thẩm quyền trong năm 2024./.

## ❖ BỘ TÀI CHÍNH

**Bãi bỏ 05 Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ**

Ngày 31/10/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 64/2023/TT-BTC bãi bỏ các Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2011-2020 và Thông tư liên tịch 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015. Cụ thể:

**Bộ Tài chính bãi bỏ toàn bộ 05 Thông tư liên tịch** như sau:

Thông tư liên tịch số **218/2012/TTLT-BTC-BKHCN** ngày 20/12/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định

quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Thông tư liên tịch số **219/2012/TTLT-BTC-BKHCN** ngày 20/12/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Thông tư liên tịch số **79/2014/TTLT-BTC-BKHCN** ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

Thông tư liên tịch số **59/2015/TTLT-BTC-BKHCN** ngày 25/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển thị trường Khoa học và Công nghệ đến năm 2020;

Thông tư liên tịch số **207/2013/TTLT-BTC-BKHCN** ngày 25/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 18/12/2023./.

## **❖ BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam**



Ngày 24/10/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

Thông tư gồm có 3 Điều và bảng phụ lục về Danh mục thuốc sử dụng và cấm sử dụng trong nông nghiệp như sau:

1. Danh mục thuốc sử dụng trong nông nghiệp bao gồm:

- Thuốc trừ bệnh: 683 hoạt chất với 1561 tên thương phẩm;

- Thuốc trừ cỏ: 260 hoạt chất với 791 tên thương phẩm;

- Thuốc trừ chuột: 08 hoạt chất với 43 tên thương phẩm;

- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 60 hoạt chất với 178 tên thương phẩm;

- Chất dẫn dụ côn trùng: 08 hoạt chất với 08 tên thương phẩm;

- Thuốc trừ ốc: 31 hoạt chất với 152 tên thương phẩm;

- Chất hỗ trợ (chất trái): 05 hoạt chất với 06 tên thương phẩm.

2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam bao gồm:

- Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 23 hoạt chất;

- Thuốc trừ bệnh: 06 hoạt chất;

- Thuốc trừ chuột: 01 hoạt chất;

- Thuốc trừ cỏ: 01 hoạt chất.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 08/12/2023./.

## **❖ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Tổ chức thuộc 5 trường hợp không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ**

Ngày 12/10/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 20/2023/TT-BKHCN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

**1. Tổ chức thuộc một trong 05 trường hợp không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ gồm:**

Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa hoàn thành việc đăng ký, giao nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia khác theo quy định hiện hành;

Tại thời điểm hết hạn hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ đã ký;

Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khác thì không được đăng ký tham gia tuyển chọn trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền;...

**2. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, trong thời hạn 07 ngày làm việc, đơn vị quản lý chuyên môn có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí mở, kiểm tra hiện trạng của hồ sơ; rà soát, kiểm tra các thông tin liên quan.**



**3. Trong quá trình tuyển chọn, Bộ Khoa học và Công nghệ hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau:**

Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ các nguồn khác của ngân sách Nhà nước;

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo,

cam kết không trung thực trong hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ;...

Thông tư có hiệu lực từ ngày 27/11/2023./.

**Quyết định công bố và hủy bỏ Tiêu chuẩn quốc gia:**

➤ **Quyết định công bố Tiêu chuẩn Quốc gia**

Bộ Khoa học và Công nghệ mới ký các Quyết định sau về việc ban hành các tiêu chuẩn quốc gia:

1. *Quyết định số 1907/QĐ-BKHCN (ngày 25/8/2023):*

- TCVN 13720:2023 Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Kiểm thử các mô-đun mật mã trong môi trường hoạt động
- TCVN 13721:2023 Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Phương pháp kiểm thử và phân tích cho các bộ tạo bit ngẫu nhiên trong TCVN 11295 (ISO/IEC 19790) và TCVN 8709 (ISO/IEC 15408)
- TCVN 13722:2023 Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Khung xác thực viển sinh trắc sử dụng mô-đun an toàn phần cứng sinh trắc học
- TCVN 13723-1:2023 Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin – Yêu cầu về năng lực đối với kiểm thử viên và đánh giá viên bảo mật thông tin – Phần 1: Giới thiệu, khái niệm và yêu cầu chung
- TCVN 13723-2:2023 Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin – Yêu cầu về năng lực đối với kiểm thử viên và đánh giá viên bảo mật thông tin – Phần 2: Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và tính hiệu quả đối với kiểm thử viên theo TCVN 11295 (ISO/IEC 19790)
- TCVN 13723-3:2023 Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin – Yêu cầu về năng lực đối với kiểm thử viên và đánh giá viên bảo mật thông tin – Phần 3: Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và tính hiệu quả đối với đánh giá viên theo TCVN 8709 (ISO/IEC 15408)

2. *Quyết định số 1607/QĐ-BKHCN (27/7/2023):*

- TCVN 13746:2023 Internet vạn vật – Yêu cầu và khả năng hỗ trợ các thiết bị đeo và dịch vụ liên quan
- TCVN 13747:2023 Internet vạn vật – Yêu cầu và khả năng hỗ trợ cho dữ liệu lớn
- TCVN 13748:2023 Internet vạn vật – Yêu cầu và khả năng quản lý thiết bị
- TCVN 13749:2023 Internet vạn vật – Các khả năng bảo mật hỗ trợ tính an toàn

### 3. Quyết định số 2036/QĐ-BKHCN (12/9/2023):

- TCVN 13770:2023 Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 13771:2023 Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định hàm lượng ẩm
- TCVN 13772:2023 Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định thành phần cấp hạt bằng phương pháp sàng ướt
- TCVN 13773:2023 Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định độ co dài
- TCVN 13774:2023 Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định độ trắng
- TCVN 13775:2023 Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định thành phần hóa học
- TCVN 13776:2023 Đất sét để sản xuất sứ dân dụng. Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 13777:2023 Đất sét để sản xuất sứ dân dụng. Xác định độ dẻo bằng phương pháp P.FEFFERKORN
- TCVN 13778:2023 CYCLONE thủy lực sứ dùng trong tuyển khoáng. Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 13779:2023 CYCLONE thủy lực sứ dùng trong tuyển khoáng. Xác định kích thước làm việc
- TCVN 13780:2023 CYCLONE thủy lực sứ dùng trong tuyển khoáng. Xác định độ chịu mài mòn

### 4. Quyết định số 1603/QĐ-BKHCN (27/7/2023):

- TCVN 13783-1:2023 Bao bì vận chuyển. Hộp phân phối bằng chất dẻo cứng, có thể tái sử dụng. Phần 1: Áp dụng cho mục đích chung
- TCVN 13783-2:2023 Bao bì vận chuyển. Hộp phân phối bằng chất dẻo cứng, có thể tái sử dụng. Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật chung để thử nghiệm

- TCVN 13784-1:2023 Bao bì vận chuyển. Hệ thống hộp chứa tải trọng nhỏ. Phần 1: Yêu cầu chung và phương pháp thử

- TCVN 13784-2:2023 Bao bì vận chuyển. Hệ thống hộp chứa tải trọng nhỏ. Phần 2: Hệ thống xếp chồng thành cột (CSS)

- TCVN 13784-3:2023 Bao bì vận chuyển. Hệ thống hộp chứa tải trọng nhỏ. Phần 3: Hệ thống xếp chồng có liên kết (BSS)

- TCVN 13785-1:2023 Bao bì vận chuyển – Bao bì vận chuyển có kiểm soát nhiệt độ để vận chuyển kiện hàng – Phần 1: Yêu cầu chung

- TCVN 13785-2:2023 Bao bì vận chuyển – Bao bì vận chuyển có kiểm soát nhiệt độ để vận chuyển kiện hàng – Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật chung để thử nghiệm

### 5. Quyết định số 2150/QĐ-BKHCN (25/9/2023):

- TCVN 13802:2023 Sữa, sản phẩm sữa, thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh và thức ăn dinh dưỡng dành cho người lớn. Xác định thành phần axit béo. Phương pháp sắc ký khí mao quản

- TCVN 13803:2023 Sữa và sản phẩm sữa. Xác định hàm lượng đường. Phương pháp sắc ký trao đổi anion hiệu năng cao với detector đo xung ampe (HPAEC-PAD)

- TCVN 13804:2023 Sữa, sản phẩm sữa và thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh. Xác định MELAMIN và axit CYANURIC bằng sắc ký lỏng - hai lần khối phổ (LC-MS/MS)

- TCVN 13805:2023 Truy xuất nguồn gốc. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa

- TCVN 13814:2023 Truy xuất nguồn gốc. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng nước quả

- TCVN 13815:2023 Nước quả. Xác định tỷ số đồng vị CACBON bền (13C/12C) của ETANOL. Phương pháp đo khối phổ tỷ số đồng vị

- TCVN 13816:2023 Nước quả. Xác định tỷ số đồng vị CACBON bền (13C/12C) của đường. Phương pháp đo khối phổ tỷ số đồng vị

- TCVN 13817:2023 Nước quả. Xác định tỷ số ôxy bền (18O/16O) của nước. Phương pháp đo khối phổ tỷ số đồng vị

- TCVN 13818:2023 Nước quả. Xác định tỷ số đồng vị HYDRO bền (2H/1H) của nước. Phương pháp đo khối phổ tỷ số đồng vị
  - TCVN 13819:2023 Nước quả. Xác định tỷ số đồng vị cacbon bền (13C/12C) của thịt quả.
6. *Quyết định số 2020/QĐ-BKHCN (11/9/2023):*
- TCVN 13825:2023 Dịch vụ lặn giải trí – Yêu cầu đối với chương trình đào tạo lặn sử dụng bình nén hỗn hợp khí giàu oxy (EAN)
  - TCVN 13826:2023 Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với việc đào tạo hướng dẫn viên lặn có ống thở với mục đích giải trí
  - TCVN 13827:2023 Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với việc tổ chức lặn có ống thở với mục đích du ngoạn
  - TCVN 13828:2023 Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo người trộn khí hỗn hợp
  - TCVN 13829:2023 Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu và chỉ dẫn thực hành đảm bảo môi trường bền vững trong lặn với mục đích giải trí
  - TCVN 13830:2023 Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với đào tạo nhận thức môi trường cho thợ lặn với mục đích giải trí
  - TCVN 13831:2023 Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với nhà cung cấp dịch vụ lặn với mục đích giải trí
7. *Quyết định số 2020/QĐ-BKHCN (11/9/2023):*
- TCVN 13841:2023 Phân tích dấu ấn sinh học phân tử. Phương pháp phát hiện và xác định nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và sản phẩm thực phẩm (dựa trên axit nucleic). Yêu cầu chung và định nghĩa
  - TCVN 13842-1:2023 Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 1: Phương pháp phát hiện ADN của bò
  - TCVN 13842-2:2023 Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR –

- Phần 2: Phương pháp phát hiện ADN của cừu
- TCVN 13842-3:2023 Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 3: Phương pháp phát hiện ADN của lợn
  - TCVN 13842-4:2023 Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 4: Phương pháp phát hiện ADN của gà
  - TCVN 13842-5:2023 Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 5: Phương pháp phát hiện ADN của dê
8. *Quyết định số 1985/QĐ-BKHCN (9/5/2023):*
- TCVN 13843:2023 Truy xuất nguồn gốc. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng mật ong
  - TCVN 13844:2023 Mật ong – Xác định đường thực vật C-4 bằng phương pháp đo tỷ số đồng vị cacbon bền
  - TCVN 13845:2023 Mật ong – Xác định hàm lượng đường – Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
  - TCVN 13846:2023 Mật ong. Xác định hàm lượng phần hoa tương đối
- **Quyết định hủy bỏ Tiêu chuẩn quốc gia**
- Các tiêu chuẩn quốc gia sau đã bị hủy bỏ*
- TCVN 12827:2019 Truy xuất nguồn gốc. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi
  - TCVN 2081:1977 Mực in. Phương pháp lấy mẫu
  - TCVN 6533:1999 Vật liệu chịu lửa aluminosilicat. Phương pháp phân tích hóa học
  - TCVN 8251:2009 Thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
  - TCVN 8859:2011 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường. Thi công và nghiệm thu

## ISO 21001:2018 – TIÊU CHUẨN HỮU ÍCH CHO NGÀNH GIÁO DỤC

**Tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng cho tổ chức giáo dục ISO 21001:2018 là tiêu chuẩn về hệ thống quản lý độc lập được xây dựng theo cấu trúc cấp cao cho các tiêu chuẩn của ISO về hệ thống quản lý.**



Giáo dục đi đầu trong các hành động đóng góp vào sự thịnh vượng của xã hội. Vì vậy, tất cả mọi người nên quan tâm đến chất lượng giáo dục của các nhà giáo dục. Điều quan trọng hiện nay là đảm bảo rằng người học nhận được chất lượng giáo dục mong đợi, dẫn đến việc thu nhận và phát triển năng lực thông qua giảng dạy, học tập hoặc nghiên cứu.

Tiêu chuẩn trong giáo dục không phải là một điều mới. Trong nhiều thập kỷ nay đã có các tiêu chuẩn giáo viên, tiêu chuẩn thành tích, chương trình giảng dạy được tiêu chuẩn hóa, tiêu chuẩn học tập, các bài kiểm tra tiêu chuẩn,... Ngay cả trong lĩnh vực tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn hóa trong các tổ chức giáo dục không phải là một khái niệm hoàn toàn mới. Năm 2003, ISO đã công bố hướng dẫn ISO 9001:2000 cho ngành giáo dục với mục đích trợ giúp các tổ chức giáo dục trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ giáo dục. Hướng dẫn này dành cho các tổ chức giáo dục ở mọi cấp độ, cung cấp tất cả các loại hình giáo dục, chẳng hạn như: giáo dục tiểu học,

trung bình hoặc cao hơn; bao gồm từ xa và học trực tuyến.

Tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng cho tổ chức giáo dục ISO 21001:2018 là tiêu chuẩn về hệ thống quản lý độc lập được xây dựng theo cấu trúc cấp cao cho các tiêu chuẩn của ISO về hệ thống quản lý. Tiêu chuẩn này đã được chấp nhận thành tiêu chuẩn quốc gia hoàn toàn tương đương TCVN ISO 21001:2019. Các yêu cầu cơ bản của tiêu chuẩn này cũng giống với TCVN ISO 9001 nhưng có những phần mang tính đặc thù cho hoạt động giáo dục. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn cũng cung cấp các hướng dẫn chi tiết hữu ích cho việc thực hiện một số yêu cầu đối với hệ thống quản lý chất lượng cho tổ chức giáo dục.

Việc đào tạo đội ngũ chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý chất lượng cho tổ chức giáo dục là hết sức cần thiết, nhằm xây dựng năng lực cho đội ngũ chuyên gia đánh giá của các tổ chức đánh giá sự phù hợp, của các tổ chức giáo dục về các hệ thống quản lý. Qua đó, giúp nâng cao nhận thức, thúc đẩy việc áp dụng có hiệu lực và hiệu quả hệ thống quản lý tiên tiến giúp đạt được các mục tiêu chung của xã hội về vấn đề giáo dục.

Tiêu chuẩn ISO 21001 chỉ định các yêu cầu cho Hệ thống quản lý tổ chức giáo dục (EOMS) khi một tổ chức như vậy cần thể hiện



khả năng của mình để luôn cung cấp, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kiến thức cho người học phù hợp với các yêu cầu theo luật định và quy định hiện hành;

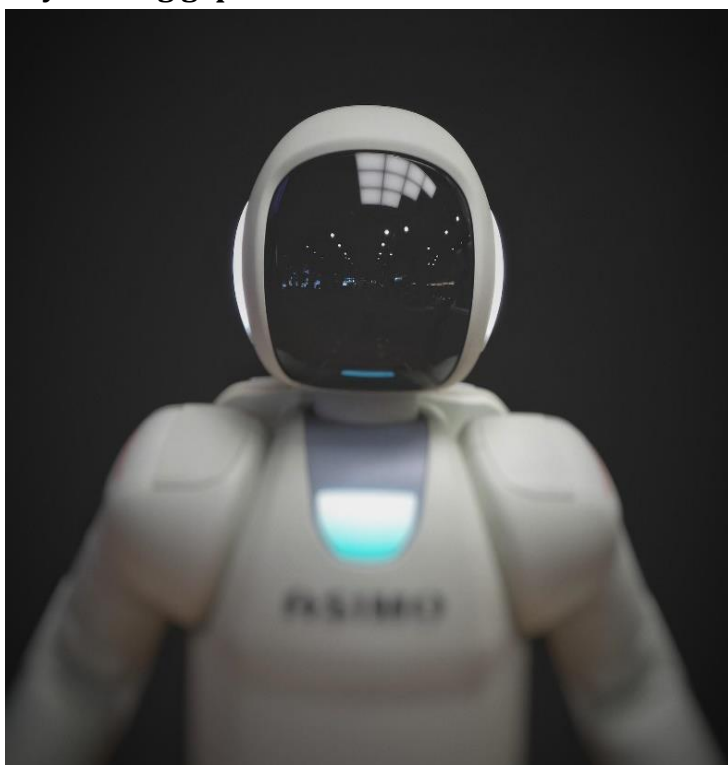
Nhằm mục đích nâng cao sự hài lòng của

người học, các khách hàng khác và nhân sự thông qua việc áp dụng hiệu quả EOMS của mình, bao gồm các quy trình cải tiến hệ thống./.

(Nguyễn Nam)

## XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA RÔ BỐT TRONG CUỘC SỐNG

**Ngày 1 tháng 10 năm 2023 là Ngày Quốc tế Người cao tuổi và theo Liên hợp quốc, tính đến năm 2022 trên thế giới có 771 triệu người từ 65 tuổi trở lên. Con số này đã tăng gấp ba lần kể từ năm 1980.**



Hơn nữa, Liên Hợp Quốc ước tính rằng đến năm 2050, tỷ lệ người già trên toàn cầu sẽ tăng từ dưới 10% lên khoảng 17%.

Các sản phẩm hỗ trợ cuộc sống tích cực (AAL) ngày càng được sản xuất nhiều hơn, chẳng hạn như robot, nhằm mục đích cải thiện cuộc sống của người già hoặc người khuyết tật. Bằng cách giúp đỡ họ trong các hoạt động hàng ngày, họ có thể sống độc lập hơn và ở trong nhà riêng của mình.

Công nghệ dành cho robot đang có những bước phát triển vượt bậc, đến mức nó có thể sớm làm việc nhà, tưới cây và giúp đỡ các nhà sản xuất ô tô. Những tiến bộ trong

công nghệ như trí tuệ nhân tạo và pin năng lượng cao đang giúp thúc đẩy sự phát triển của robot.

Những người lớn tuổi có thể là một trong những người được hưởng lợi nhiều nhất từ những robot mang tính cách mạng mới này, giúp họ sống độc lập, làm được nhiều việc hơn là chỉ làm vài việc nhà.

IEC đưa ra nhiều tiêu chuẩn quốc tế cho các công nghệ mà robot dựa vào, chẳng hạn như trí tuệ nhân tạo, pin, cảm biến và chất bán dẫn.

Để hỗ trợ sự phát triển trong lĩnh vực này và giải quyết mọi thách thức, IEC đã thành lập Ủy ban Hệ thống IEC Syc AAL. Nó nhằm mục đích thúc đẩy sự an toàn, bảo mật, quyền riêng tư và khả năng tương tác giữa các nhà cung cấp trong việc sử dụng các hệ thống và dịch vụ AAL.

Điều này đặc biệt có liên quan trong thế giới ngày càng có nhiều thiết bị kết nối như hiện nay. TV, hệ thống báo động, thiết bị gia dụng, thiết bị đeo và tất nhiên, robot chỉ là một số trong số rất nhiều thị trường Internet of Things (IoT) dành cho người tiêu dùng đang phát triển và không ngừng phát triển, một ngành dự kiến sẽ tăng trưởng lên hơn 154 tỷ USD vào năm 2028.

IEC SyC AAL hiện đang nghiên cứu một tiêu chuẩn có tính đến nhu cầu hỗ trợ tích cực trong thiết kế robot nhằm phát huy hiệu suất chức năng của nó trong môi trường gia đình được kết nối.

Tiêu chí hiệu suất chức năng IEC 63310 trong tương lai dành cho robot được sử dụng trong môi trường gia đình được kết nối AAL sẽ giúp nhận biết và xác định chức năng, hiệu

suất và các yêu cầu kỹ thuật cụ thể của robot AAL trong các ngôi nhà được kết nối. Nó sẽ cung cấp các tiêu chí và khuyến nghị cho việc thiết kế và sản xuất sản phẩm cũng như thử nghiệm và chứng nhận.

Bằng cách này, nó sẽ giúp cung cấp một nền tảng để công nghệ có thể được phát triển hơn nữa, an toàn và có trách nhiệm./.

(Phạm Hòa)

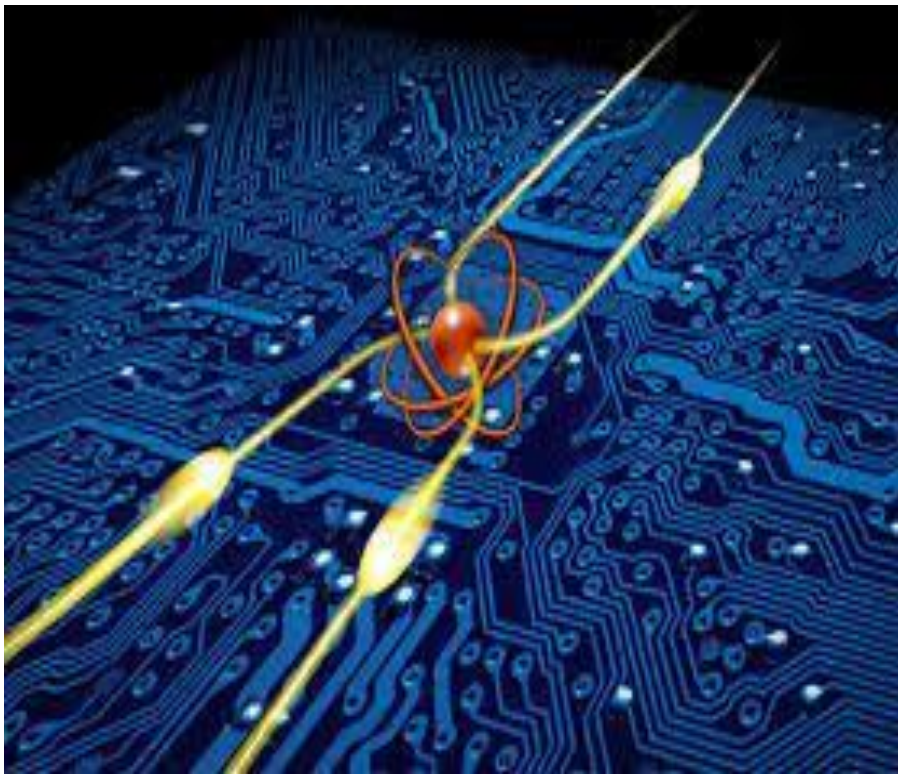
## TIÊU CHUẨN TRUNG QUỐC VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN LƯỢNG TỬ

**Điện toán lượng tử là một lĩnh vực đa ngành bao gồm nhiều khía cạnh của khoa học máy tính, vật lý và toán học vận dụng cơ học lượng tử để giải quyết những vấn đề phức tạp nhanh hơn so với máy tính cổ điển. Lĩnh vực điện toán lượng tử bao gồm nghiên cứu phần cứng và phát triển ứng dụng. Máy tính lượng tử có thể giải quyết một số loại vấn đề nhanh hơn máy tính cổ điển nhờ tận dụng các hiệu ứng cơ học lượng tử.**

đầu tiên được phát triển bởi SAC/TC 578, Điện toán và đo lường lượng tử.

Nội dung tiêu chuẩn nêu rõ các thuật ngữ và định nghĩa liên quan đến cơ sở chung, phần cứng, phần mềm và ứng dụng của điện toán lượng tử, đồng thời cung cấp hướng dẫn cho việc chuẩn bị các báo cáo nghiên cứu khoa học, xây dựng tiêu chuẩn và phát triển tài liệu kỹ thuật trong lĩnh vực này.

Tiêu chuẩn giúp tránh những hiểu lầm trong việc sử dụng các thuật ngữ dành cho điện toán lượng tử, giảm sự nhầm lẫn về khái niệm giữa tất cả các bên liên quan và cung cấp ngôn ngữ chung cho các nhà nghiên cứu, các kỹ thuật viên, các doanh nghiệp và khách hàng tiềm năng...Tiêu chuẩn này cũng giúp thúc đẩy hơn nữa việc nghiên cứu, trao đổi và ứng dụng công nghệ điện toán lượng tử, đồng thời cung cấp sự hỗ trợ quan trọng cho khả năng tương thích và khả năng tương tác trong tương lai, tạo nền tảng vững chắc cho việc tiêu chuẩn hóa công nghệ điện toán lượng tử.



Trung Quốc đang nghiên cứu và xây dựng các tiêu chuẩn trong lĩnh vực này. Tiêu chuẩn GB/T 42565-2023, Điện toán lượng tử - Thuật ngữ và định nghĩa, được xuất bản bởi SAMR (SAC) và sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 12 năm 2023 là tiêu chuẩn Trung Quốc

Là cơ quan nghiên cứu chuyên ngành đầu tiên của Trung Quốc trong lĩnh vực lượng tử, Viện Công nghệ Lượng tử Tế Nam (JIQT) đi đầu trong việc thực hiện công việc tiêu chuẩn hóa về công nghệ thông tin lượng tử, dẫn đầu việc thành lập SAC/TC 578 và giữ chức vụ ban

thư ký vào năm 2019. SAC/TC 578 đã thực hiện công việc phát triển tiêu chuẩn trong các lĩnh vực thuật ngữ, định nghĩa, lược tần số quang học, bộ tạo số ngẫu nhiên,... với 8 tiêu chuẩn quốc gia đang được xây dựng và 1 tiêu chuẩn quốc gia đã được công bố.

Dựa trên công việc của SAC/TC 578, JIQT sẽ tiếp tục đóng vai trò dẫn đầu trong việc tiêu chuẩn hóa, tạo ra một nền tảng hỗ trợ toàn

diện tích hợp phát triển, xác minh và đổi mới tiêu chuẩn, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về thông tin lượng tử và nỗ lực xây dựng một trung tâm trình diễn ứng dụng các tiêu chuẩn “quantum plus” quốc gia sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo ra các thành tựu công nghệ lượng tử được thiết kế và công nghiệp hóa theo tiêu chuẩn./.

(Phạm Hòa)

## ĐẢM BẢO CHIẾU SÁNG AN TOÀN CHO CÁC MÔN THỂ THAO DƯỚI NƯỚC

**Thiết kế ánh sáng trong các môn thể thao dưới nước không chỉ giúp mọi người nhìn rõ, nó đảm bảo rằng khán giả thực sự có thể nhìn thấy những người đang bơi chứ không phải ánh sáng chói phản chiếu dưới nước; nhưng quan trọng hơn, cần phải ghi nhớ yếu tố an toàn cốt yếu. Điều cần thiết là các thiết bị chiếu sáng khác nhau xung quanh nước phải được bảo vệ khỏi độ ẩm và rò rỉ điện do tai nạn.**



Tiêu chuẩn Quốc tế của IEC đã công bố các bộ tiêu chuẩn đảm bảo rằng công nghệ chiếu sáng dưới nước đáp ứng các thông số kỹ thuật về an toàn và hiệu suất cần thiết.

### Nhiều ưu điểm của thiết kế chiếu sáng

Với các môn thể thao dưới nước, các nhu cầu và sự điều chỉnh khác nhau có thể góp phần tạo nên hệ thống chiếu sáng chu đáo dưới nước hoặc xung quanh. Ví dụ: ánh sáng nghiêng hoặc phản xạ thứ cấp có thể được sử dụng để tránh chói và giúp ngăn ngừa tai nạn.

Các yếu tố khác như xử lý ánh sáng nhấp nháy, độ cao chiếu sáng, nhu cầu về màu sắc và tính đồng nhất cho phát sóng truyền hình khi cần thiết hoặc chuyển sang các phương án tiết kiệm năng lượng hơn như công nghệ đi-ốt phát quang (LED) cũng phải được xem xét.

Nói về đèn LED, các chuyên gia của IEC nhận thấy cần phải đặt ra các tiêu chuẩn quốc tế không chỉ cho công nghệ chiếu sáng an toàn mà còn hiệu quả. Ông Hans-Gerd Kaiser, Chủ tịch ban Tiêu chuẩn IEC SC 34D, một tiểu ban chuyên trách về đèn điện tiếp xúc với nước, đã đưa ra một ví dụ về công việc đó:

“Đèn LED giúp tiết kiệm năng lượng hơn và ngày càng được sử dụng nhiều hơn cho cả chiếu sáng dưới nước và chiếu sáng lũ lụt. Cũng như các hệ thống chiếu sáng điện khác, IEC cũng đi đầu trong việc đưa ra các biện pháp an toàn và thông số kỹ thuật hiệu suất tối ưu cho đèn LED. Ví dụ: SC 34D đã cập nhật IEC 60598-1, một tiêu chuẩn chung thiết lập các yêu cầu chung và thử nghiệm đối với bộ đèn có đèn LED.”

Để bảo vệ các thiết bị chiếu sáng trong bể bơi trong nhà khỏi clo và ăn mòn, nó phải có xếp hạng Bảo vệ chống xâm nhập (IP) thích hợp. Xếp hạng IP được IEC phát triển để phân loại khả năng chống lại sự xâm nhập của bụi hoặc chất lỏng của vỏ bọc.

Tiêu chuẩn IEC giúp đảm bảo an toàn cho việc lắp đặt điện dưới nước hoặc ở những khu vực có độ ẩm cao:

IEC TC 64, công bố IEC 60364-7-702, áp dụng cho bể bơi và quy định cách lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện gần hoặc dưới nước để bảo vệ chống điện giật.

SC 34D ban hành IEC 60598-2-18 về các yêu cầu đối với đèn bể bơi.

IEC TC 70 công bố tiêu chuẩn chính, IEC 60529, đánh giá khả năng chống nước bằng mã xếp hạng IP.

Tiểu ban SC 34D cũng công bố tiêu chuẩn IEC 60598-2-5, trong đó quy định các yêu cầu đối

với đèn pha trên nguồn cung cấp không quá 1000 V.

Chương trình IECQ cho hệ thống chiếu sáng LED cung cấp một nền tảng quản lý chất lượng chứng nhận các nhà cung cấp linh kiện và quy trình sản xuất các sản phẩm chiếu sáng LED. Kế hoạch này được thiết lập để đề phòng rủi ro các sản phẩm chất lượng thấp và không đáng tin cậy xâm nhập thị trường./.

(Anh Đức)

## **CANADA CÔNG BỐ DỰ THẢO TIÊU CHUẨN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ SỨC KHỎE TÂM THẦN VÀ HẠNH PHÚC TRONG CƠ SỞ CHĂM SÓC DÀI HẠN VÀ HỖ TRỢ SINH HOẠT**

**CSA đã bắt đầu phát triển Tiêu chuẩn Quốc gia mới của Canada về sức khỏe tâm thần và hạnh phúc trong các cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt (CSA Z2004). Tiêu chuẩn này sẽ cung cấp hướng dẫn để giúp đảm bảo cư dân được chăm sóc dài hạn và các cơ sở hỗ trợ sinh hoạt từ bờ biển này sang bờ biển khác nhận được dịch vụ chăm sóc chất lượng cao hỗ trợ sức khỏe tâm thần và hạnh phúc của họ.**



Để giúp đảm bảo rằng tiếng nói của tất cả người dân Canada được lắng nghe và xem xét trong quá trình phát triển tiêu chuẩn mới, CSA công bố bản dự thảo CSA Z2004 để công chúng xem xét trong thời gian 60 ngày. CSA G cũng sẽ tổ chức một loạt các cuộc tham vấn với các

bên quan tâm vào mùa thu này. Thông tin chi tiết về đánh giá công khai về CSA Z2004 và các cuộc tham vấn bao gồm:

- Dự thảo CSA Z2004 sẽ được cung cấp để công chúng xem xét và nhận xét cho đến ngày 17 tháng 11 năm 2023 và có sẵn bằng cả tiếng Anh và tiếng Pháp. Cần phải đăng ký một lần trên trang web đánh giá công khai của CSA Group.

- Trong suốt mùa thu, CSA sẽ tổ chức bốn buổi tham vấn phù hợp với các bên và chủ đề quan tâm đa dạng và toàn diện, bao gồm cư dân (cư dân trẻ từ 18-64 tuổi và cư dân lớn tuổi từ 65 tuổi trở lên), gia đình và đối tác chăm sóc, công nhân và quản lý cũng như cộng đồng bản địa.

### **VỀ CSA Z2004**

Tiêu chuẩn CSA Z2004

- CSA Z2004 dự kiến ra mắt vào giữa năm 2024.
- CSA Z2004 sẽ đặc biệt tập trung vào nhu cầu tâm lý của cư dân trong các cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt. Tiêu chuẩn mới này sẽ giúp nâng cao, củng cố và mở rộng các Tiêu chuẩn Quốc gia hiện có của Canada về chăm sóc dài hạn bao gồm CSA Z8004:2022 tập trung vào việc tạo ra môi trường vật chất an toàn hơn trong các cơ sở

chăm sóc dài hạn và CAN/HSO 21001:2023 tập trung vào việc cung cấp các hướng dẫn để cung cấp các dịch vụ chăm sóc dài hạn chất lượng cao và đáng tin cậy.

- CSA Z2004 sẽ cung cấp hướng dẫn cho việc lập kế hoạch, phát triển và triển khai các dịch vụ, chương trình, đào tạo, chính sách, thủ tục và thực hành nhằm hỗ trợ sức khỏe tâm thần và hạnh phúc của cư dân. Tiêu chuẩn cũng sẽ đề cập đến các cân nhắc về thiết kế và môi trường xây dựng điều đó có thể thúc đẩy sức khỏe tinh thần và hạnh phúc.

- Các yêu cầu và hướng dẫn trong CSA Z2004 đề cập đến tất cả cư dân đang sống trong các cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt, bất kể họ thuộc nhóm nào trong danh mục chăm sóc sức khỏe tâm thần liên tục, bao gồm cả những người không có các triệu chứng hoặc tình trạng sức khỏe tâm thần và những người có hoặc có nguy cơ về tình trạng sức khỏe tâm thần.

- Được chủ trì bởi Tiến sĩ Julia Kirkham, một bác sĩ tâm thần lão khoa, CSA Z2004 đang được phát triển bởi Tiểu ban Kỹ thuật của Tập đoàn CSA về sức khỏe tâm thần và phúc lợi tại các cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt.

- Người dùng cuối dự định của CSA Z2004 bao gồm cư dân, quản trị viên, công nhân, gia đình, đối tác chăm sóc và các nhóm chăm sóc rộng hơn tham gia vào các cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt.

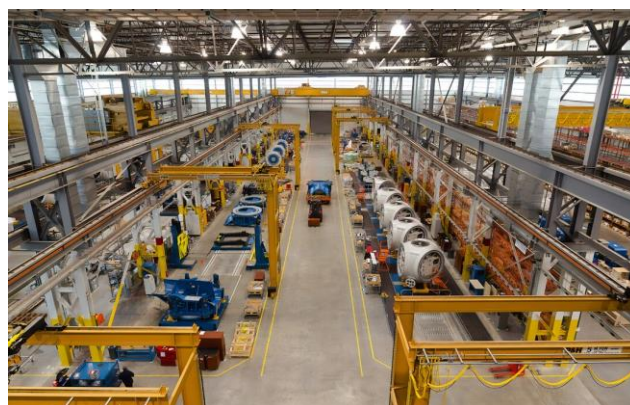
Kay Penn, Giám đốc, Sức khỏe và An toàn, cho biết: "Tiểu ban Kỹ thuật của Tập đoàn CSA về sức khỏe tâm thần và phúc lợi trong các cơ sở chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt đã làm việc không mệt mỏi để phát triển tiêu chuẩn này, dựa trên chuyên môn cũng như kinh nghiệm sống và chuyên môn của họ". Standards, Nhóm CSA. "Chia sẻ dự thảo này với công chúng Canada là một cột mốc quan trọng và là một phần cực kỳ quan trọng của quá trình phát triển tiêu chuẩn. Phản hồi nhận được trong quá trình xem xét của công chúng và trong quá trình tham vấn với các bên quan tâm khác nhau là rất quan trọng để đảm bảo rằng việc chăm sóc lấy con người làm trung tâm, Các nguyên tắc công bằng, đa dạng, hòa nhập, an toàn văn hóa và khiêm tốn được đặt lên hàng đầu trong tiêu chuẩn cuối cùng."

Tiến sĩ Julia Kirkham, MD, Thạc sĩ, FRCPC, Trợ lý Giáo sư, Tâm thần Lão khoa, Đại học Calgary và chủ tịch của tiểu ban kỹ thuật dẫn đầu sự phát triển của CSA Z2004. "CSA Z2004 sẽ cung cấp các tiêu chuẩn về chăm sóc chất lượng cao nhằm hỗ trợ sức khỏe tâm thần tốt cho tất cả mọi người, bao gồm cả những người có tình trạng sức khỏe tâm thần và những người không mắc bệnh. Cùng với các tiêu chuẩn hiện có, sẽ hướng dẫn những cải tiến cần thiết trong việc chăm sóc dài hạn và hỗ trợ sinh hoạt."/.

(*Hồng Anh*)

## CÔNG CỤ POKA - YOKE: NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ GIẢI PHÓNG CÁC TRỞ NGẠI CHO DOANH NGHIỆP

Poka - Yoke là một công cụ cải tiến được ứng dụng rộng rãi ở cả lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại nhiều quốc gia trên thế giới. Phương pháp này đặc biệt phát huy tính hiệu quả trong quản lý sai lỗi tại các nhà máy sản xuất theo dây chuyền. Bằng việc đề cao tinh thần tự giác chủ động tìm kiếm, phân tích và loại bỏ sai lỗi, Poka - Yoke giúp các doanh nghiệp sản xuất nâng cao năng lực cạnh tranh và giải phóng các



**trở ngại trên con đường đạt đến mục tiêu của mình.**

Công cụ phòng chống lỗi sai Poka – Yoke giúp con người kiểm soát quá trình làm việc, khi bất cứ sai sót nào xảy ra, công cụ ngay lập tức thông báo để người liên quan, đồng thời dừng ngay hệ thống sản xuất. Nhờ đó, các loại sai hỏng sẽ ngay lập tức bị loại bỏ và các sản phẩm lỗi, khuyết tật không xuất hiện.

Mục đích của công cụ phòng chống lỗi sai Poka – Yoke là loại trừ các sản phẩm lỗi bằng cách ngăn ngừa, sửa chữa hoặc thu hút sự chú ý đến lỗi của con người khi chúng xảy ra. Xác định độ tin cậy và khả năng bảo trì tối ưu. Thực hiện phân tích các dạng: Không có sự cố máy dừng; Không có phế phẩm; Không có lãng phí – hao hụt; Năng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần doanh nghiệp.

Chính vì vậy, trách nhiệm trực tiếp thuộc



người sử dụng thiết bị, việc nỗ lực hướng tới mục tiêu này, công cụ phòng chống lỗi sai Poka – Yoke cung cấp phương án chặt chẽ đối với công ty sử dụng thiết bị. Vì thế, công cụ phòng chống lỗi sai Poka – Yoke có thể được coi là áp dụng thực tiễn cải tiến thiết bị tốt nhất.

Trong bối cảnh sản xuất công nghiệp thế giới cạnh tranh như hiện nay, duy trì sản xuất

liên tục, giảm thiểu lãng phí hoặc tổn thất luôn là mục tiêu hàng đầu của các nhà sản xuất. Công cụ phòng chống lỗi sai (Poka – Yoke) là một trong những trụ cột của Phương pháp quản lý tinh gọn (Lean) giúp cho doanh nghiệp đạt được hiệu quả sản xuất cao, giảm lỗi sai và đảm bảo môi trường làm việc an toàn. Mục tiêu của Công cụ phòng chống lỗi sai (Poka – Yoke) là những sai lầm trong quá trình làm việc có thể được ngăn chặn, ngay lập tức phát hiện và sửa chữa.

Trên thực tế, có năm mức áp dụng công cụ Poka - Yoke trong sản xuất, mức 1: Doanh nghiệp hoàn toàn không có hệ thống kiểm tra trong và sau quá trình sản xuất, dẫn đến việc sản phẩm sai hỏng thay vì được loại bỏ, sẽ được phân phối đến tay khách hàng; Mức 2: Doanh nghiệp đã thiết lập hệ thống kiểm tra sai lỗi trong dây chuyền sản xuất của mình

nhưng không loại trừ hết được các sai hỏng, phải chờ đến khi kiểm tra mới loại bỏ được các sai hỏng đó; Mức 3: Doanh nghiệp đã thiết lập hệ thống kiểm tra sai hỏng với thông tin đi kèm về sai hỏng đó, tỷ lệ phế phẩm vì thế cũng được giảm đáng kể nhưng chưa hoàn toàn. Một số thành phẩm bị lỗi phải đợi kiểm tra mới loại bỏ được;

Mức 4: Doanh nghiệp đã có hệ thống tự kiểm tra sai lỗi, sự cố hoàn thiện, các sai hỏng từ đó được phát hiện và xử lý ngay trong dây chuyền, trước khi rời khỏi nhà máy; Mức 5: Hệ thống kiểm tra được thiết lập từ nguồn, xuyên suốt dây chuyền sản xuất, đồng thời sẵn sàng chuyển thông tin ngay lập tức đến con người để ngăn chặn sai hỏng phát sinh từ nguồn. Kết quả không có sản phẩm khuyết tật sau sản xuất./

(Phạm Hòa)

## TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHỨC NĂNG AN TOÀN ĐỐI VỚI CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

Dù chúng ta đi đâu và làm gì, chúng ta thường không bao giờ ở quá xa một thiết bị hoặc hệ thống điện hoặc điện tử. Đảm bảo chúng an toàn và không gây ra những tổn hại không thể chấp nhận được cho chúng ta là mục tiêu hàng đầu sau sự an toàn chức năng. Nó tập trung vào thiết bị điện tử và phần mềm liên quan, đồng thời kích hoạt các cơ chế an toàn tích hợp để giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn có thể gây hại hoặc phá hủy thứ gì đó hoặc ai đó.



chức năng áp dụng cho nhiều lĩnh vực công nghiệp. Nó yêu cầu phân tích các rủi ro hoặc mối nguy hiểm tiềm ẩn của một hệ thống hoặc thiết bị nhất định và cung cấp các danh mục để xác định mức độ có thể xảy ra mối nguy hiểm tiềm ẩn và hậu quả nếu nó xảy ra. Nó đảm bảo giảm thiểu rủi ro thông qua Mức độ toàn vẹn an toàn (SIL).

SIL được xác định để chỉ ra mức độ mà hệ thống sẽ đáp ứng các chức năng an toàn được chỉ định.

Tiêu chuẩn IEC TC 65, được biết đến nhờ hoạt động dựa trên loạt tiêu chuẩn IEC 61508, đã đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực an toàn chức năng trong nhiều năm. Các tiêu chuẩn này bao gồm việc thiết kế và thực hiện các biện pháp bảo vệ nhằm ngăn ngừa tai nạn và giảm thiểu rủi ro trong các ngành khác nhau.

Cụ thể, tiêu chuẩn IEC 61508 là một loạt tiêu chuẩn ngang cung cấp các yêu cầu về an toàn chức năng áp dụng cho nhiều lĩnh vực công nghiệp. Nó yêu cầu phân tích các rủi ro hoặc mối nguy hiểm tiềm ẩn của một hệ thống hoặc thiết bị nhất định và cung cấp các danh mục để xác định mức độ có thể xảy ra mối nguy hiểm tiềm ẩn và hậu quả của nó nếu nó xảy ra.

AI ngày càng được sử dụng nhiều trong các hệ thống quan trọng về an toàn như hệ thống tự động và robot di động tự động. Do đó, an toàn về chức năng của AI cần được xem xét khi công nghệ này phát triển.

An toàn chức năng trong các hệ thống AI là chủ đề chính tại phiên họp toàn thể hai năm một lần của ủy ban chung IEC và ISO về AI, ISO/IEC JTC 1/SC 42.

Nó được tìm thấy ở hầu hết mọi nơi, từ máy bay đến máy móc công nghiệp và thiết bị y tế, v.v.

Ví dụ: cửa tự động có cảm biến tích hợp mở đủ nhanh để bạn không bị kẹp mũi và đóng đủ chậm phía sau để bạn không bị kẹt giữa chùng. Các cảm biến trong thiết bị báo khói kích hoạt hệ thống phun nước để dập tắt mọi đám cháy và van chống tràn, được sử dụng trong nhiều môi trường khác nhau như hệ thống ống nước và sản xuất điện, cảnh báo người dùng khi đạt đến mức áp suất nhất định.

Các tiêu chuẩn an toàn chức năng được thiết kế để đảm bảo sự an toàn và độ tin cậy của phần mềm cho phép bảo vệ tự động này.

IEC 61508 là một loạt tiêu chuẩn theo chiều ngang cung cấp các yêu cầu về an toàn

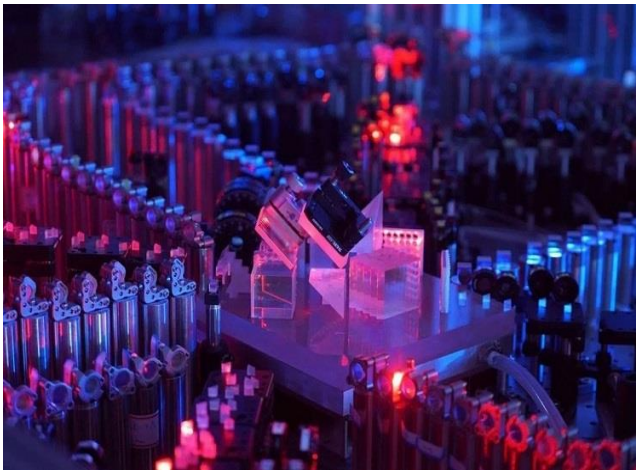
Tiểu ban SC 42 đã phát triển các tiêu chuẩn quốc tế về trí tuệ nhân tạo. Cách tiếp cận toàn diện độc đáo của nó xem xét toàn bộ hệ sinh thái AI, bằng cách xem xét năng lực công nghệ và các yêu cầu phi kỹ thuật, chẳng

hạn như các yêu cầu về kinh doanh, quy định và chính sách, nhu cầu về miền ứng dụng cũng như các mối quan tâm về đạo đức và xã hội./.

(Anh Minh)

## TIÊU CHUẨN HÓA - TẠO ĐIỀU KIỆN CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHỆ LƯỢNG TỬ

**Hiện nay, tiêu chuẩn hóa là vô cùng quan trọng để tạo điều kiện cho sự phát triển của các công nghệ mới và sự phát triển hiệu quả của chuỗi cung ứng. Sự hài hòa của các công nghệ, phương pháp và giao diện cho phép sản phẩm có thể tương tác, đổi mới và cạnh tranh, tất cả đều dẫn đến tăng trưởng thị trường. Khi các công nghệ lượng tử phát triển sẽ phát sinh các nhu cầu về tiêu chuẩn hóa.**



Trong quá khứ, tiêu chuẩn hóa thường bị đánh giá là mâu thuẫn với đổi mới. Ngày nay, tiêu chuẩn hóa trở thành một trong những công cụ đầy đủ và mạnh mẽ nhất để nhanh chóng vốn hóa tri thức và phổ biến kiến thức cũng như triển khai kiến thức này trong ngành và do đó chuyển kết quả nghiên cứu nhanh chóng ra thị trường. Quá trình tiêu chuẩn hóa cũng là quá trình chia sẻ tri thức và bồi đắp tri thức vì nó phục vụ như một nền tảng chung cho các lĩnh vực khác như cơ sở nghiên cứu khoa học, ngành công nghiệp, các học viện, nhà trường và rộng lớn hơn là toàn xã hội.

Theo các tổ chức phát triển tiêu chuẩn châu Âu CEN-CENELEC và ETSI, tiêu chuẩn là tài liệu được thiết lập theo sự đồng thuận và được phê duyệt bởi một cơ quan có thẩm quyền được công nhận. Tài liệu tiêu chuẩn cung cấp quy tắc, hướng dẫn vận hành, đặc điểm của quá trình hoặc kết quả của chúng, nhằm mục đích sử dụng chung, lặp đi lặp lại và đạt được mức độ trật tự tối ưu trong một bối cảnh nhất định. Các tiêu chuẩn phải dựa trên kết quả tổng hợp của khoa học - công nghệ và kinh nghiệm, nhằm mục đích thúc đẩy lợi ích tối ưu trong cộng đồng.

Các tiêu chuẩn mang lại nhiều lợi ích. Chúng cho phép giảm chi phí và nâng cao hiệu quả, đảm bảo chất lượng, an toàn và bí quyết công nghệ của sản phẩm, dịch vụ và tổng hợp giữa chúng, đồng thời hỗ trợ việc tuân thủ luật pháp và các chính sách có liên quan. Các tiêu chuẩn đáp ứng mong đợi và yêu cầu của khách hàng, cho phép tiếp cận thị trường và khách hàng ở các quốc gia khác nhau. Các tiêu chuẩn đạt được khả năng tương thích và khả năng tương tác giữa các sản phẩm và thành phần, đồng thời nâng cao kiến thức về các công nghệ và cải tiến mới.

Nhìn chung, các tiêu chuẩn được phát triển bởi các nhóm chuyên gia từ ngành công nghiệp và nghiên cứu. Tuy nhiên, các bên quan tâm khác nhau, chẳng hạn như từ các nhà hoạch định chính sách và quản lý hành chính, bảo vệ môi trường, người tiêu dùng... cũng tham gia vào việc phát triển các tiêu chuẩn liên quan. Sự phát triển có thể diễn ra ở các cấp độ khác nhau: Nếu các chuyên gia tập hợp

ở cấp quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia được phát triển theo quy trình dựa trên sự đồng thuận trong các Cơ quan Tiêu chuẩn hóa Quốc gia



(NSB).

Tuy nhiên, các NSB cũng có thể ủy quyền cho các tổ chức có trách nhiệm ở cấp châu Âu (CEN, CENELEC) hoặc cấp quốc tế (ISO, IEC), nơi họ phát triển nội dung kỹ thuật với tư cách là đại diện cho các quốc gia tương ứng với sự đồng thuận với các chuyên gia được ủy quyền khác. Điều này có thể kết hợp đảm bảo quyền lợi của quốc gia khác nhau trong việc xây dựng tiêu chuẩn, đảm bảo kết quả tốt nhất có thể cho các bên liên quan. Các tổ chức phát triển tiêu chuẩn khác, như ETSI và ITU-T, thành lập các nhóm và các tổ chức thành viên bao gồm các đại biểu của các công ty thương mại và tổ chức nghiên cứu./.

(Nguyễn Nam)

## TRUNG QUỐC CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN VỀ HỆ THỐNG MÁY BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI DÂN DỤNG

Có thể nói thời đại của máy bay không người lái (drone) đã đến. Và những thiết bị bay không người lái này đang dần phát triển để trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày. Trong bối cảnh đó, các ngành công nghiệp và chính phủ Trung Quốc đang nỗ lực phát triển và xây dựng các tiêu chuẩn cho các ứng dụng sử dụng công nghệ mới này.



Tiêu chuẩn Trung Quốc GB 42590-2023, Yêu cầu an toàn đối với hệ thống máy bay không người lái dân dụng, được SAMR (SAC)

ban hành gần đây, do MIIT soạn thảo và sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Ngành công nghiệp máy bay không người lái dân dụng (UAV) toàn cầu đã phát triển nhanh chóng, do đặc điểm vận hành đơn giản và linh hoạt nên UAV được sử dụng rộng rãi trong nông nghiệp, lâm nghiệp, điện, khí tượng, giám sát hàng hải, viễn thám và lập bản đồ, hậu cần, cứu hộ khẩn cấp và nhiều lĩnh vực khác. Tuy nhiên, chúng dễ bị sửa đổi, dẫn đến hoạt động trái phép, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, an toàn công cộng. Ngoài ra, do chưa có tiêu chuẩn thống nhất về chất lượng, an toàn cho UAV dân dụng nên thiết kế sản phẩm của một số doanh nghiệp chưa phù hợp, đe dọa tính mạng và tài sản của người dân.

Tiêu chuẩn GB 42590-2023 là tiêu chuẩn hỗ trợ cho Quy định tạm thời về quản lý chuyển bay của máy bay không người lái, có thể hướng dẫn hiệu quả việc thiết kế và sản xuất UAV, quy định các cuộc kiểm tra tuân thủ của các cơ quan kiểm tra và đảm bảo việc sử dụng an toàn cho người dùng. Tiêu chuẩn giúp đảm bảo sự an

toàn của các sản phẩm UAV dân dụng, thực hiện các yêu cầu quản lý và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của ngành.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho máy bay không người lái dân dụng siêu nhỏ, nhẹ, trừ các kiểu phi cơ. Tiêu chuẩn đưa ra 17 khía cạnh của yêu cầu kỹ thuật bắt buộc và phương

pháp thử nghiệm tương ứng, như hàng rào điện tử, nhận dạng từ xa và xử lý khẩn cấp.

SAMR (SAC) sẽ hợp tác với MIIT để triển khai toàn diện việc phổ biến, đào tạo về tiêu chuẩn, đồng thời hướng dẫn các nhà sản xuất tích cực triển khai và tuân thủ tiêu chuẩn./.

(Hà My)

## XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN THEO TCVN 10380:2014

**Rất nhiều địa phương hiện nay đang trong giai đoạn nông thôn mới. Đường xá công trình của nông thôn mới được cải thiện hơn rất nhiều. Theo đó việc xây dựng đường nông thôn mới hướng tới đạt theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380-2014.**



Theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380-2014- Đường giao thông nông thôn, yêu cầu cơ bản của thiết kế tuyến đường phải sử dụng hợp lý địa hình, vận dụng chính xác các tiêu chuẩn mặt cắt ngang, bình đồ và mặt cắt dọc để tiến hành thiết kế, khi điều kiện cho phép nên cố gắng sử dụng chỉ tiêu kỹ thuật cao.

Tuyến đường thiết kế cần duy trì cân bằng sinh thái, chú ý đến bảo vệ môi trường, chú ý phối hợp giữa các môi trường địa phương và cảnh quan, hạn chế giải phóng mặt bằng nhà ở và đất nông nghiệp, không xâm phạm phạm vi di tích lịch sử và gây thiệt hại đến hiện vật lịch sử của địa phương theo quy

định hiện hành. Khi qua các thị trấn và các khu định cư đông đúc, tuyến đường nên đi ven mà

không cắt qua, tạo thuận tiện cho dân nhưng tránh ùn tắc và tai nạn giao thông.

Tại Mục 4 Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 quy định, yêu cầu chung khi thiết kế đường giao thông nông thôn không chỉ tuân theo đầy đủ các quy định trong tiêu chuẩn này mà còn phải thỏa mãn các yêu cầu trước mắt và có xem xét tới định hướng phát triển bền vững, lâu dài nhiều mặt như về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường của địa phương.

Phải xem xét đến phương án phân kỳ đầu tư để khi nâng cấp hay cải tạo sẽ tận dụng được tối đa các công trình cầu cống đã phân kỳ. Khi thực hiện phương án phân kỳ thì phải xét đến việc dự trữ đất dùng cho công trình hoàn chỉnh sau này. Cần kết hợp chặt chẽ mạng lưới giao thông với quy hoạch tưới tiêu thủy lợi, hệ thống đường dây tải điện, thông tin hữu tuyến...

**Tiêu chuẩn đường nông thôn mới như thế nào?**

Ngày 18/7/2022, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định 932/QĐ-BGTVT hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn 2021-2025.

**Đối với xã**

Căn cứ vào Mục 1 Chương I Hướng dẫn ban hành kèm Quyết định 932/QĐ-BGTVT năm 2022 quy định một số chỉ tiêu thuộc tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới như sau:

Đối với các chỉ tiêu 2.1 và 2.2 được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng được các yêu cầu sau:

- 100% đường xã được nhựa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm;

- Tỷ lệ đường thôn bản, ấp và đường liên thôn, bản ấp ít nhất được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đáp ứng quy định tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- Quy mô kỹ thuật của đường phù hợp với hướng dẫn tại nội dung Chương II của Hướng dẫn này.

#### **Đối với huyện**

Hướng dẫn một số chỉ tiêu thuộc tiêu chí về giao thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới quy định như sau:

- Chỉ tiêu 2.1 (Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm) được đánh giá “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu:

- + 100% số xã trên địa bàn huyện có đường ô tô kết nối với đường huyện và các trung tâm hành chính, đảm bảo đi lại thuận

tiện quanh năm; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%;

- + 100% đường huyện được bảo trì hàng năm.

- Chỉ tiêu 2.2 (Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch) được đánh giá “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu:

- + Có 100% đường huyện được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp với cấp đường theo quy hoạch được phê duyệt;

- + Có 100% đường huyện đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054: 2005 Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế;

- + Có 100% đường huyện có hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

- Chỉ tiêu 2.4 (Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên ) được đánh giá là “Đạt” khi đáp ứng các yêu cầu:

- + Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đáp ứng được tiêu chí bến xe loại 4;

- + Được công bố đưa bến xe vào khai thác theo quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT (sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT). /.

(Phạm Hòa)

## **CHĂN NUÔI ONG HỮU CƠ THEO TCVN 11041-9:2023 MANG LẠI HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO**

**Trước tình trạng sản xuất và kinh doanh mật ong giả mạo, kém chất lượng ngày càng tràn lan thì việc sản xuất mật ong hữu cơ là một bước đi đúng đắn đối với nhiều cá nhân và doanh nghiệp hiện nay. Tuy nhiên để sản phẩm mật ong, sữa ong chúa, phấn hoa, ... được chứng nhận là thực phẩm chăn nuôi theo phương pháp hữu cơ chủ trang trại cần tuân thủ theo các yêu cầu trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-9:2023 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 9: Mật ong hữu.**

Nuôi ong hữu cơ là một hoạt động quan trọng trong việc góp phần nâng cao môi trường và sản xuất nông lâm nghiệp qua hoạt



động thụ phấn của ong. Việc xử lý và quản lý các tổ ong cũng cần tuân theo các nguyên tắc tiêu chuẩn cơ bản.

Về nguyên tắc, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-9:2023 quy định vùng lấy mật của ong

thợ phải đủ rộng để cung cấp nguồn dinh dưỡng thích hợp và để ong tiếp cận được với nguồn nước. Các nguồn mật hoa, mật lá và phấn hoa tự nhiên chủ yếu từ cây trồng hữu cơ và từ thảm thực vật hoang dại. Đảm bảo sức khỏe của ong trên cơ sở phòng bệnh bằng cách chọn giống thích hợp, duy trì môi trường thuận lợi, chế độ ăn cân đối và thực hành nuôi ong đúng kỹ thuật.

Các dụng cụ nuôi ong được làm chủ yếu từ các vật liệu tự nhiên, không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc gây ô nhiễm các sản phẩm ong. Thùng ong phải được đặt trong khu vực sản xuất hữu cơ hoặc khu vực không sử dụng các chất nằm ngoài danh mục nêu trong tiêu chuẩn này.

Trong vụ mật với phạm vi bán kính 0,5km tính từ trại ong không ngòi đốt và 3km tính từ trại nuôi các loài ong khác cần có đủ cây nguồn mật bao gồm cây trồng hữu cơ, thảm thực vật chưa được xử lý bằng các chất nằm ngoài danh mục quy định. Trong phạm vi bán kính từ 0,5-3km tính từ trang trại không được có các nguồn ô nhiễm làm ảnh hưởng tới ong. Phải các định rõ khu vực đặt thùng ong và phạm vi lấy mật.

Đàn ong và thùng ong phải được quản lý theo phương pháp hữu cơ liên tục trong ít nhất 12 tháng trước khi sản phẩm từ ong có thể coi là hữu cơ.

Khi cần sử dụng chân tầng trong giai đoạn chuyển đổi nếu không thể có được chân tầng bằng sáp ong hữu cơ thì có thể sử dụng

chân tầng bằng sáp ong thông thường nhưng chỉ được tiếp xúc với các vật liệu phù hợp với tiêu chuẩn này. Nếu không phải thay thế sáp ong trong vòng 12 tháng.

Nếu có bằng chứng về việc chưa sử dụng các chất cấm nằm ngoài danh mục của tiêu chuẩn này đối với tổ ong đang trong giai đoạn chuyển đổi thì không cần thay thế chân tầng. Không được chuyển đổi qua lại các đàn ong và thùng ong giữa các hệ thống quản lý theo phương pháp hữu cơ và không hữu cơ. Trong trường hợp phải thay đàn, đàn ong thay thế là đàn sinh ra tại chính cơ sở có nguồn gốc nuôi ong hữu cơ.

Trong trường hợp ong bị nhiễm bệnh hại cần sử dụng thảo dược hoặc chế phẩm có nguồn gốc thực vật nhưng không quá 30 ngày. Trường hợp ong vẫn nhiễm bệnh không được sử dụng thuốc kháng sinh và các chất khác nằm ngoài danh mục của tiêu chuẩn này.

Khi khai thác mật phải đảm bảo về chất lượng và tính toàn vẹn hữu cơ của mật ong. Không được sử dụng hóa chất tổng hợp để xua đuổi ong thợ khi lấy mật. Các bề mặt tiếp xúc trực tiếp với mật ong phải được làm bằng vật liệu dùng cho thực phẩm hoặc được phủ bằng sáp ong hữu cơ. Dụng cụ khai thác mật ong phải được vệ sinh bằng phương pháp phù hợp không gây ô nhiễm cho mật ong. Vật chứa mật phải đảm bảo kín khí và không gây ô nhiễm cho mật ong./.

(Nguyễn Nam)

## ĐỀ XUẤT BỘ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN CƠ BẢN ĐỂ ĐẢM BẢO AN TOÀN

**Bộ Y tế đang dự thảo Thông tư quy định Bộ tiêu chuẩn chất lượng bệnh viện cơ bản. Đây là các quy định, yêu cầu tối thiểu đặt ra cho các bệnh viện cần đạt được để bảo đảm cung cấp các dịch vụ y tế an toàn, có chất lượng.**

Bộ Y tế cho biết, mục đích ban hành Bộ tiêu chuẩn chất lượng bệnh viện cơ bản nhằm cung cấp bộ công cụ để các bệnh viện tự đánh



giá và các cơ quan quản lý, tổ chức độc lập đánh giá, chứng nhận chất lượng theo Điều 57, Điều 58 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023. Đồng thời, cung cấp căn cứ để bệnh viện triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng nhằm cung ứng dịch vụ y tế an toàn, chất lượng, hiệu quả, mang lại sự hài lòng cao nhất cho người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế.

Bộ tiêu chuẩn chất lượng bệnh viện cơ bản được sử dụng làm cơ sở để triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng nhằm cung ứng dịch vụ y tế an toàn, chất lượng, hiệu quả, mang lại sự hài lòng cao nhất cho người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế; giám sát các điều kiện cho phép hoạt động và xác định các điều kiện bảo đảm chất lượng dịch vụ theo Điều 49 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; thực hiện trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch thông tin của bệnh viện đối với người bệnh, người dân và cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Theo dự thảo, hằng năm, bệnh viện tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng bệnh viện cơ bản. Thủ trưởng bệnh viện chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và nhất quán của thông tin, số liệu thống kê, kết quả đánh giá, thời hạn hoàn thành và chất lượng báo cáo đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn.

Theo dự thảo, Bộ tiêu chuẩn bao gồm 83 tiêu chí chính thức, được chia làm 5 phần Dự thảo cũng nêu rõ, mỗi một tiểu mục của tiêu chí được đánh giá là "đạt" hoặc "không đạt" (riêng các tiểu mục trong mức 1 (mang nghĩa âm tính) được đánh giá là "có" hoặc "không").

Một tiểu mục được đánh giá là "đạt" cần tuân thủ triệt để theo nguyên tắc: "hoặc không, hoặc tất cả". Bệnh viện được chấm là đạt Bộ tiêu chuẩn chất lượng cơ bản nếu toàn bộ các tiêu chí bắt buộc đều đạt (chiếm ~ 80% tổng số các tiểu mục); tổng các tiểu mục tùy chọn đạt trên 50% các tiểu mục tùy chọn (Tổng điểm toàn bộ các tiểu mục đạt trên 90%).

*(Yến Hòa)*

## **TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ NÂNG CAO TÍNH AN TOÀN VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG SINH TRẮC HỌC**

**Từ việc mở khóa điện thoại đến việc vượt biên, công nghệ sinh trắc học đã đi được một chặng đường dài kể từ khi dấu vân tay được sử dụng lần đầu tiên cách đây hàng nghìn năm.**

Sinh trắc học là phép đo các đặc điểm của con người được sử dụng trong hệ thống công nghệ để nhận dạng cá nhân một cách khá chính xác và không xâm lấn.

Mắt, lòng bàn tay, DNA và giọng nói thường được sử dụng làm thông tin nhận dạng sinh trắc học trong nhiều môi trường khác nhau, bao gồm cả sân bay và ứng dụng ngân hàng, với các hành vi và phản ứng như chuyển động của chuột cũng được sử dụng như một phương tiện để nhận dạng con người.

Sọc ngựa vằn, họa tiết mạch máu ở tai loài gặm nhấm, vân mõm, hoa văn cánh dơi,

nhận dạng khuôn mặt linh trưởng và đốm koala đều đã được thử nghiệm làm phương pháp nhận dạng.

Nhưng để tận dụng tối đa lợi ích của sinh trắc học và cho phép sự phát triển của nó phát triển mạnh mẽ, cần phải có các biện pháp bảo vệ để giảm thiểu rủi ro lạm dụng dữ liệu và cải thiện niềm tin tổng thể.

Tiêu chuẩn ISO/IEC 24714, Sinh trắc học – Các khía cạnh xã hội và thẩm quyền của sinh trắc học – Hướng dẫn chung xem xét tất cả những điều này và hơn thế nữa. Nó dựa trên báo cáo kỹ thuật ISO/IEC TR 24714-1:2008 và bao gồm việc bổ sung bởi nguyên tắc thiết kế cũng như các ví dụ về trường hợp sử dụng.

Tiêu chuẩn này đưa ra hướng dẫn về thiết kế hệ thống sử dụng công nghệ sinh trắc



học, bao gồm các chuẩn mực xã hội và yêu cầu pháp lý ở nhiều cấp độ pháp lý khác nhau, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu của cá nhân, khả năng tiếp cận và khả năng sử dụng cũng như các khía cạnh sức khỏe và an toàn.

Ông Fred Preston, biên tập tiêu chuẩn ISO/IEC 24714 cho biết có rất nhiều khía cạnh mà các nhà thiết kế và phát triển hệ thống sinh trắc học cần tính đến để đảm bảo chúng an toàn, có thể truy cập và phù hợp với mục đích đã định.

"Quyền riêng tư là một trong những vấn đề lớn nhất và phức tạp nhất mà ngành sinh

trắc học phải đối mặt, vì một mặt nó đòi hỏi ít thông tin cá nhân hơn như địa chỉ hoặc lịch sử gia đình, nhưng dữ liệu được thu thập lại được liên kết trực tiếp hơn với chủ đề và cũng như vậy đối với cuộc sống", Fred Preston nói

"Bằng cách xem xét tất cả các khía cạnh về quyền riêng tư, an toàn, luật pháp địa phương, kỳ vọng của xã hội và khả năng tiếp cận, khả năng công nghệ được chấp nhận và tin cậy cuối cùng sẽ cải thiện. Điều này giúp tăng hiệu suất của nó và cho phép công nghệ phát triển và phát triển."./.

(Anh Minh)

## ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN VÀ LĨNH VỰC QUY CHUẨN KỸ THUẬT

**Trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đang đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách của nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.**

Theo Bộ KH&CN, việc bổ sung chính sách "Phát triển hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, chương trình, đề án trọng điểm quốc gia".

Thực tế hiện nay, tất cả các quốc gia trên thế giới đều nhận thức tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là biện pháp kỹ thuật, công cụ đặc lực nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Bổ sung chính sách "Ưu tiên sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của các tổ chức nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp để xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia" nhằm đưa các kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học đi vào thực tiễn thông qua tiêu chuẩn áp dụng trong thực tế.



Tại các quốc gia phát triển, các công trình, đề tài nghiên cứu tại các tập đoàn kinh tế, trường đại học, viện nghiên cứu... cho các sản phẩm đều được xem xét xây dựng thành tiêu chuẩn, để tạo lợi thế cạnh tranh cho chính sản phẩm của tập đoàn, doanh nghiệp trước đối thủ (sản phẩm công nghệ cao, dược phẩm,...).

Bổ sung các chính sách nhà nước nhằm phổ cập, đào tạo, bồi dưỡng lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho tất cả các đối tượng theo xu thế chung của các quốc gia trên thế giới khi các quốc gia (đặc biệt là các quốc gia trong khu vực: Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore...) đã đưa chương trình đào tạo tiêu chuẩn hoá vào các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc gia.

Bổ sung chính sách "Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật".

Đặc biệt, trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đang đề xuất bổ sung Điều 8a về Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia.

Theo đó, bổ sung các quy định, nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia làm cơ sở để định hướng hoạt động tiêu chuẩn hóa, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Bổ sung Điều 8b về Hạ tầng chất lượng quốc gia (National Quality Infrastructure - sau đây gọi tắt là NQI). Theo đó, bổ sung các quy định, nội dung, mục

tiêu của Hạ tầng chất lượng quốc gia đảm bảo phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với nền công nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...

Trên thế giới đã có những nghiên cứu về NQI và đo lường mức độ phát triển của NQI, một trong số đó là Chỉ số Hạ tầng Chất lượng toàn cầu (Global Quality Infrastructure Index - GQII). Hai tổ chức uy tín trong lĩnh vực hạ tầng chất lượng là Mesopartner (Đức) và Analyticar (Argentina) đã khởi xướng nghiên cứu, thống kê và xếp hạng thứ tự mức độ phát triển NQI của các quốc gia trên thế giới.

Hiện nay đã có 184 quốc gia được xếp hạng, trong đó có Việt Nam. Theo Bảng xếp hạng GQII, năm 2020 Việt Nam đứng thứ 54/184 quốc gia, năm 2021 Việt Nam đứng thứ 51/184 quốc gia. Chỉ số hạ tầng chất lượng toàn cầu được hỗ trợ bởi các cơ quan, tổ chức uy tín như Bộ hợp tác và phát triển Liên bang Đức (BMZ) và Viện Đo lường quốc gia Đức (PTB) trong việc thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu.

Vào ngày 11/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 569/QĐ-TTg ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, tại nội dung mục tiêu cụ thể đã quy định “Phát triển được hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế mạnh mẽ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thuộc nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới”, đồng thời tại

nội dung khoản 6 - Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Mục IV Điều 1 - Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đã quy định “Xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) trong hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ.” ./.

(*Hồng Anh*)

## NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG Y TẾ NHỜ TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SỨC KHỎE

Các quản trị viên chăm sóc sức khỏe ngày nay nhận thấy mình đang đi đầu trong một lĩnh vực đòi hỏi khắt khe và đầy biến đổi, trong đó việc theo đuổi sự xuất sắc trong chăm sóc bệnh nhân là điều không thể thương lượng. Trong bối cảnh ngành y tế phải đối mặt với các quy định ngày càng phát triển, chi phí leo thang và ngày càng chú trọng đến kết quả của bệnh nhân, nhu cầu quản lý chất lượng hiệu quả trong các tổ chức chăm sóc sức khỏe chưa bao giờ quan trọng hơn.

cách tiếp cận có hệ thống đối với các hệ thống y tế chất lượng cao, bền vững.

### Sáu thách thức lớn nhất của quản lý chăm sóc sức khỏe

Ngành y tế ngày nay phải đối mặt với một số thách thức phức tạp gây căng thẳng cho việc quản lý chăm sóc sức khỏe và chất lượng chăm sóc cho bệnh nhân.

Dưới đây là sáu thách thức hàng đầu trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng:

#### 1. Chi phí y tế tăng cao: Chi phí chăm sóc

sức khỏe ngày càng tăng là một thách thức dai dẳng. Cân bằng nhu cầu chăm sóc chất lượng với việc hạn chế chi phí là một cuộc đấu tranh không ngừng đối với các nhà quản lý chăm sóc sức khỏe, những người phải tìm cách sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho dịch vụ chất lượng cao.

#### 2. Tuân thủ quy định: Việc theo kịp một mạng lưới phức

tạp các quy định chăm sóc sức khỏe ở cấp khu vực, quốc gia và địa phương có thể là một gánh nặng. Tuân thủ là rất quan trọng để tránh bị phạt và đảm bảo thực hành đạo đức.



Vì vậy, tiêu chuẩn ISO 7101 được đề xuất ra nhằm đảm bảo thống nhất về hệ thống quản lý đầu tiên về chất lượng trong các tổ chức chăm sóc sức khỏe. Nó quy định các yêu cầu về

3. Sự hài lòng của bệnh nhân: Sự hài lòng của bệnh nhân cao thường biểu thị chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Những bệnh nhân hài lòng có nhiều khả năng nhận được các phương pháp điều trị phù hợp và hiệu quả hơn, dẫn đến kết quả sức khỏe tích cực. Hơn nữa, sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa trên địa lý, thu nhập và bảo hiểm vẫn là một vấn đề quan trọng.

4. Thiếu hụt lực lượng lao động: Hệ thống y tế gặp khó khăn trong việc tuyển dụng và giữ chân nhân viên trong thị trường lao động ngày càng cạnh tranh. Các nhân viên y tế cũng ngày càng quan tâm đến an toàn cá nhân, đây là ưu tiên hàng đầu để họ tiếp tục làm việc trong ngành. Những căng thẳng nghề nghiệp hàng đầu bao gồm hành vi thất thường của bệnh nhân và khách đến thăm cũng như các vấn đề về sức khỏe tâm thần, đặc biệt là ảnh hưởng của tình trạng kiệt sức.

5. Áp dụng công nghệ: Quản trị viên chăm sóc sức khỏe phải quản lý việc áp dụng và sử dụng công nghệ chăm sóc sức khỏe mới trong tổ chức của họ. Khi các thiết bị y tế và quy trình công nghệ cao tiếp tục phát triển, việc đảm bảo khả năng tương tác, bảo mật dữ liệu và khả năng sử dụng sẽ là một thách thức không ngừng. Sức khỏe kỹ thuật số đang trải qua một sự chuyển đổi thú vị, được thúc đẩy bởi những đột phá gần đây trong trí tuệ nhân tạo. Những tiến bộ công nghệ khác bao gồm công nghệ laser, được sử dụng trong mọi lĩnh vực, từ phẫu thuật mắt đến chế tạo thiết bị mới và nha khoa giả, và quang tử học, được sử dụng trong nhiều hoạt động y tế, bao gồm chẩn đoán không xâm lấn, hình ảnh và liệu pháp tiên tiến.

6. Thay đổi về già hóa dân số: Khi thế hệ bùng nổ trẻ em già đi, họ phải đối mặt với những thách thức của quá trình lão hóa, vốn đang gây áp lực ngày càng lớn lên ngành y tế. Bệnh nhân lớn tuổi có nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc biệt, bao gồm chăm sóc giảm nhẹ và

quản lý bệnh mãn tính. Các dịch vụ y tế phải đầu tư vào các dịch vụ chăm sóc lão khoa và điều trị từ xa để đảm bảo những bệnh nhân cao tuổi hơn có thể tiếp cận dịch vụ chăm sóc có chất lượng.

### ***Giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe***

Vượt qua những thách thức trong quản lý chăm sóc sức khỏe đòi hỏi một cách tiếp cận chủ động và lập kế hoạch chiến lược. ISO 7101 về quản lý tổ chức chăm sóc sức khỏe sẽ đóng một vai trò then chốt trong việc xác định chất lượng các dịch vụ và hệ thống y tế.

Tiêu chuẩn mang tính bước ngoặt này hỗ trợ các tổ chức giải quyết những vấn đề phức tạp của chăm sóc sức khỏe, từ nguồn lực hạn chế và dân số già hóa đến những thách thức như đại dịch toàn cầu. Nó nhấn mạnh sự cần thiết phải chăm sóc kịp thời, an toàn và lấy con người làm trung tâm, đồng thời nêu bật tính cấp thiết của việc thích ứng do sự gia tăng của các tiến bộ công nghệ và chăm sóc sức khỏe ảo. Tính linh hoạt của nó đảm bảo nó có thể áp dụng cho nhiều nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác nhau, từ các phòng khám nhỏ đến các bệnh viện mở rộng.

Thông qua cam kết chăm sóc an toàn, chất lượng cao, ISO 7101 góp phần vào các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) tổng thể của Liên hợp quốc. Nó đảm bảo rằng các nguồn lực được sử dụng hiệu quả, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các hệ thống chăm sóc sức khỏe, tất cả đều là những nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho SDG. Về bản chất, việc quản lý chất lượng trong các tổ chức chăm sóc sức khỏe phù hợp với sứ mệnh rộng lớn hơn của SDG là tạo ra một xã hội toàn cầu bền vững, công bằng và lành mạnh hơn./

*(Phạm Hòa)*

## ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN ISA – 95 TRONG QUẢN LÝ XĂNG DẦU: THỨC ĐẨY CÁC HỆ THỐNG VẬN HÀNH SẢN XUẤT TRỞ NÊN TRƠN TRU, CHẤT LƯỢNG

Ngày nay, các hệ thống tự động hóa đã được sử dụng rộng rãi tại tất cả các nền công nghiệp sản xuất, trong đó phải kể tới cả công tác quản lý kinh doanh xăng dầu. Theo đó Tiêu chuẩn ANSI/ISA-95 thường được áp dụng trong các quy trình quản lý tự động hóa tại kho xăng dầu và nhà máy giúp thúc đẩy các hệ thống vận hành sản xuất trở nên trơn tru hơn.



Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, quan trọng và hết sức nhạy cảm. Thị trường xăng dầu thế giới luôn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị khiến nguồn cung xăng dầu có nhiều bất ổn, các chi phí kinh doanh xăng dầu chưa được tính đúng, tính đủ trong cơ cấu giá cơ sở xăng dầu dẫn đến nhiều doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng này bị thua lỗ, thậm chí ngừng hoạt động. Do đó, trong ngành kinh doanh xăng dầu Tiêu chuẩn ANSI/ISA-95 thường được áp dụng trong các quy trình quản lý tự động hóa tại kho xăng dầu và nhà máy.

Tiêu chuẩn ANSI/ISA-95, là một tiêu chuẩn quốc tế của Hiệp hội Tự động hóa Quốc tế, nhằm xây dựng mô hình mẫu cho việc tích hợp các phần mềm quản trị và hệ thống điều khiển trong doanh nghiệp sản xuất. Các thông số kỹ thuật của Tiêu chuẩn ANSI/ISA-95 chuẩn hóa các mô hình thông tin và thuật ngữ, giúp việc trao đổi thông tin giữa các hệ thống

doanh nghiệp, các chức năng điều khiển và các hệ thống vận hành sản xuất trở nên trơn tru.

Tiêu chuẩn ANSI/ISA-95 được thiết kế không chỉ để hướng dẫn thiết kế, triển khai hệ thống điều hành sản xuất thông minh theo chuẩn công nghiệp, mà còn cung cấp mô hình liên kết thông tin tiêu chuẩn cho toàn bộ doanh nghiệp sản xuất. Mô hình theo chuẩn ISA-95 giúp doanh nghiệp định hình được thông tin cần trao đổi giữa các hệ thống quản trị trong doanh nghiệp, từ kinh doanh, kế toán tài chính đến các hệ thống điều hành sản xuất, bảo trì máy móc thiết bị và kiểm soát chất lượng.

Mô hình quen thuộc nhất trong số các mô hình trong bộ tiêu chuẩn ISA-95 là mô hình tham chiếu chung, mô tả các cấp độ phân cấp logic đối với các hệ thống được sử dụng trong hoạt động theo dõi, điều hành và kiểm soát sản xuất. Trong mô hình này, Tiêu chuẩn ANSI/ISA-95 kết hợp mô hình lớp của công nghệ và quy trình kinh doanh đặc thù của các doanh nghiệp sản xuất để xây dựng các cấp độ cho mô hình tiêu chuẩn.

Tiêu chuẩn ANSI/ISA-95 là một tiêu chuẩn quan trọng vì nó có thể được áp dụng cho tất cả các loại ngành công nghiệp và cho các loại quy trình sản xuất khác nhau như hàng loạt, quy trình, liên tục và rời rạc. Đây là cơ sở cho thông tin nhất quán không chỉ giữa các nhà cung cấp và nhà sản xuất mà còn với công nghệ thông tin, kỹ thuật và các bộ phận khác.

Đồng thời Tiêu chuẩn ANSI/ISA-95 miễn dịch với hầu hết các thay đổi công nghệ trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Thậm chí nó càng ngày càng thúc đẩy doanh nghiệp có thể dùng ISA-95 làm cơ sở tham khảo để xây dựng quy trình trao đổi thông tin nhất quán không chỉ giữa nhà cung cấp và nhà sản xuất mà còn với bộ phận công nghệ thông tin, kỹ thuật và các bộ phận khác../.  
*(Bảo Linh)*

## TẠI SAO VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY THEO QCVN 16 :2023/BXD ?

**Chứng nhận hợp quy vật liệu xây dựng là hoạt động đánh giá, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD về Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận hợp quy do Bộ Xây dựng chỉ định.**



Chứng nhận hợp quy vật liệu xây dựng là yêu cầu bắt buộc đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam. Mọi tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây dựng đều cần phải chứng nhận chất lượng cho sản phẩm này.

Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng sản xuất trong nước phải được công bố hợp quy tại Cơ quan kiểm tra tại địa phương nơi đăng ký kinh doanh dựa trên Kết quả chứng nhận của Tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật;

Vật liệu xây dựng giả, kém chất lượng là vấn đề không mới. Nhưng suốt thời gian qua, dù ngành xây dựng cố gắng chống chọi vẫn chưa đủ sức để ngăn chặn trước thực trạng hàng loạt sản phẩm trong lĩnh vực này trôi nổi trên thị trường. Thực trạng này đã khiến nhiều doanh nghiệp cũng như các đại lý rơi vào cảnh khó chòng khó mà còn gây ảnh hưởng không nhỏ tới quyền lợi và sức khỏe của người tiêu dùng.

Nhằm đảm bảo chất lượng công trình và góp phần xử lý hàng giả, đồng thời bảo vệ quyền lợi cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng đã ban hành Bộ Xây dựng đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD về Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng. Theo đó, các sản phẩm vật liệu xây dựng trước khi lưu thông ra thị trường hay nhập khẩu đều phải chứng nhận hợp quy theo quy định của Quy chuẩn này.

Đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu quy định tại Phần 2 của Quy chuẩn, người nhập khẩu phải đăng ký kiểm tra nhà nước, phải xác định tên Tổ chức chứng nhận hợp quy, tên Tổ chức thử nghiệm thực hiện việc thử nghiệm, đánh giá chứng nhận chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký.

Trường hợp, hàng hóa đã được Tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu), Giấy chứng nhận hợp quy cho Cơ quan kiểm tra.

Trường hợp, người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì thực hiện đăng ký kiểm tra và trả kết quả kiểm tra chất lượng



Nhóm sản phẩm vật liệu lọc: Tấm sóng amiăng xi măng; Ngói lọc.

Nhóm sản phẩm thiết bị vệ sinh: Chậu rửa; Bồn tiểu nam treo tường; Bồn tiểu nữ; Bệ xí bệt.

Các loại vật liệu xây dựng khác: Vật liệu dán tường dạng cuộn - Giấy dán tường hoàn thiện, vật liệu dán tường vinyl và vật liệu dán tường bằng chất dẻo; Amiăng crizôtin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng; Tấm thạch cao và Panel thạch cao có sợi gia cường; Sơn tường dạng nhũ tương; Ván gỗ nhân tạo; Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PVC dùng cho hệ thống cấp nước thoát nước trong điều kiện có áp suất; Ống và phụ tùng Polyetylen (PE) dùng cho mục đích cấp nước và thoát nước; Ống và phụ tùng nhựa Polypropylen (PP) dùng cho mục đích cấp và thoát nước; Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng nhựa nhiệt rắn gia cường bằng sợi thủy tinh (GRP) trên cơ sở nhựa polyeste không no (UP); Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng gang dẻo dùng cho các công trình dẫn nước; Hệ thống thang cáp và máng cáp bằng sắt hoặc thép sử dụng trong lắp đặt

điện của công trình; Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) dùng để bảo vệ và lắp đặt dây dẫn điện trong nhà.

Như vậy so với phiên bản năm 2019, phiên bản năm 2023 danh mục hàng hóa cần chứng nhận hợp quy đã bổ sung nhóm sản phẩm thiết bị vệ sinh, một số vật liệu xây dựng như: thang cáp và máng cáp bằng sắt,...đồng thời loại trừ một số sản phẩm nhóm cốt liệu như đá dăm, sỏi, sỏi dăm,....

Quy chuẩn này không áp dụng cho sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng nhập khẩu dưới dạng mẫu hàng để quảng cáo không có giá trị sử dụng; hàng mẫu để nghiên cứu; mẫu hàng để thử nghiệm; hàng hóa tạm nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm; hàng hoá tạm nhập - tái xuất, không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam; hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới, quà biếu, tặng trong định mức thuế; hàng hoá quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển; Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ và hàng chuyên dụng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh./.

(*Hồng Vân*)

## LỢI ÍCH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU KHI ĐẠT ĐƯỢC CHỨNG NHẬN HALAL

**Chứng nhận Halal là chứng nhận rằng những sản phẩm/dịch vụ cụ thể được đánh giá không sử dụng các thành phần Haram và điều kiện sản xuất/cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu của luật Shari'ah và tiêu chuẩn Halal. Hiện nay, có nhiều tiêu chuẩn Halal do các cơ quan có thẩm quyền ban hành đặc biệt là các quốc gia Hồi giáo.**

### Tìm hiểu về Chứng nhận Halal

Chứng nhận Halal là một chứng nhĩ xác nhận rằng các sản phẩm và dịch vụ hướng đến người Hồi Giáo đáp ứng các yêu cầu của luật Hồi Giáo và do đó phù hợp để tiêu dùng ở cả các quốc gia đa số theo Đạo Hồi và ở các nước phương Tây nơi có nhiều nhóm dân số theo Đạo Hồi (Pháp , Đức, Vương quốc Anh, Tây Ban Nha). Chứng nhận Halal có một quá trình

đảm bảo các tính năng và chất lượng của sản phẩm theo các quy tắc được thiết lập bởi Hội đồng Hồi Giáo cho phép sử dụng nhãn hiệu Halal.

Chứng nhận này chủ yếu được áp dụng cho các sản phẩm thịt và các sản phẩm thực phẩm khác như sữa, thực phẩm đóng hộp và các chất phụ gia. Cụ thể, đối với các sản phẩm thịt, Halal chứng nhận rằng động vật đã được giết mổ trong một lần cắt, được làm khô kỹ lưỡng và thịt của chúng không được tiếp xúc với động vật được giết mổ khác và đặc biệt là với thịt lợn. Các sản phẩm được chứng nhận Halal thường được đánh dấu bằng biểu tượng Halal, hoặc đơn giản là chữ M (vì chữ K được sử dụng để xác định các sản phẩm KOSHER dành cho người Do Thái).

Các sản phẩm buộc phải đạt Chứng nhận Halal tại các thị trường Hồi giáo chia ra 4 loại chính: Thực phẩm và đồ uống (không bao gồm rượu và bia, chất có cồn); Thuốc chữa bệnh; Mỹ phẩm; Các sản phẩm thực phẩm chức năng.

**Lợi ích đối với doanh nghiệp xuất khẩu khi đạt được chứng nhận Halal**

**Có lợi cho sức khỏe**

Như đã nói ở trên, người Hồi giáo chỉ được sử dụng những sản phẩm được chứng thực Halal, đối với những người không theo đạo Hồi thì các sản phẩm Halal cũng là một lựa chọn tốt.



Các sản phẩm Halal đảm bảo sự “tinh khiết” trong quá trình sản xuất, đảm bảo tốt cho sức khỏe. Ngày nay, những sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đạt được chứng nhận Halal được công nhận, phổ biến. Và tiêu dùng rộng rãi hơn đối với cả những người không theo đạo Hồi bởi sự bảo đảm về tiêu chuẩn “an toàn, vệ sinh và chất lượng”. Tiêu chuẩn Halal không chỉ đáp ứng mỗi tiêu chí tôn giáo mà còn là một trong

những tiêu chuẩn mới bảo đảm cho người tiêu dùng về sự an toàn và chất lượng sản phẩm.

**Mở rộng thị trường tiêu thụ**

Chứng nhận Halal giúp người tiêu dùng có thể mua các sản phẩm an toàn. Được đảm bảo nó không chứa bất cứ thứ gì là Haram. Qua đó có thể làm tăng khả năng tiêu thụ. Ước tính trên thế giới người Hồi giáo chiếm khoảng 25% dân số thế giới và con số này sẽ còn gia tăng lên 30% vào năm 2025. Nhu cầu thực phẩm và sản phẩm Halal của các nước trên thế giới ngày càng gia tăng.

Trước đây, hầu hết các nước Hồi giáo có

thể đáp ứng được hết các nhu cầu thực phẩm trong nước hoặc nhập khẩu từ các nước Hồi giáo khác. Tuy nhiên, hiện nay với việc thị trường toàn cầu ngày càng mở rộng thì tiềm năng thị trường thực phẩm Halal trên thế giới không chỉ còn giới hạn ở các nước Hồi giáo nữa. Dự báo tới năm 2025, thực phẩm có dấu chứng nhận Halal sẽ chiếm 20% tổng giá trị thực phẩm tiêu thụ trên toàn thế giới. Như vậy, hầu hết các nguyên liệu có nguồn gốc từ thực vật và thủy hải sản đều là

Halal. Mà Việt Nam ta là nước có thế mạnh về các sản phẩm nông nghiệp và thủy hải sản. Vì vậy, tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường các nước Hồi giáo là rất lớn. Có được chứng nhận Halal cho sản phẩm cũng có nghĩa, mỗi doanh nghiệp đã có được chiếc chìa khóa mở cửa vào thị trường các nước Hồi giáo./.

*(Phạm Hòa)*

## TÌM HIỂU LỢI ÍCH CỦA ĐÁNH GIÁ QUẢN LÝ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO THÔNG QUA TIÊU CHUẨN ISO/TR 56004

**Tiêu chuẩn ISO/TR 56004 thuộc bộ tiêu chuẩn ISO 56000 về đổi mới sáng tạo. Tiêu chuẩn này nhằm giúp tổ chức, doanh nghiệp trong việc hiểu được: Giá trị và lợi ích của việc thực hiện đánh giá quản lý đổi mới sáng tạo (IMA); Các nguyên tắc triển khai IMA một cách bài bản, đồng bộ; Các cách tiếp cận khác nhau về IMA;...**



Hiện nay, đổi mới sáng tạo là động lực chính để doanh nghiệp tạo ra giá trị từ sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới. Bởi vậy, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp cần phải được quản lý có hệ thống.

Nhiều doanh nghiệp đã thiết lập quản lý đổi mới sáng tạo dựa trên các yếu tố chính như: chiến lược, mục tiêu đổi mới sáng tạo, các hoạt động đổi mới sáng tạo (bao gồm: quy trình, tổ chức trong doanh nghiệp, các yếu tố hỗ trợ đổi mới sáng tạo, các yếu tố khác về văn hóa, công cụ, phương pháp, năng lực, nguồn nhân lực, tài chính...). Các yếu tố của quản lý đổi mới sáng tạo có liên quan với nhau và cùng thực hiện để đạt mục tiêu tối đa hóa giá trị.

Quản lý đổi mới sáng tạo có hệ thống sẽ tạo ra giá trị mới trong doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp cần phát triển khả năng và hiệu suất quản lý đổi mới sáng tạo. Để đạt được sự

minh bạch trong quản lý đổi mới sáng tạo, việc thường xuyên đánh giá hiệu quả của quản lý đổi mới sáng tạo là rất cần thiết. Đánh giá quản lý đổi mới sáng tạo (Innovation Management Assessment, IMA) đóng góp và bảo đảm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tương lai.

Theo đó, tiêu chuẩn ISO/TR 56004 cung cấp hướng dẫn về lý do tại sao triển khai đánh giá quản lý đổi mới sáng tạo (IMA); kết quả mong đợi từ IMA; kế hoạch hành động, cách thức triển khai thực hiện theo kết quả của IMA.

Tiêu chuẩn ISO/TR 56004 nhằm giúp tổ chức, doanh nghiệp trong việc hiểu được: Giá trị và lợi ích của việc thực hiện IMA; Các nguyên tắc triển khai IMA một cách bài bản, đồng bộ; Các cách tiếp cận khác nhau về IMA trong tổ chức, doanh nghiệp; Quy trình thực hiện và tác động của IMA đối với tổ chức, doanh nghiệp; Tiềm năng cải thiện đối với IMA. Tiêu chuẩn ISO/TR 56004 được áp dụng để đánh giá đối với các tổ chức, doanh nghiệp, có thể áp dụng cho tất cả loại hình tổ chức, doanh nghiệp với ngành nghề, độ tuổi, quy mô, quốc gia... khác nhau.

Tiêu chuẩn ISO/TR 56004 thuộc bộ tiêu chuẩn ISO 56000 về đổi mới sáng tạo. Các tiêu chuẩn ISO 56000 được thiết kế và soạn thảo



bởi Tổ chức Tiêu chuẩn hoá quốc tế (International Organization for

Standardization - ISO) - cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm đại diện từ tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia.

Bộ tiêu chuẩn đưa ra hướng dẫn chung đối với tất cả các loại hình đổi mới, như đổi mới sản phẩm, dịch vụ, quá trình, mô hình kinh doanh và phương pháp từ cải tiến nhỏ đến đổi mới triệt để, cũng như tất cả phương

pháp tiếp cận như đổi mới nội bộ và đổi mới mở cho người dùng, thị trường, công nghệ, và các hoạt động đổi mới dựa trên thiết kế. ISO 56000 cho phép kết hợp với các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO khác nhau như ISO 9000 về hệ thống quản lý chất lượng hay ISO 14000 về hệ thống quản lý môi trường.../.

(*Hồng Anh*)

## MỐI LIÊN HỆ GIỮA TIÊU CHUẨN VÀ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**Tiêu chuẩn được sử dụng như một khuôn khổ để triển khai và đạt được sự bền vững. Việc triển khai và thành công của các Mục tiêu Phát triển Bền vững sẽ dựa vào tất cả các bên liên quan, bao gồm cả cộng đồng những người làm công tác tiêu chuẩn hóa.**



Tuyên bố Luân Đôn về “Cam kết về khí hậu của ISO” đã được đại diện cho 165 quốc gia thành viên của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) thông qua vào tháng 9 năm 2021 tại Luân Đôn. Tuyên bố viết: “ISO cam kết làm việc với các thành viên, các bên liên quan và đối tác để đảm bảo rằng các ấn phẩm và tiêu chuẩn quốc tế của ISO thúc đẩy việc đạt được thành công Thỏa thuận Paris, các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc và

Lời kêu gọi Hành động của Liên Hợp Quốc về Thích ứng và Khả năng phục hồi”.

Các tiêu chuẩn ISO đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố nền kinh tế toàn cầu, tạo niềm tin trên tất cả các khía cạnh của thương mại quốc tế. Một số tiêu chuẩn của ISO hỗ trợ thực hiện Chương trình nghị sự về khí hậu, giúp thích ứng với biến đổi khí hậu, định lượng phát thải khí nhà kính và thúc đẩy phổ biến các thực hành tốt trong quản lý môi trường. ISO đã tham gia vào Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc với mục đích nhằm biến đổi thế giới chúng ta bền vững hơn, qua đó thúc đẩy các quốc gia thành viên nỗ lực để cùng nhau thực hiện được các Mục tiêu Phát triển Bền vững thông qua việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

Các tiêu chuẩn cho phép chuyển Mục tiêu Phát triển Bền vững thành các mục tiêu hoạt động có thể đạt được. Do đó, tiêu chuẩn được sử dụng như một khuôn khổ để triển khai và đạt được sự bền vững. Việc triển khai và thành công của các Mục tiêu Phát triển Bền vững sẽ dựa vào tất cả các bên liên quan, bao gồm cả cộng đồng những người làm công tác tiêu chuẩn hóa. Các tiêu chuẩn góp phần truyền tải nhanh chóng sự đổi mới và công nghệ mới và



cho sự đổi mới phát triển và là công cụ quan trọng giúp ngành công nghiệp, người tiêu dùng và chính phủ đóng góp vào việc đạt được tất cả Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Các cơ quan tiêu chuẩn ở cả cấp quốc gia, khu vực hay quốc tế đều cam kết xây dựng tiêu chuẩn để giải quyết các thách thức toàn cầu. Các cơ quan này xây dựng tiêu chuẩn để đóng góp cho ba khía cạnh của phát triển bền vững: kinh tế, môi trường và xã hội, đồng thời cung cấp các giải pháp dài hạn để đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững. Các cơ quan tiêu chuẩn đều nỗ lực chứng minh một tiêu chuẩn cụ thể có đề cập đến một hoặc một số Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc./

*(Phạm Hòa)*

thúc đẩy thương mại toàn cầu, mang lại lợi ích cho người tiêu dùng, nhà cung cấp dịch vụ và chính phủ trên toàn thế giới. Vì tiêu chuẩn được xem là công cụ tự nguyện và cung cấp các thực hành tốt nhất được chia sẻ rộng rãi, dựa trên sự đồng thuận của nhiều bên liên quan nên tiêu chuẩn cung cấp cơ sở nền tảng

vững: kinh tế, môi trường và xã hội, đồng thời cung cấp các giải pháp dài hạn để đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững. Các cơ quan tiêu chuẩn đều nỗ lực chứng minh một tiêu chuẩn cụ thể có đề cập đến một hoặc một số Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc./

## NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ISO/IEC 17043

**Thử nghiệm thành thạo ngày càng được sử dụng rộng rãi trên bình diện quốc tế với nhiều mục đích và tiêu chuẩn ISO/IEC 17043 quy định về năng lực và tính công bằng của các nhà cung cấp thử nghiệm thành thạo.**

Tiêu chuẩn ISO/IEC 17043 – Đánh giá sự phù hợp – yêu cầu chung đối với thử nghiệm thành thạo. Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu chung về năng lực và tính công bằng của nhà cung cấp thử nghiệm thành thạo và quy trình tổ chức thống nhất của tất cả chương trình thử nghiệm thành thạo. Tài liệu này có thể được áp dụng là nền tảng cơ bản về yêu cầu kỹ thuật cụ thể cho từng lĩnh vực áp dụng riêng biệt.

Trong đó, thử nghiệm thành thạo là một trong những công cụ quan trọng đối với các tổ chức công nhận, các cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng để đánh giá năng lực kỹ thuật của các phòng thử nghiệm, phòng xét nghiệm và phòng hiệu chuẩn (sau đây gọi tắt là phòng



thí nghiệm – PTN) đồng thời giúp các PTN trong hoạt động kiểm soát chất lượng cũng như chứng minh năng lực kỹ thuật đối với các bên quan tâm.

Thử nghiệm thành thạo ngày càng được sử dụng rộng rãi trên bình diện quốc tế với nhiều mục đích. Một số mục đích của thử nghiệm thành thạo có thể thấy như: Đánh giá việc thực hiện các phép thử/ phép đo cụ thể của các PTN và giám sát năng lực của PTN; Nhận biết vấn đề trong PTN và các hành động khắc phục/ cải tiến; Thiết lập tính hiệu lực và khả năng so sánh của các phương pháp thử hay phương pháp đo; Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp, tuyên bố về độ không đảm bảo đo; Xác định giá trị ấn định cho mẫu chuẩn và đánh giá sự phù hợp của mẫu chuẩn; Hỗ trợ cho những tuyên bố tương đương giữa các phép đo của các Viện đo lường quốc tế.

Hiện nay, hiện nay, thử nghiệm thành thạo đang là một trong những tiêu chí quan trọng để chỉ định/ công nhận PTN. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bộ, ngành chưa quan tâm nhiều đến việc sử dụng thử nghiệm thành thạo như một công cụ để chỉ định PTN. Một số bộ, ngành quy định phân loại chỉ tiêu chưa hợp lý, quá cụ thể dẫn đến gây khó khăn cho PTN khi lựa chọn chương trình thử nghiệm thành thạo.

Mặt khác, các nhà cung cấp thử nghiệm thành thạo đã được công nhận tại Việt Nam cũng tăng nhiều trong những năm gần đây, điều này bước đầu hình thành thị trường cạnh

tranh, dẫn đến có nhà cung cấp thử nghiệm thành thạo giảm giá thành khiến cho chất lượng chương trình thử nghiệm thành thạo giảm.

Ngoài ra, công tác thử nghiệm thành thạo tại nước ta chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: hóa và vi sinh trong thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và phân bón,... Trong đó, một số lĩnh vực chưa phát triển nhiều như: cơ điện, vật liệu (cơ, lý tính), đo lường... Một số lĩnh vực hẹp, chỉ có một số ít PTN có khả năng thực hiện dẫn đến khó triển khai chương trình thử nghiệm thành thạo./.



(Yến Hoa)

## GÓP Ý HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Sáng ngày 26/10/2023, tại Hà Nội, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức hội thảo



góp ý hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Khai mạc cuộc họp, ông Hà Minh Hiệp, Quyền Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã nêu rõ các yêu cầu, mục tiêu, định hướng xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các vấn đề tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện dự án Luật.

Lãnh đạo Vụ Tiêu chuẩn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã trình bày tóm tắt về dự thảo Tờ trình, dự thảo luật và dự

thảo Báo cáo kết quả rà soát Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan



Hội thảo có sự góp mặt của đông đảo đại diện đến từ các bộ ngành, hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan thông tin trung ương, địa phương liên quan. Nhiều ý kiến góp ý, phân tích, đánh giá thực trạng, hạn chế, bất cập trong triển khai Luật Tiêu chuẩn & Quy chuẩn kỹ thuật 17 năm qua và các đề xuất, giải pháp tháo gỡ đã được đưa ra có giá trị thực tiễn và khoa học cao, đóng góp tích cực vào việc hoàn thiện hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy

chuẩn kỹ thuật.

Cụ thể: Hạn chế trong quy trình xây dựng, thẩm định, công bố ban hành tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu; viện dẫn trực tiếp, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài; quyền xuất bản phát hành TCVN của các bộ ngành chủ trì xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước; thủ tục, trình tự rút gọn trong xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; sự chòng chẹo giữa quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật với Luật An toàn thực phẩm và các luật chuyên ngành khác; đổi mới quản lý đối với tiêu chuẩn cơ sở; các khái niệm mới và phương thức đánh giá sự phù hợp...

Sau khi lắng nghe các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hội thảo, ông Lê Xuân Định, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã có phát biểu, trao đổi và chỉ đạo Tổ biên tập khẩn trương tổng hợp, xử lý, tiếp thu các nội dung đóng góp tâm huyết, có giá trị của các đại biểu tham dự hội thảo../.  
(*Hồng Vân*)

## XÂY DỰNG TCVN VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM THEO HƯỚNG HÀI HÒA VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

**Thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục xây dựng TCVN về an toàn thực phẩm theo hướng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu mục tiêu.**

Theo ông Lê Thành Hưng, Trưởng phòng Tiêu chuẩn chất lượng Nông nghiệp Thực phẩm (Viện Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng), các tiêu chuẩn cùng với quy định và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm là yếu tố cần thiết để đảm bảo thực phẩm an toàn tại tất cả các điểm dọc theo chuỗi cung ứng, cả trong nước và quốc tế.

Ông Lê Thành Hưng cũng cho biết, trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) của Việt Nam hiện nay có những nhóm tiêu chuẩn liên

quan đến an toàn thực phẩm như: các TCVN về các sản phẩm thực phẩm trong đó có đề cập giới hạn đối với các chỉ tiêu an toàn thực phẩm (kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, độc tố sinh học, vi sinh vật, phụ gia thực phẩm...) hoặc quy định, viện dẫn nội dung liên quan an toàn thực phẩm. Cùng với đó, còn có các tiêu chuẩn quốc gia TCVN về hướng dẫn và quy phạm thực hành vệ sinh trong sản xuất, chế biến và sử dụng thực phẩm, các quy phạm nhằm giảm thiểu các mối nguy an toàn thực phẩm. Ngoài ra, còn có các tiêu chuẩn quốc gia TCVN về phương pháp phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm kể cả thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm chiếu xạ...

Trên các sản phẩm thực phẩm, người tiêu dùng có thể nhận thấy các tiêu chuẩn

được in trên bao bì như HACCP (Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát trọng yếu) hay ISO 22000 (Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm- Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm).



HACCP bắt nguồn từ Hoa Kỳ những năm 1960, đến năm 1969 được Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Codex biên soạn thành tiêu chuẩn quốc tế. Phiên bản mới nhất của tiêu chuẩn này là phiên bản 2020, với tên gọi “Những nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm”. Trên cơ sở HACCP của Codex, năm 2005 Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) biên soạn thành tiêu chuẩn ISO 22000.

Ông Lê Thành Hưng cho biết, nếu như HACCP tập trung vào các biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm thì ISO 22000 xem xét các quá trình sản xuất, kinh doanh và yêu cầu phân tích cơ cấu tổ chức của cơ sở sản xuất thực phẩm. Tính đến năm 2021, cả thế giới hiện có 36.000 giấy chứng nhận ISO 22000 đang có hiệu lực.

Tại nước ta, hàng nghìn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đang áp dụng tiêu chuẩn ISO 22000 và HACCP. Điều này giúp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm kiểm soát tốt các mối nguy về an toàn thực phẩm, từ đó mang lại lợi ích đối với cả người tiêu dùng cơ sở sản xuất và cơ quan quản lý.

Tháng 4/2023, Bộ KH-CN đã ban hành Quyết định số 586/QĐ-BKHCN về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5603:2023 Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm. Đây là phiên bản thứ tư, được biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn Codex CXC (năm 2020) và thay thế TCVN 5603:2008.

TCVN vừa được công bố bổ sung một số nội dung như quy định về cam kết của lãnh đạo doanh nghiệp trong việc áp dụng HACCP, quy định về cải tiến liên tục, khiến tiêu chuẩn này tiến gần hơn với các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý ISO. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn này còn yêu cầu nâng cao ý thức về an toàn thực phẩm cho nhân viên tại cơ sở sản xuất thực phẩm. Ngoài ra, TCVN 5603:2023 cũng bổ sung yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm và quy định kiểm soát mối nguy về chất gây dị ứng....

Cũng theo ông Hưng, thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục xây dựng TCVN về an toàn thực phẩm theo hướng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu mục tiêu.

Một số nhóm sản phẩm thực phẩm chưa được tiêu chuẩn hóa (yến sào) hoặc đã có tiêu chuẩn nhưng cần sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu mới, tiêu chuẩn đối với sản phẩm nông sản thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP... sẽ được xây dựng TCVN. Các tiêu chuẩn về truy xuất nguồn gốc và xác thực nguồn gốc các sản phẩm thực phẩm như rau quả tươi, sữa và sản phẩm sữa, mật ong... cũng sẽ được nghiên cứu triển khai. Bên cạnh đó, cũng sẽ thực hiện xây dựng các tiêu chuẩn về phương pháp phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm như vi sinh vật, độc tố vi nấm... trong một số nhóm thực phẩm cụ thể nhằm chủ động ứng phó với các tình huống, sự cố về an toàn thực phẩm”./.

(Phạm Hòa)

## NHU CẦU VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN CHO THANG MÁY

**Bối cảnh nhu cầu sử dụng, thương mại sản phẩm thang máy đang diễn ra ngày càng mạnh đòi hỏi cần có thêm nhiều hơn nữa các tiêu chuẩn, quy chuẩn về thang máy.**



Tại Việt Nam hiện nay, cùng với sự tăng trưởng kinh tế kéo theo tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, nhiều dự án đầu tư lớn về cơ sở hạ tầng, khu đô thị, chung cư, trung tâm thương mại được xây dựng ngày càng nhiều, nhu cầu lắp đặt thang máy tăng cao.

Thị trường thang máy Việt Nam đang sử dụng vận hành khoảng 400.000 thang máy, thang cuốn và băng tải chở người, với nhu cầu lắp đặt mới hằng năm khoảng 35.000 chiếc. Thống kê chưa đầy đủ, hiện có khoảng trên 400 doanh nghiệp đang kinh doanh trong lĩnh vực thang máy, bao gồm các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển mạnh mẽ thị trường thang máy tại Việt Nam.

Đánh giá về tiềm năng thị trường thang máy Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Thang máy Việt Nam (VNEA) Nguyễn Hải Đức cho hay, dự địa lĩnh vực này rất lớn nhưng Việt Nam hiện đang gặp nhiều khó khăn về công nghệ, quy chuẩn thực hiện cũng như trình độ năng lực nhân sự của ngành.

"Trong những năm qua, các cơ quan quản lý liên quan đã ban hành nhiều tiêu

chuẩn, quy chuẩn nhưng việc thực hiện đến đâu và chế tài xử phạt như thế nào vẫn còn khoảng trống. Còn một lỗ hổng nữa mà Hiệp hội chúng tôi đang xúc tiến đẩy mạnh hoàn thiện, đó là tham mưu cơ quan chức năng ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sử dụng thang máy. Mặc dù Việt Nam đã có tiêu chuẩn, quy chuẩn về thiết kế, lắp đặt thang máy nhưng cần phải có thêm tiêu chuẩn, quy chuẩn trong quá trình sử dụng như quy định người nào được bảo trì thang máy, khi nào thay thế linh kiện định kỳ, định mức nhân sự... Do đó, việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế rất quan trọng", ông Đức bày tỏ.

Ông Graham Worthington, Chủ tịch Hiệp hội Thang máy,

Thang cuốn châu Á-Thái Bình Dương (PALEA) cho biết, mục tiêu đặt ra hiện nay là nâng cao an toàn thang máy, thang cuốn thông qua công tác xây dựng, cập nhật và cải thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn thang máy tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương, bảo đảm theo kịp xu hướng quốc tế, nâng cao năng lực và hiểu biết của những doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong ngành. Tất cả đều hướng tới mục tiêu chung là hài hòa các quy chuẩn, tiêu chuẩn cũng như quy trình đánh giá hợp quy cho các sản phẩm thang máy, thang cuốn tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

"Việc hài hòa quy chuẩn, tiêu chuẩn thang máy trong khu vực sẽ góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực do sự khác biệt về yêu cầu kỹ thuật trong an toàn, thiết kế, sản xuất và lắp đặt sản phẩm thang máy và thang cuốn giữa các quốc gia. Hoạt động này cũng sẽ góp phần gia tăng tính di động cho nhân lực lắp đặt và bảo trì thang máy giữa các nước trong khu vực, quốc tế", Chủ tịch PALEA cho hay./

(Phạm Hòa)

## SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ DANH MỤC CHỦNG LOẠI, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHOÁNG SẢN XUẤT KHẨU

Theo đó nhằm nâng cao chất lượng cũng như quản lý tài nguyên khoáng sản xuất khẩu trong nước, mới đây ngày 19/12/2023 Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 45/2023/TT-BCT sửa đổi quy định về danh mục chủng loại, tiêu chuẩn



**chất lượng khoáng sản xuất khẩu.**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 45/2023/TT-BCT sửa đổi bổ sung Điều 4 Thông tư 23/2021/TT-BCT quy định khoáng sản xuất khẩu là khoáng sản có nguồn gốc hợp pháp, có tên trong Danh mục chủng loại và đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng tương ứng.

Theo đó đối với khoáng sản xuất khẩu có nguồn gốc trong nước, danh mục chủng loại và tiêu chuẩn chất lượng quy định Phụ lục 1 tại Thông tư này. Đối với khoáng sản xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu, trường hợp gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài thì chủng loại và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sau chế biến thực hiện theo hợp đồng gia công đã ký với thương nhân nước ngoài và phải tuân thủ theo quy định.

Theo quy định tại khoản 1 Điều này, thương nhân xuất khẩu khoáng sản được lựa chọn Tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ.

Ngoài ra, Thông tư 45/2023/TT-BCT cũng quy định, sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 thành “Danh mục chủng loại và tiêu chuẩn

chất lượng khoáng sản xuất khẩu có nguồn gốc trong nước”.

Sửa mã số hàng hóa (HS code) cập nhật theo Nghị định 26/2023/NĐ-CP của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan. Bổ sung thêm hàm lượng khoáng sản đi kèm (đồng và coban) vào tiêu chuẩn chất lượng quặng tinh niken. Bổ sung thêm nội dung ghi chú đối với một số khoáng sản xuất khẩu đến hết năm 2026.

Thông tư cũng quy định chuyển Phụ lục 2 sang Phụ lục 4 và sửa đổi, bổ sung nội dung báo cáo định kỳ theo Mẫu số 1 và Mẫu số 2 tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BCT. Bổ sung Phụ lục 3, báo cáo về kế hoạch thực hiện nhập khẩu, chế biến và xuất khẩu khoáng sản có nguồn gốc nhập khẩu.

Sửa đổi tại Điều 5, trước khi thực hiện nhập khẩu khoáng sản để chế biến và xuất khẩu, thương nhân có báo cáo kế hoạch thực hiện nhập khẩu, chế biến và xuất khẩu theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này. Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu báo cáo đột xuất để phục vụ công tác quản lý, thương nhân có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu.

Sửa đổi Điều 6 về trách nhiệm quản lý, theo đó UBND cấp tỉnh tổ chức giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động xuất khẩu khoáng sản, chế biến khoáng sản xuất khẩu trên địa bàn, phối hợp với Bộ Công Thương trong công tác quản lý hoạt động xuất khẩu, chế biến khoáng sản.

Tổng cục Hải quan phối hợp với Bộ Công Thương, UBND các tỉnh có liên quan phối hợp cung cấp thông tin, kiểm soát hoạt động nhập chế biến và xuất khẩu khoáng sản có nguồn gốc nhập khẩu theo quy định của Thông tư này và pháp luật về ngoại thương.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về mã số hàng hóa thuộc Danh mục chủng loại khoáng sản tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BCT, Bộ Tài

chính là cơ quan quyết định về mã số hàng hóa của hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam./.

(Bảo Linh)

## SẢN XUẤT DĂM GỖ THEO TCVN 13655-4:2023 ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG, ĐỘ BỀN CAO

**Dăm gỗ là vật liệu sinh khối dùng để sản xuất viên nén mùn cưa hay viên nén gỗ. Thông qua dây chuyền sản xuất hiện đại, dăm gỗ được ép thành các viên gỗ nhỏ và cứng. Viên nén gỗ có độ ẩm thấp, độ tro thấp và có nhiệt lượng phát ra cao nên viên nén gỗ được dùng để thay thế các loại chất đốt truyền thống. Để đảm bảo chất lượng khi sản xuất các sản phẩm răn gỗ phải đảm bảo theo Tiêu chuẩn TCVN 13655-4:2023-ISO 17225-4:2021.**

lượng sinh nhiệt cao. Hiện nay dăm gỗ cũng là sản phẩm được các nước trên thế giới nhập khẩu để thay thế các loại nguyên liệu đốt khác. Do đó khi sản xuất dăm gỗ phải đạt theo Tiêu chuẩn quy định.

Cụ thể, theo quy định của Tiêu chuẩn TCVN 13655-4:2023 do Bộ KH&CN ban hành thì nguyên tắc đánh giá phân loại dăm gỗ quy định về cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01 g; Đồng hồ bấm giờ, độ chính xác 1 s; Buồng sấy, nhiệt độ sấy trong phạm vi từ 10 °C đến 300 °C; mức chia độ 0,1 °C; Thiết bị sàng rung;



Bộ sàng dăm 5 tầng; Các tấm sàng dăm hình tròn, mắt sàng ở mỗi tầng sàng hình tròn có cùng đường kính, được phân bố theo quy luật cứ ba lỗ tròn tạo thành một tam giác đều.

Việt Nam là một trong các nước đang thiếu hụt nguồn gỗ tự nhiên, bởi các cơ sở sản xuất và chế biến gỗ đang trên đà tăng đột biến. Vì thế mà việc sử dụng dăm gỗ được nghiền từ phế phẩm gỗ làm nhiên liệu đốt thay thế nguồn gỗ tự nhiên là một sự lựa chọn hoàn hảo. Ngoài ra, dăm gỗ có giá thành rẻ hơn các nguồn gỗ tự nhiên nhưng rất dễ bén lửa,

Khoảng cách giữa các tâm của hai lỗ tròn bất kỳ phải bằng 1,2 lần đường kính của lỗ tròn. Các tầng sàng từ trên xuống dưới có đường kính mắt sàng thường gặp là 31,8 mm; 28,6 mm; 22,2 mm; 9,5 mm và 4,8 mm. Khoảng cách từ tầng sàng trên cùng tới phần trần sàng là 100 mm, khoảng cách giữa các tầng sàng là 100 mm. Tất cả các tầng sàng đều

được cố định thành thể thống nhất, các tầng sàng chỉ rung theo đường tròn, tần suất rung tối thiểu 220 lần/min, tần số va chạm tối thiểu là 147 lần/min, biên độ rung động là 8 mm.

Tiêu chuẩn cũng quy định về lưu kho phải được để ở nơi thoáng gió, trong nhà kho khô ráo, yêu cầu có phòng ẩm, phòng nấm mốc, phòng hỏa. Với mỗi lô sản phẩm phải đóng bao có cùng quy cách, có thể dùng túi nhựa, bao dệt. Túi nhựa hoặc bao dệt cần kiểm tra và xử lý loại bỏ các tạp chất ở miệng bao, đầu dây thừa. Đóng bao gói cần đóng đầy, dàn đều, đảm bảo khối lượng mỗi bao tương đối đều nhau. Sau khi đóng bao dùng dây gai khâu

lại theo phương pháp “kéo để mở”, mỗi miệng bao phải đảm bảo khâu nhiều hơn bảy mũi, hình thành hai cái “sừng dê”. Sau khi khâu miệng bao bằng sợi gai hoặc chỉ khâu, đưa bao lên độ cao 0,5 m và cho rơi tự do, phần không gian khuyết trong bao ít hơn 5 cm thì được coi là bao đầy.

Khi sử dụng các loại xe chuyên dụng hoặc xe chuyên dùng để tải dăm gỗ, xe phải được vệ sinh sạch sẽ để loại bỏ hết các tạp chất như đất, cát, than, v.v... trước khi xếp hàng. Xe phải được che phủ bằng bạt hoặc lưới che./.

(Phạm Hòa)

## QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT KHO TIỀN VÀ XE CHỖ TIỀN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Hiện nay, hầu hết các ngân hàng đều sở hữu các kho và xe chuyên dụng để vận chuyển tiền mặt. Kho tiền và xe chở tiền đều được trang bị với nhiều hệ thống bảo mật, thiết bị dự phòng và các cải tiến chống trộm với chất lượng cao. Tuy nhiên trong quá trình bảo quản và di chuyển tiền mặt vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vì vậy để đảm bảo an toàn bảo mật cao, các ngân hàng cần xây dựng kho tiền và xe chở tiền đáp ứng

tiêu chuẩn quy định theo Thông tư số 23/2023/TT-NHNN.

Mới đây vào ngày 29/12/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 23/2023/TT-NHNN quy định tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền và xe chở tiền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư số 23/2023/TT-NHNN có hiệu lực thi hành từ 12/02/2024. Theo đó, Thông tư số 21/2023/TT-NHNN được áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư 23/2023/TT-NHNN, xe ô tô chở tiền có khoang chở tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá phải được trang bị thiết bị chữa cháy, thiết bị định vị giám sát hành trình (nếu có) và có chỗ cho



lực lượng áp tải, bảo vệ. Đối với xe tải được đóng thùng kín phải đảm bảo có 3 lớp. Lớp ngoài và lớp trong bằng thép chống gỉ hoặc thép được xử lý chống gỉ dày tối thiểu 1mm (đối với lớp ngoài) và tối thiểu 2mm (đối với lớp trong); lớp giữa là vật liệu chống cháy. Cửa khoang chở tiền có 01 lớp cánh.

Đối với các loại xe còn lại phải được đóng thùng kín, có 3 lớp. Lớp ngoài và lớp trong bằng thép chống gỉ hoặc thép được xử lý chống gỉ dày tối thiểu 1mm và tối thiểu 2mm đối với lớp trong; lớp giữa là vật liệu chống cháy. Cửa khoang chở tiền phải có 2 lớp cánh. Trường hợp khoang chở tiền thiết kế ô cửa sổ nhìn sang buồng lái thì kết cấu ô cửa có hai lớp trong đó lớp trong chắn song thép cách đều nhau không quá 60mm và lớp ngoài vật liệu trong suốt và lưới thép, có bản lè, then và khóa chắc chắn.



Đối với kho tiền, Thông tư số 23/2023/TT-NHNN cũng quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền xây dựng tại trụ sở chính, chi nhánh, của tổ chức tín dụng và trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có diện tích sử dụng đáp ứng yêu cầu bảo

quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá. Trường hợp xây dựng kho tiền ở địa điểm ngoài trụ sở phải do Tổng Giám đốc (Giám đốc) quyết định, phải có vị trí hợp lý, khép kín, an toàn.

Về kết cấu, tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền phải có nền, tường và trần kho bằng bê tông cốt thép liên kết với nhau thành một khối hộp và phải đảm bảo các tiêu chuẩn: Mặt nền kho tiền bằng phẳng, chống trượt, chịu nén, va đập; bê tông cốt thép; bê tông đá; cát vàng; đất tự nhiên và được xử lý chống mối, chống ẩm. Trong trường hợp kho tiền xây dựng ở trên tầng thì nền kho phải có thêm lớp bề mặt chống trượt, chịu nén, va đập. Tường kho có chiều cao phù hợp với chiều cao, bê tông cốt thép liền khối. Hành lang bảo vệ kho tiền phải có cửa riêng và lắp đặt hệ thống báo động chống đột nhập.

Ngoài ra kho không thể thiếu camera quan sát tại những vị trí cần thiết để đảm bảo quan sát mọi khu. Bảng điều khiển thiết bị phải đặt ở vị trí kín đáo, đảm bảo bảo mật các thông số, đồng thời thuận tiện trong công tác quản lý và sử dụng. Các hệ thống thiết bị lắp đặt tại kho

tiền trụ sở chính, chi nhánh của tổ chức tín dụng và trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 23/2023/TT-NHNN./.

(Anh Đức)

## TIÊU CHUẨN ASTM HỖ TRỢ KIỂM TRA VI KHUẨN CÓ TRONG NƯỚC

**Nước là môi trường lý tưởng cho các loại vi sinh vật trong nước uống sinh sống và phát triển. Tuy nhiên, chúng có thể khác nhau về thành phần, chủng loại.**

Sự hiện diện của vi sinh vật trong nước uống không đem lại lợi ích cho sức khỏe, thậm chí chúng có thể gây nguy hiểm tới tính mạng. Trong thế giới sinh vật, số loài vi sinh vật nhỏ bé, nhưng có thể có số lượng loài nhiều hơn rất nhiều so với động và thực vật. Đặc biệt bởi khả năng tiến triển, nhân lên và tiến hóa nhanh.

Gần đây, Ủy ban nước của ASTM Quốc tế (D19) đã phê duyệt một tiêu chuẩn mới giúp các nhà sản xuất và người sử dụng nước xác định và định lượng vi khuẩn có trong nước uống được (nước uống, nước nha khoa và nước đóng chai) cũng như nước không uống được (tháp giải nhiệt). Số lượng vi khuẩn dị dưỡng (HPC) xác định tổng số vi khuẩn trong mẫu nước, cho phép các nhà quản lý hệ thống nước và chuyên gia xử lý nước đưa ra quyết định sáng suốt dựa trên kết quả xét nghiệm.

Phương pháp thử nghiệm được mô tả trong tiêu chuẩn mới (D8516) sử dụng các tấm có kích thước nhỏ hơn với môi trường khử nước được thêm một lượng nhỏ nước.

Tiêu chuẩn này cung cấp một phương pháp dễ dàng và đáng tin cậy giúp loại bỏ việc chuẩn bị môi trường và giảm chất thải trong phòng thí nghiệm.

Jody Frymire, thành viên của ASTM, cho biết: “Tiêu chuẩn này hỗ trợ nước sạch bằng cách giúp các phòng thí nghiệm kiểm tra nước dễ dàng hơn và dễ tiếp cận hơn”. “Ngoài ra, kích thước tấm nhỏ hơn giúp giảm rác thải nhựa so với phương pháp đổ tấm hoặc tấm trải truyền thống.”

Nỗ lực này liên quan trực tiếp đến Mục tiêu Phát triển Bền vững số 6 của Liên Hợp Quốc về nước sạch và vệ sinh và số 12 về sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm.

Frymire, chuyên gia quản lý của IDEXX Water cho biết: “Tiêu chuẩn này sẽ mang lại lợi ích cho các công ty sản xuất, đóng chai hoặc xử lý nước bằng cách cung cấp một phương pháp tiêu chuẩn hóa dễ dàng để đo lường HPC.” “Bằng cách làm theo phương pháp thử nghiệm này, các nhà sản xuất có thể đảm bảo tính hiệu quả của các biện pháp kiểm soát của họ và duy trì chất lượng cũng như độ an toàn của nước.”./.

(Anh Minh)



## CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 10/2023

### ❖ TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

#### **TCVN 12690:2019**

Công nghệ thông tin - Ký hiệu và mô hình quy trình nghiệp vụ cho nhóm quản lý đối tượng

Số trang:59

#### **TCVN 13255:2021**

Bình đun nước nóng thông minh.

Hiệu suất năng lượng

Số trang:13

#### **TCVN 13720:2023**

Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Kiểm thử các mô-đun mật mã trong môi trường hoạt động

Số trang:56

#### **TCVN 13721:2023**

Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Phương pháp kiểm thử và phân tích cho các bộ tạo bit ngẫu nhiên trong TCVN 11295 (ISO/IEC 19790) và TCVN 8709 (ISO/IEC 15408)

Số trang:44

#### **TCVN 13722:2023**

Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Khung xác thực viễn sinh trắc sử dụng mô-đun an toàn phần cứng sinh trắc học

Số trang:24

#### **TCVN 13723-1:2023**

Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin - Yêu cầu về năng lực đối với kiểm thử viên và đánh giá viên bảo mật thông tin - Phần 1: Giới thiệu, khái niệm và yêu cầu chung

Số trang:14

#### **TCVN 13723-2:2023**

Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin - Yêu cầu về năng lực đối với kiểm thử viên và đánh giá viên bảo mật thông tin - Phần 2: Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và tính hiệu quả đối với kiểm thử viên theo TCVN 11295 (ISO/IEC 19790)

Số trang:34

#### **TCVN 13723-3:2023**

Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin - Yêu cầu về năng lực đối với kiểm thử viên và đánh giá viên bảo mật thông tin - Phần 3: Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và tính

hiệu quả đối với đánh giá viên theo TCVN 8709 (ISO/IEC 15408)

Số trang:33

#### **TCVN 13746:2023**

Internet vạn vật - Yêu cầu và khả năng hỗ trợ các thiết bị đeo và dịch vụ liên quan

Số trang:22

#### **TCVN 13747:2023**

Internet vạn vật - Yêu cầu và khả năng hỗ trợ cho dữ liệu lớn

Số trang:

#### **TCVN 13748:2023**

Internet vạn vật - Yêu cầu và khả năng quản lý thiết bị

Số trang:20

#### **TCVN 13749:2023**

Internet vạn vật - Các khả năng bảo mật hỗ trợ tính an toàn

Số trang:43

#### **TCVN 13770:2023**

Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:7

#### **TCVN 13771:2023**

Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định hàm lượng ẩm

Số trang:6

#### **TCVN 13772:2023**

Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định thành phần cấp hạt bằng phương pháp sàng ướt

Số trang:7

#### **TCVN 13773:2023**

Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định độ co dài

Số trang:7

#### **TCVN 13774:2023**

Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định độ trắng

Số trang:6

#### **TCVN 13775:2023**

Cao lanh để sản xuất sứ dân dụng. Xác định thành phần hóa học

Số trang:18

#### **TCVN 13776:2023**

Đất sét để sản xuất sứ dân dụng. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:7

#### **TCVN 13777:2023**

Đất sét để sản xuất sứ dân dụng. Xác định độ dẻo bằng phương pháp P.FEFFERKORN

Số trang:8

#### **TCVN 13778:2023**

CYCLONE thủy lực sứ dùng trong tuyển khoáng. Yêu cầu kỹ thuật

Số trang:11

#### **TCVN 13779:2023**

CYCLONE thủy lực sứ dùng trong tuyển khoáng. Xác định kích thước làm việc

Số trang:8

#### **TCVN 13780:2023**

CYCLONE thủy lực sứ dùng trong tuyển khoáng. Xác định độ chịu mài mòn

Số trang:10

#### **TCVN 13783-1:2023**

Bao bì vận chuyển. Hộp phân phối bằng chất dẻo cứng, có thể tái sử dụng. Phần 1: Áp dụng cho mục đích chung

Số trang:22

#### **TCVN 13783-2:2023**

Bao bì vận chuyển. Hộp phân phối bằng chất dẻo cứng, có thể tái sử dụng. Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật chung để thử nghiệm

Số trang:12

#### **TCVN 13784-1:2023**

Bao bì vận chuyển. Hệ thống hộp chứa tải trọng nhỏ. Phần 1: Yêu cầu chung và phương pháp thử

Số trang:22

#### **TCVN 13784-2:2023**

Bao bì vận chuyển. Hệ thống hộp chứa tải trọng nhỏ. Phần 2: Hệ thống xếp chồng thành cột (CSS)

Số trang:24

#### **TCVN 13784-3:2023**

Bao bì vận chuyển. Hệ thống hộp chứa tải trọng nhỏ. Phần 3: Hệ thống xếp chồng có liên kết (BSS)

Số trang:24

#### **TCVN 13785-1:2023**

Bao bì vận chuyển - Bao bì vận chuyển có kiểm soát nhiệt độ để vận chuyển kiện hàng - Phần 1: Yêu cầu chung

Số trang:15

#### **TCVN 13785-2:2023**

Bao bì vận chuyển - Bao bì vận chuyển có kiểm soát nhiệt độ để vận chuyển kiện hàng - Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật chung để thử nghiệm

Số trang:15

**TCVN 13802:2023**

Sữa, sản phẩm sữa, thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh và thức ăn dinh dưỡng dành cho người lớn. Xác định thành phần axit béo. Phương pháp sắc ký khí mao quản

Số trang:55

**TCVN 13803:2023**

Sữa và sản phẩm sữa. Xác định hàm lượng đường. Phương pháp sắc ký trao đổi anion hiệu năng cao với detector đo xung ampe (HPAEC-PAD)

Số trang:32

**TCVN 13804:2023**

Sữa, sản phẩm sữa và thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh. Xác định MELAMIN và axit CYANURIC bằng sắc ký lỏng - hai lần khối phổ (LC-MS/MS)

Số trang:25

**TCVN 13805:2023**

Truy xuất nguồn gốc. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa

Số trang:53

**TCVN 13814:2023**

Truy xuất nguồn gốc. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng nước quả

Số trang:36

**TCVN 13815:2023**

Nước quả. Xác định tỷ số đồng vị CACBON bền (13C/12C) của ETANOL. Phương pháp đo khối phổ tỷ số đồng vị

Số trang:18

**TCVN 13816:2023**

Nước quả. Xác định tỷ số đồng vị CACBON bền (13C/12C) của đường. Phương pháp đo khối phổ tỷ số đồng vị

Số trang:11

**TCVN 13817:2023**

Nước quả. Xác định tỷ số ôxy bền (18O/16O) của nước. Phương pháp đo khối phổ tỷ số đồng vị

Số trang:11

**TCVN 13818:2023**

Nước quả. Xác định tỷ số đồng vị HYDRO bền (2H/1H) của nước. Phương pháp đo khối phổ tỷ số đồng vị

Số trang:12

**TCVN 13819:2023**

Nước quả. Xác định tỷ số đồng vị cacbon bền (13C/12C) của thịt quả. Phương pháp đo khối phổ tỷ số đồng vị

Số trang:11

**TCVN 13825:2023**

Dịch vụ lặn giải trí – Yêu cầu đối với chương trình đào tạo lặn sử dụng bình nén hỗn hợp khí giàu oxy (EAN)

Số trang:12

**TCVN 13826:2023**

Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với việc đào tạo hướng dẫn viên lặn có ống thở với mục đích giải trí

Số trang:16

**TCVN 13827:2023**

Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với việc tổ chức lặn có ống thở với mục đích du ngoạn

Số trang:19

**TCVN 13828:2023**

Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo người trộn khí hỗn hợp

Số trang:18

**TCVN 13829:2023**

Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu và chỉ dẫn thực hành đảm bảo môi trường bền vững trong lặn với mục đích giải trí

Số trang:16

**TCVN 13830:2023**

Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với đào tạo nhận thức môi trường cho thợ lặn với mục đích giải trí

Số trang:15

**TCVN 13831:2023**

Dịch vụ lặn giải trí. Yêu cầu đối với nhà cung cấp dịch vụ lặn với mục đích giải trí

Số trang:21

**TCVN 13841:2023**

Phân tích dấu ấn sinh học phân tử. Phương pháp phát hiện và xác định nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và sản phẩm thực phẩm (dựa trên axit nucleic). Yêu cầu chung và định nghĩa

Số trang:36

**TCVN 13842-1:2023**

Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn

gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 1: Phương pháp phát hiện ADN của bò

Số trang:22

**TCVN 13842-2:2023**

Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 2: Phương pháp phát hiện ADN của cừu

Số trang:23

**TCVN 13842-3:2023**

Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 3: Phương pháp phát hiện ADN của lợn

Số trang:23

**TCVN 13842-4:2023**

Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 4: Phương pháp phát hiện ADN của gà

Số trang:20

**TCVN 13842-5:2023**

Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 5: Phương pháp phát hiện ADN của dê

Số trang:20

**TCVN 13843:2023**

Truy xuất nguồn gốc. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng mật ong

Số trang:60

**TCVN 13844:2023**

Mật ong – Xác định đường thực vật C-4 bằng phương pháp đo tỷ số đồng vị cacbon bền

Số trang:15

**TCVN 13845:2023**

Mật ong – Xác định hàm lượng đường – Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

Số trang:14

**TCVN 13846:2023**

Mật ong. Xác định hàm lượng phần hoa tương đối

Số trang:13

**TCVN 13884:2023**

Nhiên liệu sinh học rắn. Chuẩn bị mẫu thử  
Số trang:28  
**TCVN 13885:2023**  
Nhiên liệu sinh học rắn. Xác định hàm lượng cacbon, hydro và nitơ tổng  
Số trang:15  
**TCVN 13886:2023**  
Nhiên liệu sinh học rắn. Xác định hàm lượng lưu huỳnh và clo tổng số  
Số trang:18  
**TCVN 13887-1:2023**  
Nhiên liệu sinh học rắn. Xác định hàm lượng ẩm. Phần 1: Phương pháp chuẩn  
Số trang:10  
**TCVN 13887-2:2023**  
Nhiên liệu sinh học rắn. Xác định hàm lượng ẩm. Phần 2: Tổng hàm lượng ẩm. Phương pháp đơn giản  
Số trang:10  
**TCVN 13887-3:2023**  
Nhiên liệu sinh học rắn. Xác định hàm lượng ẩm. Phần 3: Hàm lượng ẩm trong mẫu phân tích chung  
Số trang:10  
**TCVN 9250:2021**  
Trung tâm dữ liệu. Yêu cầu hạ tầng kỹ thuật viễn thông  
Số trang:127  
**TCVN 12827:2023**  
Truy xuất nguồn gốc. Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi  
Số trang:100  
Thay thế:TCVN 12827:2019  
**TCVN 2081:2009**  
Mực in. Phương pháp lấy mẫu  
Số trang:6  
Thay thế:TCVN 2081:1977  
**TCVN 6533:2016**  
Vật liệu chịu lửa alumo silicat. Phương pháp phân tích hóa học  
Số trang:25  
Thay thế:TCVN 6533:1999  
**TCVN 8251:2021**  
Thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử  
Số trang:8  
Thay thế:TCVN 8251:2009  
**TCVN 8859:2023**

Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường. Thi công và nghiệm thu  
Số trang:19  
Thay thế:TCVN 8859:2011

### ❖ TIÊU CHUẨN ISO

**ISO/IEC 19566-8:2023**  
Information technologies  
Pages: 36  
**ISO/IEC 1989:2023**  
Information technology  
Programming languages, their environments and system software interfaces  
Pages: 3  
Replaces: ISO/IEC 1989:2014  
**ISO/IEC 20008-2:2013/Amd 2:2023**  
Information technology  
Security techniques  
Pages: 26  
**ISO/IEC 21558-2:2023**  
Telecommunications and information exchange between systems  
Future network architecture  
Pages: 16  
**ISO/IEC 21559-2:2023**  
Telecommunications and information exchange between systems  
Pages: 43  
**ISO/IEC 22121-2:2023**  
Information technology  
Virtual keyboards user interfaces  
Pages: 28  
**ISO/IEC 22123-1:2023**  
Information technology  
Cloud computing  
Part 1: Vocabulary  
Pages: 18  
**ISO/IEC 23001-11:2023**  
Information technology  
MPEG systems technologies  
Part 11: Energy-efficient media consumption (green metadata)  
Pages: 3  
**ISO/IEC 23008-1:2023**  
Information technology  
High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments  
Part 1: MPEG media transport (MMT)

Pages: 234  
Replaces: ISO/IEC 23008-1:2017  
**ISO/IEC 23008-9:2023**  
Information technology  
High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments  
Part 9: 3D Audio conformance testing  
Pages: 89  
Replaces: ISO/IEC 23008-9:2022  
**ISO/IEC 23090-10:2022/ Cor 1:2023**  
Information technology  
Coded representation of immersive media  
Part 10: Carriage of visual volumetric video-based coding data  
Pages: 5  
**ISO/IEC 23090-14:2023**  
Information technology  
Coded representation of immersive media  
Part 14: Scene description  
Pages: 57  
**ISO/IEC 23090-19:2023**  
Information technology  
Coded representation of immersive media  
Part 19: Reference Software for V-PCC  
Pages: 2  
**ISO/IEC 23090-2:2023**  
Information technology  
Coded representation of immersive media  
Part 2: Omnidirectional media format  
Pages: 352  
Replaces: ISO/IEC 23090-2:2021  
**ISO/IEC 23090-9:2023**  
Information technology  
Coded representation of immersive media  
Part 9: Geometry-based point cloud compression  
Pages: 185  
**ISO/IEC 23220-1:2023**  
Cards and security devices for personal identification  
Building blocks for identity management via mobile devices  
Part 1: Generic system architectures of mobile eID systems

Pages: 48	Pages: 53	<b>ISO/IEC 30161-2:2023</b>
<b>ISO/IEC 23465-1:2023</b>	Replaces: ISO/IEC 27035-2:2016	Internet of Things (IoT)
Card and security devices for personal identification	<b>ISO/IEC 27036-3:2023</b>	Data exchange platform for IoT services
Programming interface for security devices	Cybersecurity	Part 2: Transport interoperability between nodal points
Part 1: Introduction and architecture description	Supplier relationships	Pages: 20
Pages: 22	Part 3: Guidelines for hardware, software, and services supply chain security	<b>ISO/IEC 30179:2023</b>
<b>ISO/IEC 23894:2023</b>	Pages: 35	Internet of Things (IoT)
Information technology	Replaces: ISO/IEC 27036-3:2013	Overview and general requirements of IoT system for ecological environment monitoring
Artificial intelligence	<b>ISO/IEC 29128-1:2023</b>	Pages: 15
Guidance on risk management	Information security, cybersecurity and privacy protection	<b>ISO/IEC TR 20322:2023</b>
Pages: 26	Verification of cryptographic protocols	Information technology
<b>ISO/IEC 24661:2023</b>	Part 1: Framework	Cross-jurisdictional and societal aspects of implementation of biometric technologies
Information technology	Pages: 15	Biometrics and elderly people
User interfaces	Replaces: ISO/IEC 29128:2011	Pages: 9
Full duplex speech interaction	<b>ISO/IEC 29134:2023</b>	<b>ISO/IEC 3532-1:2023</b>
Pages: 23	Information technology	Information technology
<b>ISO/IEC 24751-4:2023</b>	Security techniques	Medical image-based modelling for 3D printing
Information technology	Guidelines for privacy impact assessment	Part 1: General requirements
Individualized adaptability and accessibility in e-learning, education and training	Pages: 44	Pages: 15
Part 4: "Access for all" framework for individualized accessibility and registry server application programming interface (API)	35.030	<b>ISO/IEC 4005-1:2023</b>
Pages: 20	<b>ISO/IEC 29167-11:2023</b>	Telecommunications and information exchange between systems
<b>ISO/IEC 24760-1:2019/Amd 1:2023</b>	Information technology	Unmanned aircraft area network (UAAN)
IT Security and Privacy A framework for identity management Part 1: Terminology and concepts	Automatic identification and data capture techniques	Part 1: Communication model and requirements
Pages: 4	Part 11: Crypto suite PRESENT-80 security services for air interface communications	Pages: 19
<b>ISO/IEC 24760-3:2016/Amd 1:2023</b>	Pages: 27	<b>ISO/IEC 4005-2:2023</b>
Information technology	Replaces: ISO/IEC 29167-11:2014	Telecommunications and information exchange between systems
Security techniques	<b>ISO/IEC 29168-1:2023</b>	Unmanned aircraft area network (UAAN)
A framework for identity management	Information technology	Part 2: Physical and data link protocols for shared communication
Pages: 3	Open systems interconnection	Pages: 65
<b>ISO/IEC 27035-1:2023</b>	Part 1: Object identifier resolution system	<b>ISO/IEC 4005-3:2023</b>
Information technology	Pages: 26	Telecommunications and information exchange between systems
Information security incident management	Replaces: ISO/IEC 29168-1:2011	Unmanned aircraft area network (UAAN)
Part 1: Principles and process	<b>ISO/IEC 30107-3:2023</b>	Part 3: Physical and data link protocols for control communication
Pages: 33	Information technology	Pages: 59
Replaces: ISO/IEC 27035-1:2016	Biometric presentation attack detection	
<b>ISO/IEC 27035-2:2023</b>	Part 3: Testing and reporting	
Information technology	Pages: 39	
Information security incident management	<b>ISO/IEC 30134-7:2023</b>	
Part 2: Guidelines to plan and prepare for incident response	Information technology	
	Data centres key performance indicators	
	Part 7: Cooling efficiency ratio (CER)	
	Pages: 16	

<p><b>ISO/IEC 4005-4:2023</b> Telecommunications and information exchange between systems Unmanned aircraft area network (UAAN) Part 4: Physical and data link protocols for video communication Pages: 57</p>	<p><b>ISO/IEC 9075-14:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 14: XML-Related Specifications (SQL/XML) Pages: 437 Replaces: ISO/IEC 9075-14:2016c</p>	<p>Cross-jurisdictional and societal aspects of implementation of biometric technologies Biometrics and elderly people Pages: 9</p>
<p><b>ISO/IEC 5965:2023</b> Information technology Swordfish Scalable Storage Management API Specification Pages: 391</p>	<p><b>ISO/IEC 9075-15:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 15: Multidimensional arrays (SQL/MDA) Pages: 149 Replaces: ISO/IEC 9075-15:2019</p>	<p><b>ISO/IEC TR 23844:2023</b> Information technology for learning, education, and training Immersive content and technology Pages: 8</p>
<p><b>ISO/IEC 7816-6:2023</b> Identification cards Integrated circuit cards Part 6: Interindustry data elements for interchange Pages: 27</p>	<p><b>ISO/IEC 9075-16:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 16: Property Graph Queries (SQL/PGQ) Pages: 269</p>	<p><b>ISO/IEC TR 27563:2023</b> Security and privacy in artificial intelligence use cases Best practices Pages: 29</p>
<p><b>ISO/IEC 8652:2023</b> Information technology Programming languages Ada Pages: 1048</p>	<p><b>ISO/IEC 9075-2:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 2: Foundation (SQL/Foundation) Pages: 1715 Replaces: ISO/IEC 9075-2:2016/Cor 2:2022</p>	<p><b>ISO/IEC TR 30133:2023</b> Information technology Data centres Practices for resource-efficient data centres Pages: 1</p>
<p><b>ISO/IEC 9075-1:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 1: Framework (SQL/Framework) Pages: 74 Replaces: ISO/IEC 9075-1:2016</p>	<p><b>ISO/IEC 9075-3:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 3: Call-Level Interface (SQL/CLI) Pages: 371 Replaces: ISO/IEC 9075-3:2016/Cor 1:2022</p>	<p><b>ISO/IEC TS 22604:2023</b> Information technology Biometric recognition of subjects in motion in access-related systems Pages: 16</p>
<p><b>ISO/IEC 9075-10:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 10: Object language bindings (SQL/OLB) Pages: 317 Replaces: ISO/IEC 9075-10:2016</p>	<p><b>ISO/IEC 9075-4:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 4: Persistent stored modules (SQL/PSM) Pages: 158 Replaces: ISO/IEC 9075-4:2016/Cor 2:2022</p>	<p><b>ISO/IEC TS 23465-2:2023</b> Card and security devices for personal identification Programming interface for security devices Part 2: API definition Pages: 55</p>
<p><b>ISO/IEC 9075-11:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 11: Information and definition schemas (SQL/Schemata) Pages: 307 Replaces: ISO/IEC 9075-11:2016</p>	<p><b>ISO/IEC 9075-9:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 9: Management of External Data (SQL/MED) Pages: 447 ISO/IEC 9075-9:2016/Cor 2:2022</p>	<p><b>ISO/IEC TS 23465-3:2023</b> Card and security devices for personal identification Programming interface for security devices Part 3: Proxy Pages: 19</p>
<p><b>ISO/IEC 9075-13:2023</b> Information technology Database languages SQL Part 13: SQL Routines and types using the Java™ programming language (SQL/JRT) Pages: 132 Replaces: ISO/IEC 9075-13:2016</p>	<p><b>ISO/IEC TR 20322:2023</b> Information technology</p>	<p><b>ISO/IEC TS 30105-9:2023</b> Information technology IT Enabled Services-Business Process Outsourcing (ITES-BPO) lifecycle processes Part 9: Guidelines on extending process capability assessment for digital transformation Pages: 20</p>
		<p><b>ISO/IEC TS 33010:2023</b> Information technology Process assessment Guidance for performing process assessments</p>

Pages: 22 <b>ISO/IEC/IEEE 15288:2023</b> Systems and software engineering System life cycle processes Pages: 116 <b>ISO/IEC/IEEE 24641:2023</b> Systems and Software engineering Methods and tools for model-based systems and software engineering Pages: 85 <b>ISO/IEC/IEEE 24748-9:2023</b> Systems and software engineering Life cycle management Part 9: Application of system and software life cycle processes in epidemic prevention and control systems Pages: 41 <b>ISO/IEC/IEEE 8802-1AC:2018/Amd 1:2023</b> Information technology Telecommunications and information exchange between systems Local and metropolitan area networks Pages: 4 <b>ISO/IEC/IEEE 8802-1AS:2021/Cor 1:2023</b> Information technology Telecommunications and information exchange between systems Local and metropolitan area networks Pages: 19 <b>ISO/IEC/IEEE 8802-1BA:2023</b> Information technology Telecommunications and information exchange between systems Local and metropolitan area networks Pages: 31 Replaces: ISO/IEC/IEEE 8802-1BA:2016 <b>ISO/IEC/IEEE 8802-1CB:2019/Amd 1:2023</b> Information technology Telecommunications and information exchange between systems	Local and metropolitan area networks Pages: 144 <b>ISO/IEC/IEEE 8802-1CB:2019/Amd 2:2023</b> Information technology Telecommunications and information exchange between systems Local and metropolitan area networks Pages: 76 <b>ISO/PAS 50010:2023</b> Energy management and energy savings Guidance for net zero energy in operations using an ISO 50001 energy management system Pages: 26 <b>ISO/PAS 7020:2023</b> Sizing parameters of surgical valve prostheses: Requirements regarding the application of ISO 5840-2 Pages: 10 <b>ISO/TR 10809-1:2023</b> Cast irons Part 1: Materials and properties for design Pages: 62 <b>ISO/TR 10993-55:2023</b> Biological evaluation of medical devices Part 55: Interlaboratory study on cytotoxicity Pages: 23 <b>ISO/TR 11147:2023</b> Health informatics Personalized digital health Digital therapeutics health software systems Pages: 21 <b>ISO/TR 14799-2:2023</b> Comparison of worldwide escalator and moving walk safety standards Part 2: Abbreviated comparison and comments Pages: 143 Replaces: ISO/TR 14799-2:2015 <b>ISO/TR 16153:2023</b> Determination of uncertainty for volume measurements of a piston-operated volumetric apparatus using a photometric method	Pages: 24 Replaces: ISO/TR 16153:2004 <b>ISO/TR 20461:2023</b> Determination of uncertainty for volume measurements of a piston-operated volumetric apparatus using a gravimetric method Pages: 18 Replaces: ISO/TR 20461:2000 <b>ISO/TR 20896-2:2023</b> Dentistry Digital impression devices Part 2: Methods for assessing accuracy for implanted devices Pages: 22 <b>ISO/TR 21636-2:2023</b> Language coding A framework for language varieties Part 2: Description of the framework Pages: 14 <b>ISO/TR 4421:2023</b> Health informatics Introduction to Ayurveda informatics Pages: 21 <b>ISO/TR 5202:2023</b> Buildings and civil engineering works Building resilience strategies related to public health emergencies Compilation of relevant information Pages: 28 <b>ISO/TR 5255-2:2023</b> Intelligent transport systems Low-speed automated driving system (LSADS) service Part 2: Gap analysis Pages: 9 <b>ISO/TR 5262:2023</b> Motorcycles Guideline for verification of total running resistance force during mode running on a chassis dynamometer Pages: 15 <b>ISO/TR 5340:2023</b> Motorcycles Consideration for use cases of ISO 26262-12 MSIL classification Pages: 16 <b>ISO/TR 5601:2023</b>
--	--	---

Paints and varnishes  
Determination of volatile organic compound (VOC) and/or semi-volatile organic compound (SVOC) content Best practices for the selection of test methods  
Pages: 5

**ISO/TR 6039:2023**

Blockchain and distributed ledger technologies

Identifiers of subjects and objects for the design of blockchain systems

Pages: 50

**ISO/TR 6057:2023**

Hydraulic fluid power

Sample calculations for ISO 11171

Pages: 19

**ISO/TR 6409:2023**

Road vehicles

Analysis of technical changes of ISO 5011:2020

Pages: 18

**ISO/TR 7015:2023**

Ergonomics

The application of ISO/TR 12295, ISO 11226, the ISO 11228 series and ISO/TR 23476 in the construction sector (civil construction)

Pages: 120

**ISO/TR 7340:2023**

Reference data distribution in financial services

Pages: 15

**ISO/TR 7878:2023**

Intelligent transport systems

Mobility integration

Pages: 19

**ISO/TR 9241-100:2023**

Ergonomics of human-system interaction

Part 100: Overview of ISO 9241 software ergonomic standards

Pages: 24

Replaces: ISO/TR 9241-100:2010

**ISO/TR 9968:2023**

Road vehicles

Functional safety

Application to generic rechargeable energy storage systems for new energy vehicle

Pages: 25

**ISO/TS 11007-2:2023**

Petroleum products and lubricants

Determination of rust-prevention characteristics of lubricating greases

Part 2: Method with water wash-out

Pages: 10

Replaces: ISO/TS 11007-2:2021

**ISO/TS 12103-3:2023**

Road vehicles

Test contaminants for filter evaluation

Part 3: Soot contaminant

Pages: 16

**ISO/TS 13126:2023**

Traditional Chinese medicine

Determination of ochratoxin A in natural products by liquid chromatography coupled with fluorescence detector

Pages: 8

**ISO/TS 15230-2:2023**

Mechanical vibration and shock

Coupling forces at the man-machine interface for hand-transmitted vibration

Part 2: Evaluation of coupling forces

Pages: 15

**ISO/TS 15926-11:2023**

Industrial automation systems and integration

Integration of life-cycle data for process plants including oil and gas production facilities

Part 11: Simplified industrial usage of reference data based on RDFS methodology

Pages: 72

Replaces: ISO/TS 15926-11:2015

**ISO/TR 22126-3:2023**

Financial services

Semantic technology

Part 3: Semantic enrichment of the ISO 20022 conceptual model

Pages: 12

**ISO/TR 22131:2023**

Railway applications

Railway braking

Country specific applications for ISO 20138-1

Pages: 24

Replaces: ISO/TR 22131:2018

**ISO/TR 23644:2023**

Blockchain and distributed ledger technologies (DLTs)

Overview of trust anchors for DLT-based identity management

Pages: 25

**ISO/TR 24290:2023**

Health informatics

Datasets and data structure for clinical and biological evaluation metrics in radiotherapy

Pages: 12

**ISO/TR 24374:2023**

Financial services

Security information for PKI in blockchain and DLT implementations

Pages: 18

**ISO/TR 24484:2023**

Female condoms

Use of ISO 25841 and the quality management of female condoms

Pages: 13

**ISO/TR 25060:2023**

Systems and software engineering

Systems and software Quality Requirements and Evaluation (SQuARE)

General framework for Common Industry Format (CIF) for usability-related information

Pages: 20

Replaces: ISO/IEC TR 25060:2010

**ISO/TR 31700-2:2023**

Consumer protection

Privacy by design for consumer goods and services

Part 2: Use cases

Pages: 31

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

**IEC 61442:2023 RLV**

Test methods for accessories for power cables with rated voltages from 6 kV (Um = 7,2 kV) up to 36 kV (Um = 42 kV)

Pages: 106

**IEC 63215-2:2023**

Endurance test methods for die attach materials - Part 2:

Temperature cycling test method

for die attach materials applied to discrete type power electronic devices

Pages: 46

**IEC 63333:2023**

General method for assessing the proportion of reused components in products

Pages: 19

**IEC 60393-4:2023**

Potentiometers for use in electronic equipment - Part 4: Sectional specification: Single-turn rotary power potentiometers

Pages: 63

**IEC 61800-9-2:2023**

Adjustable speed electrical power drive systems (PDS) - Part 9-2: Ecodesign for motor systems - Energy efficiency determination and classification

Pages: 276

**IEC 63203-201-2:2022**

Wearable electronic devices and technologies - Part 201-2: Electronic textile - Measurement methods for basic properties of conductive fabrics and insulation materials

Pages: 33

**IEC 63203-201-2:2022/COR1:2023**

Corrigendum 1 - Wearable electronic devices and technologies - Part 201-2: Electronic textile - Measurement methods for basic properties of conductive fabrics and insulation materials

Pages: 3

**IEC TS 62607-8-3:2023**

Nanomanufacturing - Key control characteristics - Part 8-3: Nano-enabled metal-oxide interfacial devices - Analog resistance change and resistance fluctuation: Electrical resistance measurement

Pages: 18

**IEC 61442:2023**

Test methods for accessories for power cables with rated voltages from 6 kV ( $U_m = 7,2$  kV) up to 36 kV ( $U_m = 42$  kV)

Pages: 69

**IEC 61442:2023 RLV**

Test methods for accessories for power cables with rated voltages from 6 kV ( $U_m = 7,2$  kV) up to 36 kV ( $U_m = 42$  kV)

Pages: 106

**IEC 63504-2804:2023**

Software-Hardware Interface for Multi-Many-Core

Pages: 83

**IEC TR 61869-100:2017**

Instrument transformers - Part 100: Guidance for application of current transformers in power system protection

Pages: 135

**IEC TR 61869-**

**100:2017/COR1:2023**

Corrigendum 1 - Instrument transformers - Part 100: Guidance for application of current transformers in power system protection

Pages: 2

**IEC 61439-4-EXV-RLV:2023**

Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 4: Particular requirements for assemblies for construction sites (ACS)

Pages: 299

**IEC 61439-4:2023**

Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 4: Particular requirements for assemblies for construction sites (ACS)

Pages: 57

**IEC 61439-4:2023 EXV**

Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 4: Particular requirements for assemblies for construction sites (ACS)

Pages: 207

**IEC 61439-4:2023 RLV**

Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 4: Particular requirements for assemblies for construction sites (ACS)

Pages: 92

**IEC 62282-4-202:2023**

Fuel cell technologies - Part 4-202: Fuel cell power systems for propulsion and auxiliary power

units - Unmanned aircrafts - Performance test methods

Pages: 41

**IEC 62841-1:2014**

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 1: General requirements

345

**IEC 63138-2:2023**

Multi-channel radio-frequency connectors - Part 2: Sectional specification for MQ4 series circular connectors

Pages: 58

**IEC 63138-2:2023 RLV**

Multi-channel radio-frequency connectors - Part 2: Sectional specification for MQ4 series circular connectors

Pages: 94

**IEC 63501-2416:2023**

Power Modeling to Enable System Level Analysis

Pages: 62

**IEC 63504-2804:2023**

Software-Hardware Interface for Multi-Many-Core

Pages: 83

**IEC 60721-2-6:2022**

Classification of environmental conditions - Part 2-6: Environmental conditions appearing in nature - Earthquake vibration and shock

Pages: 49

**IEC 60721-2-**

**6:2022/COR1:2023**

Corrigendum 1 - Classification of environmental conditions - Part 2-6: Environmental conditions appearing in nature - Earthquake vibration and shock

Pages: 5

**IEC 60730-2-5:2013**

Automatic electrical controls - Part 2-5: Particular requirements for automatic electrical burner control systems

Pages: 103

**IEC 60730-2-**

**5:2013+AMD1:2017 CSV**

Automatic electrical controls - Part 2-5: Particular requirements

- for automatic electrical burner control systems  
Pages: 232  
**IEC 60730-2-5:2013+AMD1:2017+AMD2:2021 CSV**  
Automatic electrical controls - Part 2-5: Particular requirements for automatic electrical burner control systems  
Pages: 243  
**IEC 60730-2-5:2013/COR1:2023**  
Corrigendum 1 - Automatic electrical controls - Part 2-5: Particular requirements for automatic electrical burner control systems  
Pages: 2  
**IEC 62631-3-2:2023**  
Dielectric and resistive properties of solid insulating materials - Part 3-2: Determination of resistive properties (DC methods) - Surface resistance and surface resistivity  
Pages: 66  
**IEC 62631-3-2:2023 CMV**  
Dielectric and resistive properties of solid insulating materials - Part 3-2: Determination of resistive properties (DC methods) - Surface resistance and surface resistivity  
Pages: 103  
**IEC 61196-8-1:2023**  
Coaxial communication cables - Part 8-1: Blank detail specification for semi-flexible cables with fluoropolymer dielectric  
Pages: 10  
**IEC 61196-9-1:2023**  
Coaxial communication cables - Part 9-1: Blank detail specification for flexible RF coaxial cables  
Pages: 10  
**IEC 62561-4:2023**  
Lightning protection system components (LPSC) - Part 4: Requirements for conductor fasteners  
Pages: 46  
**IEC 61095:2023**  
Electromechanical contactors for household and similar purposes  
Pages: 284  
**IEC 61095:2023 RLV**  
Electromechanical contactors for household and similar purposes  
Pages: 435  
**IEC 61523-1:2023**  
Delay and power calculation standards - Part 1: Integrated Circuit (IC) Open Library Architecture (OLA)  
Pages: 640  
**IEC 61523-4:2023**  
Delay and power calculation standards - Part 4: Design and Verification of Low-Power, Energy-Aware Electronic Systems  
Pages: 547  
**IEC 61691-1-1:2023**  
Behavioural languages - Part 1-1: VHDL Language Reference Manual  
Pages: 672  
**IEC 62530-2:2023**  
SystemVerilog - Part 2: Universal Verification Methodology Language Reference Manual  
Pages: 457  
**IEC 63055:2023**  
Format for LSI-Package-Board Interoperable design  
Pages: 292  
**IEC GUIDE 120:2023**  
Security aspects - Guidelines for their inclusion in publications  
Pages: 63  
**IEC GUIDE 120:2023 RLV**  
Security aspects - Guidelines for their inclusion in publications  
Pages: 96  
**IEC 61820-3-2:2023**  
Electrical installations for lighting and beaconing of aerodromes - Part 3-2: Requirements for power supplies - Particular requirements for series circuits  
Pages: 67  
**IEC 62933-5-3:2023**  
Electrical energy storage (EES) systems - Part 5-3: Safety requirements for grid-integrated EES systems - Performing unplanned modification of electrochemical based system  
Pages: 73  
**IEC 63203-401-1:2023**  
Wearable electronic devices and technologies - Part 401-1: Devices and systems: functional elements - Evaluation method of the stretchable resistive strain sensor  
Pages: 44  
**ISO/IEC 29102:2023**  
Information technology - Office equipment - Method for the determination of ink cartridge yield for colour photo printing with inkjet printers and multi-function devices that contain inkjet printer components  
Pages: 28  
**IEC 61753-021-02:2023**  
Fibre optic interconnecting devices and passive components - Performance standard - Part 021-02: Single-mode fibre optic connectors terminated as pigtailed and patchcords for category C - Controlled environment  
Pages: 38  
**IEC 61753-021-06:2023**  
Fibre optic interconnecting devices and passive components - Performance standard - Part 021-06: Single-mode fibre optic connectors terminated as pigtailed and patchcords for category OP+ - Extended outdoor protected environment  
Pages: 45  
**IEC PAS 63485:2023**  
Intelligent Information Request and Delivery - A process model for the exchange of information for use  
Pages: 23  
**IEC SRD 63456:2023**  
Navigation tools for smart manufacturing  
Pages: 35  
**IEC TS 63222-2:2023**  
Power quality management - Part 2: Power quality monitoring system  
Pages: 26  
**IEC 60050-871:2018/AMD1:2023**  
Amendment 1 - International Electrotechnical Vocabulary -

Part 871: Active assisted living (AAL)

Pages: 45

**IEC 60704-2-13:2023**

Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-13: Particular requirements for cooking fume extractors  
Pages: 39

**IEC 61000-4-6:2023**

Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 4-6: Testing and measurement techniques - Immunity to conducted disturbances, induced by radio-frequency fields  
Pages: 184

**ISO/IEC 23837-2:2023**

Information security - Security requirements, test and evaluation methods for quantum key distribution - Part 2: Evaluation and testing methods  
Pages: 106

**ISO/IEC TS 5928:2023**

Information technology - Cloud computing and distributed platforms - Taxonomy for digital platforms  
Pages: 32

**IEC 60335-2-89:2019**

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-89: Particular requirements for commercial refrigerating appliances and ice-makers with an incorporated or remote refrigerant unit or motor-compressor  
Pages: 115

**IEC 60335-2-**

**89:2019/COR3:2023**

Corrigendum 3 - Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-89: Particular requirements for commercial refrigerating appliances and ice-makers with an incorporated or remote refrigerant unit or motor-compressor  
Pages: 3

**IEC 60512-99-003:2023**

Connectors for electrical and electronic equipment - Tests and

measurements - Part 99-003:

Endurance test schedules - Test 99c: Test schedule for balanced single-pair connectors separating (unmating) under electrical load  
Pages: 32

**IEC 61439-1:2020**

Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 1: General rules  
Pages: 321

**IEC 61439-1:2020 RLV**

Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 1: General rules  
Pages: 504

**IEC 61439-1:2020/COR2:2023**

Corrigendum 2 - Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 1: General rules  
Pages: 1

**IEC TS 63291-1:2023**

High voltage direct current (HVDC) grid systems and connected converter stations - Guideline and parameter lists for functional specifications - Part 1: Guideline  
Pages: 133

**IEC TS 63291-2:2023**

High voltage direct current (HVDC) grid systems and connected converter stations - Guideline and parameter lists for functional specifications - Part 2: Parameter lists  
Pages: 90

**IEC 62056-5-3:2023**

Electricity metering data exchange - The DLMS®/COSEM suite - Part 5-3: DLMS®/COSEM application layer  
Pages: 765

**IEC 62056-6-2:2023**

Electricity metering data exchange - The DLMS®/COSEM suite - Part 6-2: COSEM interface classes  
Pages: 1067

**IEC 62056-8-12:2023**

Electricity metering data exchange - The DLMS®/COSEM suite - Part 8-12: Communication profile for Low-Power Wide Area Networks (LPWANs)  
Pages: 61

**IEC TR 63434:2023**

Low voltage switchgear and controlgear - Partial discharge voltages and PD-level in low voltage switchgear and controlgear  
Pages: 40

**IEC 61936-2:2023**

Power installations exceeding 1 kV AC and 1,5 kV DC - Part 2: DC  
Pages: 102

**IEC 62977-3-5:2023**

Electronic displays - Part 3-5: Evaluation of optical performance - Colour capabilities  
Pages: 63

**IEC TS 63189-1:2023**

Virtual power plants - Part 1: Architecture and functional requirements  
Pages: 24

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

**JIS B 7957:2006 /AMENDMENT 1:2023**

Continuous analyzers for ozone and oxidants in ambient air (Amendment 1)  
Pages: 4

**JIS B 8121:2023**

Terms and definitions of cogeneration  
Pages: 14  
Replaces: JIS B 8121 :2009

**JIS B 8821:2023**

Calculation Standards for steel structures of cranes  
Pages: 96  
Replaces: JIS B 8821 :2013

**JIS B 8831:2023**

Cranes -- Design principles for loads and load combinations  
Pages: 12  
Replaces: JIS B 8831 :2004

**JIS C 1400-0:2023**

Wind energy generation systems -- Part 0: Glossary of terms for wind energy generation systems  
Pages: 34  
Replaces: JIS C 1400 -0:2005

**JIS C 8918:2023**

Crystalline photovoltaic (PV) modules  
Pages: 14  
Replaces: JIS C 8918 :2013

**JIS C 8939:2023**

Thin film photovoltaic (PV) modules

Pages: 14

Replaces: JIS C 8939 :2013

**JIS C 9335-2-207 :2023**

Household and similar electrical appliances -- Safety -- Part 2-207: Particular requirements for electrolyzed water producing appliances

Pages: 12

Replaces: JIS C 9335 -2-207:2018

**JIS C 9335-2-209 :2023**

Household and similar electrical appliances -- Safety -- Part 2-209: Particular requirements for electric therapy apparatus for home use

Pages: 14

Replaces: JIS C 9335-2- 209:2018

**JIS C 9335-2-210 :2023**

Household and similar electrical appliances -- Safety -- Part 2-210: Particular requirements for electromagnetic induction therapy apparatus for home use

Pages: 10

Replaces: JIS C 9335-2 -210:2018

**JIS C 9335-2-211 :2023**

Household and similar electrical appliances -- Safety -- Part 2-211: Particular requirements for heat therapy apparatus for home use

Pages: 12

Replaces: JIS C 9335-2 -211:2018

**JIS C 9335-2-212 :2023**

Household and similar electrical appliances -- Safety -- Part 2-212: Particular requirements for vaporizer for home use

Pages: 10

Replaces: JIS C 9335-2 -212:2018

**JIS Q 15001:2023**

Personal information protection management systems –

Requirements

Pages: 94

Replaces: JIS Q 15001 :2017

**JIS Q 27001:2023**

Information security, cybersecurity and privacy protection – Information security management systems – Requirements

Pages: 24

Replaces: JIS Q 27001 :2014

**JIS Q 56002:2023**

Innovation management – Innovation management system – Guidance

Pages: 34

**JIS X 0306:2023**

International standard serial number (ISSN)

Pages: 32

Replaces: JIS X 0306 :2012

❖ **TIÊU CHUẨN BS**

**BS EN IEC 60393-3:2023**

Potentiometers for use in electronic equipment - Sectional specification. Rotary precision potentiometers

**BS IEC 62977-3-5:2023**

Electronic displays - Evaluation of optical performance. Colour capabilities

**BS IEC 62977-3-5:2023**

Electronic displays - Evaluation of optical performance. Colour capabilities

**BS ISO 37173:2023**

Smart community infrastructure. Guidance for the development of smart building information systems

**BS ISO 7101:2023**

Healthcare organization management. Management systems for quality in healthcare organizations. Requirements

**BS EN 14972-7:2023**

Fixed firefighting systems. Water mist systems - Test protocol for commercial low hazard occupancies for automatic nozzle systems

**BS EN 17343:2023**

Railway application. General terms and definitions

**BS ISO 24585-2:2023**

Graphic technology. Multispectral imaging measurement and colorimetric computation for graphic arts and industrial application - Requirements for decorative surfaces

**BS ISO 1750:2023**

Pesticides and other agrochemicals. Common names

**BS ISO 21339:2023**

6Al-4V titanium alloys.

Determination of aluminium and vanadium contents. Inductively coupled plasma atomic emission spectrometric method

**BS ISO 2107:2023**

Aluminium and aluminium alloys. Wrought products. Temper designations

**BS EN ISO 3671:2023**

Plastics. Aminoplastic moulding materials. Determination of volatile matter

**BS ISO 23316-5:2023**

Tractors and machinery for agriculture and forestry. Electrical high-power interface 700 V DC / 480 V AC - DC operation mode

**BS ISO 21384-3:2023**

Unmanned aircraft systems - Operational procedures

**BS ISO 10425:2023**

Steel wire ropes for the petroleum and natural gas industries. Minimum requirements and terms of acceptance

**BS ISO 4773:2023**

Non-destructive testing. Ultrasonic guided-wave testing using the phased-array technique

**BS EN ISO 15551:2023**

Petroleum and natural gas industries. Drilling and production equipment. Electric submersible pump systems for artificial lift

**BS EN IEC 60851-3:2023**

Winding wires. Test methods - Mechanical properties

**BS EN IEC 62788-2-1:2023**

Measurement procedures for materials used in photovoltaic modules - Polymeric materials. Frontsheet and backsheets. Safety requirements

**BS ISO 23316-2:2023**

Tractors and machinery for agriculture and forestry. Electrical high-power interface 700 V DC / 480 V AC - Physical interface

**BS EN ISO 4973:2023**

Cosmetics. Microbiology. Quality control of culture media and diluents used in cosmetics standards

**BS EN 17750:2023**

Agricultural and forestry machinery. Installation of lighting and light signalling devices on mounted implements

**BS ISO 10975:2023**

Agricultural machinery and tractors. Auto-guidance systems for operator-controlled tractors and self-propelled machines. Safety requirements

**BS EN ISO 25119-2:2023**

Tractors and machinery for agriculture and forestry. Safety-related parts of control systems - Concept phase

**BS ISO 6819:2023**

Steel wire rod for bridge cable wire

**BS EN 50724:2023**

Fixed Ultrasonic Gas Leak Detectors (UGLD). General requirements and test methods

**BS ISO 68-2:2023**

ISO general purpose screw threads. Basic and design profiles - Inch screw threads

Replaces: BS ISO 68-2:1998+A1:2020

**BS ISO 68-1:2023**

ISO general purpose screw threads. Basic and design profiles - Metric screw threads

Replaces: BS ISO 68-1:1998+A1:2020

**BS EN ISO 23783-2:2023**

Automated liquid handling systems - Measurement procedures for the determination of volumetric performance

**BS EN ISO 23783-3:2023**

Automated liquid handling systems - Determination, specification and reporting of volumetric performance

**BS ISO 14624-1:2023**

Space systems. Safety and compatibility of materials - Determination of upward flammability of materials

**BS ISO 14624-2:2023**

Space systems. Safety and compatibility of materials - Determination of flammability of electrical-wire insulation and accessory materials

**BS EN 17636:2023**

Railway applications. Infrastructure. Track alignment design parameters. Urban rail

**BS EN ISO 10534-2:2023**

Acoustics. Determination of acoustic properties in impedance tubes - Two-microphone technique for normal sound absorption coefficient and normal surface impedance

Replaces: BS EN ISO 10534-2:2001

**BS EN IEC 60601-2-76:2019+A1:2023**

Medical electrical equipment - Particular requirements for the basic safety and essential performance of low energy ionized gas haemostasis equipment

**BS ISO 18475:2023**

Environmental solid matrices. Determination of polychlorinated biphenyls (PCB) by gas chromatography. mass selective detection (GC-MS) or electron-capture detection (GC-ECD)

**BS EN ISO 23783-1:2023**

Automated liquid handling systems - Part 1: Vocabulary and general requirements

**BS EN ISO 6306:2023**

Chemical analysis of steel. Order of listing elements in steel standards

**BS EN ISO 5754:2023**

Sintered metal materials, excluding hardmetals. Unnotched impact test piece

Replaces: BS EN ISO 5754:2017

**BS EN ISO 1833-4:2023**

Textiles. Quantitative chemical analysis - Mixtures of certain protein fibres with certain other fibres (method using hypochlorite)

Replaces: BS EN ISO 1833-4:2017

**BS ISO 23551-12:2023**

Safety and control devices for gas burners and gas-burning appliances. Particular requirements - Multifunctional controls with integral overpressure protection safety function (OPSF) for use with butane gas cartridges used in portable gas appliances

**BS ISO/IEC 23837-2:2023**

Information security. Security requirements, test and evaluation methods for quantum key distribution - Evaluation and testing methods

**BS EN 3660-005:2023**

Aerospace series. Cable outlet accessories for circular and rectangular electrical and optical connectors - Cable outlet, style A, 90°, unsealed with clamp strain relief. Product standard

Replaces: BS EN 3660-005:2018

**BS EN IEC 62751-2:2014+A2:2023**

Power losses in voltage sourced converter (VSC) valves for high-voltage direct current (HVDC) systems - Modular multilevel converters

**BS ISO 5533:2023**

Textiles. Quantification of carbon fibre constituent element. Elemental analyser method

**BS EN 13232-6:2023**

Railway applications. Track. Switches and crossings for Vignole rails - Fixed common and obtuse crossings

Replaces: BS EN 13232-6:2005+A1:2011

**BS EN 13232-2:2023**

Railway applications. Track. Switches and crossings for Vignole rails - Requirements for geometric design

Replaces: BS EN 13232-2:2003+A1:2011

**BS EN 13232-4:2023**

Railway applications. Track. Switches and crossings for Vignole rails - Actuation, locking and detection

Replaces: BS EN 13232-4:2005+A1:2011

**BS ISO 23596:2023**

<p>Rare earth. Determination of rare earth content in individual rare earth metals and their compounds. Gravimetric method <b>BS EN 3660-004:2023</b></p> <p>Aerospace series. Cable outlet accessories for circular and rectangular electrical and optical connectors - Cable outlet, style A, straight, unsealed with clamp strain relief. Product standard Replaces: BS EN 3660-004:2018 <b>BS EN 61557-7:2022+A1:2023</b></p> <p>Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC. Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Phase sequence Replaces: BS EN IEC 61557-7:2022 <b>BS EN 45545-2:2020+A1:2023</b></p> <p>Railway applications. Fire protection on railway vehicles - Requirements for fire behaviour of materials and components Replaces: BS EN 45545-2:2013+A1:2015 <b>BS EN ISO 11855-1:2021+A1:2023</b></p> <p>Building environment design. Embedded radiant heating and cooling systems - Definitions, symbols, and comfort criteria Replaces: BS EN ISO 11855-1:2015 <b>BS EN ISO 12736-1:2023</b></p> <p>Oil and gas industries including lower carbon energy. Wet thermal insulation systems for pipelines and subsea equipment - Validation of materials and insulation systems <b>BS EN ISO 12736-2:2023</b></p> <p>Oil and gas industries including lower carbon energy. Wet thermal insulation systems for pipelines and subsea equipment - Qualification processes for production and application procedures <b>BS EN ISO 12736-3:2023</b></p> <p>Oil and gas industries including lower carbon energy. Wet thermal insulation systems for pipelines and subsea equipment -</p>	<p>Interfaces between systems, field joint system, field repairs and prefabricated insulation <b>BS EN 12608-2:2023</b></p> <p>Unplasticized poly(vinyl chloride) (PVC-U) profiles for the fabrication of windows and doors. Classification, requirements and test methods - PVC-U profiles covered with foils bonded with adhesives <b>BS EN 15595:2018+A1:2023</b></p> <p>Railway applications. Braking. Wheel slide protection Replaces: BS EN 15595:2009+A1:2011 <b>BS 7912:2012+A2:2023</b></p> <p>Power cables with XLPE insulation and metal sheath, and their accessories, for rated voltages from 66 kV (<math>U_m = 72.5</math> kV) to 132 kV (<math>U_m = 145</math> kV) <b>BS EN ISO 3887:2023</b></p> <p>Steels. Determination of the depth of decarburization Replaces: BS EN ISO 3887:2018 <b>BS EN IEC 61439-7:2023</b></p> <p>Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Assemblies for specific applications such as marinas, camping sites, market squares, electric vehicle charging stations Replaces: <b>BS EN 13232-9:2023</b></p> <p>Railway applications. Track. Switches and crossings for Vignole rails - Layouts Replaces: BS EN 13232-9:2006+A1:2011 <b>BS EN 13232-7:2023</b></p> <p>Railway applications. Track. Switches and crossings for Vignole rails - Crossings with moveable parts Replaces: BS EN 13232-7:2006+A1:2011 <b>BS EN 60670-21:2007+A1:2023</b></p> <p>Boxes and enclosures for electrical accessories for household and similar fixed electrical installations - Particular requirements for boxes and enclosures with provision for suspension means <b>BS EN 1407:2023</b></p>	<p>Chemicals used for treatment of water intended for human consumption. Anionic and non-ionic polyacrylamides Replaces: BS EN 1407:2008 <b>BS EN 1408:2023</b></p> <p>Chemicals used for treatment of water intended for human consumption. Poly(diallyldimethylammonium chloride) Replaces: BS EN 1408:2008 <b>BS EN 1409:2023</b></p> <p>Chemicals used for water treatment intended for human consumption. Polyamines Replaces: BS EN 1409:2008 <b>BS EN 1410:2023</b></p> <p>Chemicals used for treatment of water intended for human consumption. Cationic polyacrylamides Replaces: BS EN 1410:2008 <b>BS EN 1405:2023</b></p> <p>Chemicals used for treatment of water intended for human consumption. Sodium alginate Replaces: BS EN 1405:2009 <b>BS ISO 11158:2023</b></p> <p>Lubricants, industrial oils and related products (class L). Family H (hydraulic systems). Specifications for categories HH, HL, HM, HV and HG Replaces: BS ISO 11158:2009 <b>BS IEC 63190:2023</b></p> <p>Railway applications. Fixed installations. Electric traction. Copper and copper alloy catenary wires for overhead contact line systems <b>BS EN IEC 61462:2023</b></p> <p>Composite hollow insulators. Pressurized and unpressurized insulators for use in electrical equipment with AC rated voltage greater than 1 000 V AC and D.C. voltage greater than 1500V. Definitions, test methods, acceptance criteria and design recommendations <b>BS EN ISO 4865-1:2023</b></p> <p>Dentistry. General requirements of hand instruments - Non-hinged hand instruments <b>BS ISO 8024:2023</b></p>
--	---	---

Concentrated black mulberry juice. Specifications

**BS EN 17531:2021+A1:2023**

Reporting in support of supervision of online gambling services by the gambling regulatory authorities of the Member States

**BS ISO 26910-1:2023**

Springs. Shot peening - General procedures

**BS EN 3637:2023**

Aerospace series. Nut, self-locking, bi-hexagonal (double reduced), in heat resisting nickel base alloy. NI-P101HT (Waspaloy), silver plated, Classification: 1 210 MPa/730 °C

**BS ISO 12164-3:2023**

Hollow taper interface with flange contact surface - Shanks of types T, TA and U

Replaces: BS ISO 12164-3:2014

**BS ISO 12164-4:2023**

Hollow taper interface with flange contact surface - Receivers of types T and U for hollow taper shanks of types T, TA and U

Replaces: BS ISO 12164-4:2014

**BS ISO 12164-5:2023**

Hollow taper interface with flange contact surface - Shanks of types AS, CS and ES

**BS ISO 12164-6:2023**

Hollow taper interface with flange contact surface - Receivers of types AS, CS and ES for hollow taper shanks of types AS, CS and ES

**BS ISO 12164-1:2023**

Hollow taper interface with flange contact surface - Shanks of types A, AB, C, CB and EB

**BS ISO 12164-2:2023**

Hollow taper interface with flange contact surface - Receivers of types A, C and E for hollow taper shanks of types A, AB, C, CB and EB

**BS IEC 62899-202-9:2023**

Printed electronics - Materials. Conductive ink. Printed patterns for mechanical test

**BS ISO 24382:2023**

Bee pollen. Specifications

**BS EN ISO 13703-3:2023**

Oil and gas industries including lower carbon energy. Piping systems on offshore production platforms and onshore plants - Fabrication

**BS ISO 5222-1:2023**

Heat recovery ventilators and energy recovery ventilators. Testing and calculating methods for seasonal performance factor - Sensible heating recovery seasonal performance factors of heat recovery ventilators (HRV)

**BS ISO 4722-1:2023**

Water quality. Thorium 232 - Test method using alpha spectrometry

**BS ISO 9241-221:2023**

Ergonomics of human-system interaction - Human-centred design process assessment model

**BS EN IEC 61158-6-28:2023**

Industrial communication networks. Fieldbus specifications - Application layer protocol specification. Type 28 elements

**BS ISO 24118-1:2023**

Paper and board. Stylus contact method - Determination of surface roughness

**BS ISO 22188:2023**

Monitoring for inadvertent movement and illicit trafficking of radioactive material

**BS ISO 6650:2023**

Fertilizers, soil conditioners and beneficial substances.

Simultaneous determination of N-(n-Butyl) thiophosphoric triamide and dicyandiamide by high-performance liquid chromatography

**BS ISO 8549-2:2023**

Prosthetics and orthotics. Vocabulary - Terms relating to external limb prostheses

Replaces: BS ISO 8549-2:2020

**BS ISO 7251:2005+A1:2023**

Microbiology of food and animal feeding stuffs. Horizontal method for the detection and enumeration of presumptive Escherichia coli. Most probable number technique

Replaces: BS ISO 11866-1:1997

**BS EN 16272-3-2:2023**

Railway applications. Infrastructure. Noise barriers and related devices acting on airborne sound propagation. Test method for determining the acoustic performance - Normalized railway noise spectrum and single number ratings for direct sound field applications

**BS EN 16272-3-1:2023**

Railway applications. Infrastructure. Noise barriers and related devices acting on airborne sound propagation. Test method for determining the acoustic performance - Normalized railway noise spectrum and single number ratings for diffuse sound field applications

**BS ISO 9813:2023**

Corrosion of metals and alloys. Performance test method for corrosion inhibitors used in chemical cleaning of industry equipment

**BS EN 16906:2023**

Liquid petroleum products. Determination of the ignition quality of diesel fuels. Fixed compression ratio engine method

**BS ISO/IEC 8183:2023**

Information technology. Artificial intelligence. Data life cycle framework

**BS ISO 7055:2023**

Natural gas. Upstream area. Determination of drag reduction in laboratory for slick water

**BS ISO 13105-1:2023**

Building construction machinery and equipment. Machinery for concrete surface floating and finishing - Commercial specifications

**BS ISO 21127:2023**

Information and documentation. A reference ontology for the interchange of cultural heritage information

Replaces: BS ISO 21127:2014

**BS ISO 16143-4:2023**

Stainless steels for general purposes - Bright products

**BS ISO 16486-6:2023**

Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels.  
Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing - Code of practice for design, handling and installation

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

**ASTM A1095-15(2023)**  
Standard Specification for High-Silicon Molybdenum Ferritic Iron Castings  
Pages: 7  
Replaces:  
ASTM A1095-15(2019)  
**ASTM D2517-18(2023)**  
Standard Specification for Reinforced Epoxy Resin Gas Pressure Pipe and Fittings  
Pages: 6  
Replaces: ASTM D2517-18  
**ASTM C4-04(2023)**  
Standard Specification for Clay Drain Tile and Perforated Clay Drain Tile  
Pages: 6  
Replaces: ASTM C4-04(2018)  
**ASTM E3002-15(2023)**  
Standard Practice for Assessing the Comparative Efficacy of Products Used for the Decontamination of Chemical Warfare Agents (CWAs) on Skin  
Pages: 5  
Replaces: ASTM E3002-15  
**ASTM E2070-23**  
Standard Test Methods for Kinetic Parameters by Differential Scanning Calorimetry Using Isothermal Methods  
Pages: 12  
Replaces:  
ASTM E2070-13(2018)  
**ASTM E1142-23b**  
Standard Terminology Relating to Thermophysical Properties  
Pages: 7  
Replaces: ASTM E1142-23a  
**ASTM B928/B928M-15(2023)**  
Standard Specification for High Magnesium Aluminum-Alloy Products for Marine Service and Similar Environments  
Pages:15

Replaces:  
ASTM B928/B928M-15  
**ASTM D5677-17(2023)**  
Standard Specification for Fiberglass (Glass-Fiber-Reinforced Thermosetting-Resin) Pipe and Pipe Fittings, Adhesive Bonded Joint Type, for Aviation Jet Turbine Fuel Lines  
Pages: 6  
Replaces: ASTM D5677-17  
**ASTM F478-14a(2023)**  
Standard Specification for In-Service Care of Insulating Line Hose and Covers  
Pages: 4  
Replaces:  
ASTM F478-14a(2019)  
**ASTM D7095-23**  
Standard Test Method for Rapid Determination of Corrosiveness to Copper from Petroleum Products Using a Disposable Copper Foil Strip  
Pages: 9  
Replaces: ASTM D7095-17  
**ASTM E473-23b**  
Standard Terminology Relating to Thermal Analysis and Rheology  
Pages: 4  
Replaces: ASTM E473-23a  
**ASTM D7835/D7835M-23**  
Standard Test Method for Determining the Solvent Resistance of an Organic Coating Using a Mechanical Rubbing Machine  
Pages: 4  
Replaces: ASTM D7835/D7835M-19  
**ASTM C1701/C1701M-17a(2023)**  
Standard Test Method for Infiltration Rate of In Place Pervious Concrete  
Pages: 3  
Replaces: ASTM C1701/C1701M-17a  
**ASTM B502/B502M-23**  
Standard Specification for Aluminum-Clad Steel Core Wire for Use in Overhead Electrical Aluminum Conductors  
Pages: 4  
Replaces:  
ASTM B502/B502M-19

**ASTM E2564-23**  
Standard Practice for Enumeration of Mycobacteria in Metalworking Fluids by Direct Microscopic Counting (DMC) Method  
Pages: 4  
Replaces: ASTM E2564-18  
**ASTM E2563-23**  
Standard Practice for Enumeration of Non-Tuberculosis Mycobacteria in Aqueous Metalworking Fluids by Plate Count Method  
Pages: 3  
Replaces: ASTM E2563-18  
**ASTM D6484/D6484M-23**  
Standard Test Method for Open-Hole Compressive Strength of Polymer Matrix Composite Laminates  
Pages: 19  
Replaces:  
ASTM D6484/D6484M-20  
**ASTM D892-23**  
Standard Test Method for Foaming Characteristics of Lubricating Oils  
Pages: 10  
Replaces: ASTM D892-18e1  
**ASTM C1879-23**  
Standard Practice for Installation of Aluminum and Stainless Steel Jacketing over Thermal Insulation on Pipe and Rigid Tubing  
Pages: 6  
Replaces: ASTM C1879-21  
**ASTM C142/C142M-17(2023)**  
Standard Test Method for Clay Lumps and Friable Particles in Aggregates  
Pages: 2  
Replaces:  
ASTM C142/C142M-17  
**ASTM A975-23**  
Standard Specification for Double-Twisted Hexagonal Mesh Gabions and Revet Mattresses (Metallic-Coated Steel Wire or Metallic-Coated Steel Wire With Poly(Vinyl Chloride) (PVC) Coating)  
Pages: 10  
Replaces: ASTM A975-21  
**ASTM C1073-18(2023)**

Standard Test Method for Hydraulic Activity of Slag Cement by Reaction with Alkali Pages: 3 Replaces: ASTM C1073-18 <b>ASTM B936-23</b> Standard Specification for Copper-Chromium-Iron-Titanium Alloy Plate, Sheet, Strip and Rolled Bar Pages: 4 Replaces: ASTM B936-19 <b>ASTM B400/B400M-23</b> Standard Specification for Compact Round Concentric-Lay-Stranded Aluminum 1350 Conductors Pages: 6 Replaces: ASTM B400/B400M-19 <b>ASTM D156-23</b> Standard Test Method for Saybolt Color of Petroleum Products (Saybolt Chromometer Method) Pages: 6 Replaces: ASTM D156-15 <b>ASTM C1621/C1621M-17(2023)</b> Standard Test Method for Passing Ability of Self-Consolidating Concrete by J-Ring Pages: 4 Replaces: ASTM C1621/C1621M-17 <b>ASTM C29/C29M-23</b> Standard Test Method for Bulk Density ("Unit Weight") and Voids in Aggregate Pages: 5 Replaces: ASTM C29/C29M-17a <b>ASTM D3235-23</b> Standard Test Method for Solvent Extractables in Petroleum Waxes Pages: 7 Replaces: ASTM D3235-16e1 <b>ASTM E2889-23</b> Standard Practice for Control of Respiratory Hazards in the Metal Removal Fluid Environment Pages: 11 Replaces: ASTM E2889-12(2017) <b>ASTM E2749-23</b> Standard Practice for Measuring the Uniformity of Furnace Exposure on Test Specimens	Pages: 10 Replaces: ASTM E2749-15a(2019) <b>ASTM D7440-23</b> Standard Practice for Characterizing Uncertainty in Air Quality Measurements Pages: 14 Replaces: ASTM D7440-08(2015)e1 <b>ASTM D7152-23</b> Standard Practice for Calculating Viscosity of a Blend of Petroleum Products Pages: 9 Replaces: ASTM D7152-11(2016)e1 <b>ASTM B229-12(2023)</b> Standard Specification for Concentric-Lay-Stranded Copper and Copper-Clad Steel Composite Conductors Pages: 6 Replaces: ASTM B229-12(2017) <b>ASTM B416-98(2023)</b> Standard Specification for Concentric-Lay-Stranded Aluminum-Clad Steel Conductors Pages: 4 Replaces: ASTM B416-98(2018) <b>ASTM C1186-22e1</b> Standard Specification for Flat Fiber-Cement Sheets Pages: 4 Replaces: ASTM C1186-22 <b>ASTM E2589-23a</b> Standard Terminology Relating to Nonsieving Methods of Powder Characterization Pages: 4 Replaces: ASTM E2589-23 <b>ASTM D2565-23</b> Standard Practice for Xenon-Arc Exposure of Plastics Intended for Outdoor Applications Pages: 7 Replaces: ASTM D2565-16 <b>ASTM C1280-18(2023)</b> Standard Specification for Application of Exterior Gypsum Panel Products for Use as Sheathing Pages: 4 Replaces: ASTM C1280-18	<b>ASTM G62-23</b> Standard Test Methods for Holiday Detection of Coatings used to Protect Pipelines Pages: 6 Replaces: ASTM G62-22 <b>ASTM B950-23</b> Standard Guide for Editorial Procedures and Form of Product Specifications for Copper and Copper Alloys Pages: 17 Replaces: ASTM B950-22 <b>ASTM E1725-23</b> Standard Test Methods for Fire Tests of Fire-Resistive Barrier Systems for Electrical System Components Pages: 11 Replaces: ASTM E1725-19 <b>ASTM B520-12(2023)</b> Standard Specification for Tin-Coated, Copper-Clad Steel Wire for Electronic Application Pages: 6 Replaces: ASTM B520-12(2017) <b>ASTM D4180-23</b> Standard Test Method for Vibratory Packing Density of Formed Catalyst Particles and Catalyst Carriers Pages: 3 Replaces: ASTM D4180-13(2018) <b>ASTM B280-23</b> Standard Specification for Seamless Copper Tube for Air Conditioning and Refrigeration Field Service Pages: 9 Replaces: ASTM B280-20 <b>ASTM B505/B505M-23</b> Standard Specification for Copper Alloy Continuous Castings Pages: 10 Replaces: ASTM B505/B505M-22 <b>ASTM C1924-23</b> Standard Practice for Design of Buried Precast Concrete Low-Head Pressure Pipe Pages: 20 <b>ASTM F3179/F3179M-23</b> Standard Specification for Performance of Aircraft
---	---	--

- Pages: 13  
Replaces:  
ASTM F3179/F3179M-22e1  
**ASTM D8132/D8132M-23**  
Standard Test Method for Determination of Prepreg Impregnation by Permeability Measurement  
Pages: 8  
Replaces:  
ASTM D8132/D8132M-17  
**ASTM D7216-23**  
Standard Test Method for Determining Automotive Engine Oil Compatibility with Typical Seal Elastomers  
Pages: 14  
Replaces: ASTM D7216-22  
**ASTM D4699-23**  
Standard Test Method for Vibratory Packing Density of Large Formed Catalyst and Catalyst Carrier Particles  
Pages: 3  
Replaces:  
ASTM D4699-03(2018)e1  
**ASTM D1655-23a**  
Standard Specification for Aviation Turbine Fuels  
Pages: 23  
Replaces: ASTM D1655-23  
**ASTM D2996-23**  
Standard Specification for Filament-Wound "Fiberglass" (Glass-Fiber-Reinforced Thermosetting-Resin) Pipe  
Pages: 6  
Replaces: ASTM D2996-17  
**ASTM B359/B359M-23**  
Standard Specification for Copper and Copper-Alloy Seamless Condenser and Heat Exchanger Tubes With Integral Fins  
Pages: 11  
Replaces:  
ASTM B359/B359M-18  
**ASTM D2863-23**  
Standard Test Method for Measuring the Minimum Oxygen Concentration to Support Candle-Like Combustion of Plastics (Oxygen Index)  
Pages: 15  
Replaces: ASTM D2863-19  
**ASTM F963-23**  
Standard Consumer Safety Specification for Toy Safety  
Pages: 94  
Replaces: ASTM F963-17  
**ASTM E2098/E2098M-13(2023)**  
Standard Test Method for Determining Tensile Breaking Strength of Glass Fiber Reinforcing Mesh for Use in Class PB Exterior Insulation and Finish Systems (EIFS), after Exposure to a Sodium Hydroxide Solution  
Pages: 3  
Replaces:  
ASTM E2098/E2098M-13(2018)  
**ASTM D2699-23a**  
Standard Test Method for Research Octane Number of Spark-Ignition Engine Fuel  
Pages: 48  
Replaces: ASTM D2699-23  
**ASTM B188-15(2023)**  
Standard Specification for Seamless Copper Bus Pipe and Tube  
Pages: 10  
Replaces: ASTM B188-15e1  
**ASTM E1554/E1554M-13(2023)**  
Standard Test Methods for Determining Air Leakage of Air Distribution Systems by Fan Pressurization  
Pages: 12  
Replaces:  
ASTM E1554/E1554M-13(2018)  
**ASTM D2700-23a**  
Standard Test Method for Motor Octane Number of Spark-Ignition Engine Fuel  
Pages: 59  
Replaces: ASTM D2700-23  
**ASTM D5322-23**  
Standard Practice for Laboratory Immersion Procedures for Evaluating the Chemical Resistance of Geosynthetics to Liquids  
Pages: 4  
Replaces: ASTM D5322-17  
**ASTM C1936-23**  
Standard Test Method for Corrosiveness of Mineral-Fiber or Cellulosic-Fiber Insulation by Comparison to Control  
Pages: 3  
Replaces:  
ASTM D5322-17  
**ASTM C1936-23**  
Standard Test Method for Corrosiveness of Mineral-Fiber or Cellulosic-Fiber Insulation by Comparison to Control  
Pages: 3  
Replaces:  
ASTM D5322-17  
**ASTM C1026-23**  
Standard Test Method for Measuring the Resistance of Ceramic and Glass Tile to Freeze-Thaw Cycling  
Pages: 7  
Replaces:  
ASTM C1026-13(2018)  
**ASTM C609-23**  
Standard Test Method for Measurement of Light Reflectance Value and Small Color Differences Between Pieces of Ceramic Tile  
Pages: 5  
Replaces: ASTM C609-20  
**ASTM B806-23**  
Standard Specification for Copper Alloy Permanent Mold Castings for General Applications  
Pages: 3  
Replaces: ASTM B806-14(2022)  
**ASTM E3313-23a**  
Standard Guide for Communication of Assessor and Panel Performance  
Pages: 18  
Replaces: ASTM E3313-23  
**ASTM D6389-23**  
Standard Practice for Tests to Evaluate the Chemical Resistance of Geotextiles to Liquids  
Pages: 4  
Replaces: ASTM D6389-17  
**ASTM C1243-23**  
Standard Test Method for Relative Resistance to Deep Abrasive Wear of Unglazed Ceramic Tile by Rotating Disc  
Pages: 3  
Replaces:

ASTM C1243-93(2015)e2

**ASTM C1153-23**

Standard Practice for Location of Wet Insulation in Roofing Systems Using Infrared Imaging  
Pages: 6

Replaces:

ASTM C1153-10(2015)

**ASTM A865/A865M-23**

Standard Specification for Threaded Couplings, Steel, Black or Zinc-Coated (Galvanized) Welded or Seamless, for Use in Steel Pipe Joints  
Pages: 5

Replaces:

ASTM A865/A865M-06(2017)

**ASTM F3559-23**

Standard Guide for ASTM F24 Standards Governing Lifecycle Management of Amusement Rides and Devices  
Pages: 14

Replaces:

**ASTM D8350-23**

Standard Test Method for Evaluation of Automotive Engine Oils in the Sequence IVB Spark-Ignition Engine  
Pages: 92

Replaces:

ASTM D8350-22

**ASTM C140/C140M-23**

Standard Test Methods for Sampling and Testing Concrete Masonry Units and Related Units  
Pages: 34

Replaces:

**ASTM D7661-23**

Standard Test Method for Determining Compatibility of Personal Lubricants with Natural Rubber Latex Condoms  
Pages: 16

Replaces:

ASTM D7661-18

**ASTM D7467-23**

Standard Specification for Diesel Fuel Oil, Biodiesel Blend (B6 to B20)  
Pages: 21

Replaces:

ASTM D7467-20a

**ASTM A519/A519M-23**

Standard Specification for Seamless Carbon and Alloy Steel Mechanical Tubing  
Pages: 14

Replaces:

ASTM A519/A519M-17

**ASTM E3175-23**

Standard Practice for Training in the Forensic Examination of Hair by Microscopy  
Pages: 15

Replaces:

ASTM E3175-22

**ASTM D8114-23a**

Standard Test Method for Measurement of Effects of Automotive Engine Oils on Fuel Economy of Passenger Cars and Light-Duty Trucks in Sequence VIE Spark Ignition  
Pages: 80

Replaces:

ASTM D8114-23

**ASTM D374/D374M-23**

Standard Test Methods for Thickness of Solid Electrical Insulation  
Pages: 12

Replaces:

ASTM D374/D374M-16

**ASTM B801-18(2023)**

Standard Specification for Concentric-Lay-Stranded Conductors of 8000 Series Aluminum Alloy for Subsequent Covering or Insulation  
Pages: 7

Replaces:

ASTM B801-18

**ASTM D3950-23**

Standard Specification for Strapping, Nonmetallic (and Joining Methods)  
Pages: 9

Replaces:

ASTM D3950-17

**ASTM C1885-23**

Standard Specification for Circular Precast Concrete Culvert, Storm Drain, and Sewer Pipe for Pipe Jacking  
Pages: 5

Replaces:

ASTM C1885-21

**ASTM C1861-23a**

Standard Specification for Lathing and Furring Accessories, and Fasteners, for Interior and Exterior Portland Cement-Based Plaster  
Pages: 11

Replaces:

ASTM C1861-23

**ASTM D3402/D3402M-23**

Standard Test Method for Tumbler Test for Coke  
Pages: 5

Replaces:

ASTM D3402/D3402M-16

**ASTM D1165-23**

Standard Nomenclature of Commercial Hardwoods and Softwoods  
Pages: 11

Replaces:

ASTM D1165-18

**ASTM C1920-23**

Standard Practice for Cleaning of Vitrified Clay Sanitary Sewer Pipelines  
Pages: 4

Replaces:

ASTM C1920-21

**ASTM C1526-19(2023)e1**

Standard Specification for Serpentine Dimension Stone  
Pages: 2

Replaces:

ASTM C1526-19

**ASTM B869-07(2023)**

Standard Specification for Copper-Clad Steel Electrical Conductor for CATV Drop Wire  
Pages: 3

Replaces:

ASTM B869-07(2018)

**ASTM E1440-23**

Standard Guide for Acute Toxicity Test with the Rotifer Brachionus  
Pages: 8

Replaces:

ASTM E1440-91(2012)

**ASTM E970-23**

Standard Test Method for Critical Radiant Flux of Exposed Attic Floor Insulation Using a Radiant Heat Energy Source  
Pages: 13

Replaces:

ASTM E970-17e1

**ASTM D3241-23a**

Standard Test Method for Thermal Oxidation Stability of Aviation Turbine Fuels  
Pages: 25

Replaces:

ASTM D3241-23

**ASTM C51-23**

Standard Terminology Relating to Lime and Limestone (as Used by the Industry)  
Pages: 3

Replaces:

ASTM C51-21

**ASTM C602-23**

Standard Specification for Agricultural Liming Materials  
Pages: 3

Replaces:

ASTM C602-20

**ASTM D8145-23a**

Standard Practice for Sampling of Green Petroleum Coke

Pages: 4  
 Replaces: ASTM D8145-23  
**ASTM F2082/F2082M-23**  
 Standard Test Method for Determination of Transformation Temperature of Nickel-Titanium Shape Memory Alloys by Bend and Free Recovery  
 Pages: 8  
 Replaces: ASTM F2082/F2082M-16  
**ASTM C714-23**  
 Standard Guide for Thermal Diffusivity of Carbon and Graphite by Thermal Pulse Method  
 Pages: 5  
 Replaces: ASTM C714-17  
**ASTM B958/B958M-23**  
 Standard Specification for Extra-High-Strength and Ultra-High-Strength Class A Zinc-5% Aluminum-Mischmetal Alloy-Coated Steel Core Wire for Use in Overhead Electrical Conductors  
 Pages: 5  
 Replaces:  
 ASTM B958/B958M-22  
**ASTM B802/B802M-23**  
 Standard Specification for Zinc-5 % Aluminum-Mischmetal Alloy-Coated Steel Core Wire for Use in Overhead Electrical Conductors  
 Pages: 5  
 Replaces:  
 ASTM B802/B802M-22  
**ASTM B211/B211M-23**  
 Standard Specification for Aluminum and Aluminum-Alloy Rolled or Cold Finished Bar, Rod, and Wire  
 Pages: 12  
 Replaces:  
 ASTM B211/B211M-19  
**ASTM B957/B957M-23**  
 Standard Specification for Extra-High-Strength and Ultra-High-Strength Zinc-Coated (Galvanized) Steel Core Wire for Use in Overhead Electrical Conductors  
 Pages: 5  
 Replaces:  
 ASTM B957/B957M-22  
**ASTM B910/B910M-07(2023)**

Standard Specification for Annealed Copper-Clad Steel Wire  
 Pages: 4  
 Replaces:  
 ASTM B910/B910M-07(2018)  
**ASTM B606/B606M-23**  
 Standard Specification for High-Strength Zinc-Coated (Galvanized) Steel Core Wire for Use in Overhead Electrical Conductors  
 Pages: 4  
 Replaces:  
 ASTM B606/B606M-22  
**ASTM B249/B249M-23**  
 Standard Specification for General Requirements for Wrought Copper and Copper-Alloy Rod, Bar, Shapes and Forgings  
 Pages: 13  
 Replaces:  
 ASTM B249/B249M-22  
**ASTM B1006-17(2023)**  
 Standard Specification for Electrical Overhead Conductor Code Word Names  
 Pages: 28  
 Replaces: ASTM B1006-17  
**ASTM C617/C617M-23**  
 Standard Practice for Capping Cylindrical Concrete Specimens  
 Pages: 6  
 Replaces:  
 ASTM C617/C617M-15  
**ASTM B1005-17(2023)**  
 Standard Specification for Copper-Clad Aluminum Bar for Electrical Purposes (Bus Bar)  
 Pages: 5  
 Replaces: ASTM B1005-17  
**ASTM C1231/C1231M-23**  
 Standard Practice for Use of Unbonded Caps in Determination of Compressive Strength of Hardened Cylindrical Concrete Specimens  
 Pages: 5  
 Replaces:  
 ASTM C1231/C1231M-15  
**ASTM C873/C873M-23**  
 Standard Test Method for Compressive Strength of Concrete Cylinders Cast in Place in Cylindrical Molds  
 Pages: 4

Replaces:  
 ASTM C873/C873M-15  
**ASTM E3284-23**  
 Standard Practice for Training in the Forensic Examination of Primer Gunshot Residue (pGSR) Using Scanning Electron Microscopy/Energy Dispersive X-Ray Spectrometry (SEM/EDS)  
 Pages: 7  
**ASTM C531-18(2023)**  
 Standard Test Method for Linear Shrinkage and Coefficient of Thermal Expansion of Chemical-Resistant Mortars, Grouts, Monolithic Surfacing, and Polymer Concretes  
 Pages: 4  
 Replaces: ASTM C531-18  
**ASTM F2503-23e1**  
 Standard Practice for Marking Medical Devices and Other Items for Safety in the Magnetic Resonance Environment  
 Pages: 15  
 Replaces: ASTM F2503-23  
**ASTM D4287-00(2023)**  
 Standard Test Method for High-Shear Viscosity Using a Cone/Plate Viscometer  
 Pages: 4  
 Replaces:  
 ASTM D4287-00(2019)  
**ASTM D4214-23**  
 Standard Test Methods for Evaluating the Degree of Chalking of Exterior Paint Films  
 Pages: 7  
 Replaces:  
 ASTM D4214-07(2015)  
**ASTM C1619-23**  
 Standard Specification for Elastomeric Seals for Joining Concrete Structures  
 Pages: 3  
 Replaces: ASTM C1619-20

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

**DIN EN 17020-5**  
 Extended application of test results on durability of self-closing for fire resistance and/or smoke control doorsets and openable windows - Part 5: Durability of self-closing of

hinged and pivoted timber doorsets; German version EN 17020-5:2023

**DIN EN 17229-2**

Fitness centres - Requirements for centre amenities and operation - Part 2: Requirements for supervision and staff; German version EN 17229-2:2023

**DIN EN ISO 20749**

Dentistry - Pre-capsulated dental amalgam (ISO 20749:2023);

German version

EN ISO 20749:2023

**DIN EN ISO 24072**

Aerosol bacterial retention test method for air-inlet on administration devices

(ISO 24072:2023); German version EN ISO 24072:2023

**DIN ISO 3166-3**

Codes for the representation of names of countries and their subdivisions - Part 3: Code for formerly used names of countries (ISO 3166-3:2020)

**DIN ISO 3402**

Tobacco and tobacco products - Atmosphere for conditioning and testing (ISO 3402:2023)

**DIN ISO 6526**

Plain bearings - Pressed bimetallic half thrust washers - Features and tolerances (ISO 6526:2017)

**DIN ISO 9286**

Abrasive grains and crude - Chemical analysis of silicon carbide (ISO 9286:2021)

**DIN EN ISO 18473-4**

Functional pigments and extenders for special applications - Part 4: Nanoscale titanium dioxide for photocatalytic application

(ISO 18473-4:2022); German version EN ISO 18473-4:2023

**DIN EN ISO 20567-2**

Paints and varnishes - Determination of stone-chip resistance of coatings - Part 2: Single-impact test with a guided impact body (ISO 20567-2:2023); German version EN ISO 20567-2:2023

**DIN EN ISO 21922**

Refrigerating systems and heat pumps - Valves - Requirements, testing and marking

(ISO 21922:2021); German version EN ISO 21922:2021

**DIN EN ISO 23298**

Dentistry - Test methods for machining accuracy of computer-aided milling machines

(ISO 23298:2023); German version EN ISO 23298:2023

**DIN EN ISO 23298**

Dentistry - Test methods for machining accuracy of computer-aided milling machines

(ISO 23298:2023); German version EN ISO 23298:2023

**DIN EN ISO 24459**

Determination of uranium content in samples coming from the nuclear fuel cycle by L-absorption edge spectrometry

(ISO 24459:2021); English version EN ISO 24459:2023

**DIN EN ISO 25178-2**

Geometrical product specifications (GPS) - Surface texture: Areal - Part 2: Terms, definitions and surface texture parameters (ISO 25178-2:2021); German version EN ISO 25178-2:2022

**DIN CEN ISO/TS 37444**

Electronic fee collection - Charging performance framework (ISO 37444:2023); English version

CEN ISO/TS 37444:2023

**DIN ISO 10889-1**

Tool holders with cylindrical shank - Part 1: Cylindrical shank, location bore; Technical delivery conditions (ISO 10889-1:2004)

**DIN ISO 21250-1**

Rolling bearings - Noise testing of rolling bearing greases - Part 1: Basic principles, testing assembly and test machine (ISO 21250-1:2020)

**DIN ISO 21250-2**

Rolling bearings - Noise testing of rolling bearing greases - Part 2: Test and evaluation method BQ+ (ISO 21250-2:2020)

**DIN ISO 21250-3**

Rolling bearings - Noise testing of rolling bearing greases - Part 3: Test and evaluation method MQ (ISO 21250-3:2020)

**DIN ISO 21250-4**

Rolling bearings - Noise testing of rolling bearing greases - Part 4: Test and evaluation method NQ (ISO 21250-4:2020)

**DIN ISO 23646**

Soil quality - Determination of organochlorine pesticides by gas chromatography with mass selective detection (GC-MS) and gas chromatography with electron-capture detection (GC-ECD) (ISO 23646:2022)

**VG 96943**

Coding system for selected surface coatings according to DIN EN ISO 4042 and DIN EN ISO 10683 for fasteners in the military sector; Text in German and English

**VDI 2089 Blatt 1**

Building services in swimming baths - Indoor pools

**VDI 3464 Blatt 1**

Emission control - Storage and handling of wood pellets at the point of end use - Requirements under environment, health, and safety aspects

**VDI 6023 Blatt 1**

Hygiene in drinking-water supply systems - Requirements for planning, execution, operation, and maintenance

**❖ Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)**

**UL 5B(Ed. 2)Oct 13, 2023**

Standard for Strut-Type Channel Raceways and Fittings

**UL 8(Ed. 7)Oct 13, 2023**

Water Based Agent Fire Extinguishers

**UL 50V(Ed. 3)Sep 25, 2023**

Outline of Investigation for Infrared Viewports

**UL 73(Ed. 10)Oct 6, 2023**

Standard for Motor-Operated Appliances

**UL 87A(Ed. 1)Sep 29, 2023**

Power-Operated Dispensing Devices for Gasoline and Gasoline/Ethanol Blends with Nominal Ethanol Concentrations up to 85 Percent (E0 - E85) <b>UL 87B(Ed. 1)Sep 29, 2023</b>	Standard for Steel Auxiliary Tanks for Oil-Burner Fuel <b>UL 448C(Ed. 2)Oct 18, 2023</b>	Standard for Bullet-Resisting Equipment <b>UL 773A(Ed. 6)Oct 13, 2023</b>
Power-Operated Dispensing Devices for Diesel Fuel, Biodiesel Fuel, Diesel/Biodiesel Blends with Nominal Biodiesel Concentrations up to 20 Percent (B20), Kerosene, and Fuel Oil <b>UL 96A(Ed. 14)Sep 29, 2023</b>	Stationary, Rotary-Type, Positive-Displacement Pumps for Fire-Protection Service <b>UL 486E(Ed. 5)Sep 29, 2023</b>	Standard for Nonindustrial Photoelectric Switches for Lighting Control <b>UL 795(Ed. 8)Oct 13, 2023</b>
Standard for Installation Requirements for Lightning Protection Systems <b>UL 101(Ed. 6)Oct 5, 2023</b>	Standard for Equipment Wiring Terminals for Use with Aluminum and/or Copper Conductors <b>UL 486F(Ed. 2)Sep 29, 2023</b>	Standard for Commercial-Industrial Gas Heating Equipment <b>UL 796(Ed. 12)Oct 4, 2023</b>
Standard for Leakage Current for Utilization Equipment <b>UL 144(Ed. 9)Oct 17, 2023</b>	Bare and Covered Ferrules <b>UL 498(Ed. 16)Sep 29, 2023</b>	Standard for Printed-Wiring Boards <b>UL 796F(Ed. 4)Oct 6, 2023</b>
ANSI/CAN/UL Standard for LP-Gas Regulators <b>UL 154(Ed. 9)Oct 13, 2023</b>	Standard for Attachment Plugs and Receptacles <b>UL 514B(Ed. 6)Oct 13, 2023</b>	Standard for Flexible Materials Interconnect Constructions <b>UL 827(Ed. 9)Oct 19, 2023</b>
Carbon-Dioxide Fire Extinguishers <b>UL 155(Ed. 8)Oct 20, 2023</b>	Conduit, Tubing, and Cable Fittings <b>UL 568(Ed. 1)Oct 13, 2023</b>	Standard for Central-Station Alarm Services <b>UL 864(Ed. 11)Oct 9, 2023</b>
Standard for Tests for Fire Resistance of Vault and File Room Doors <b>UL 174(Ed. 11)Oct 12, 2023</b>	Nonmetallic Cable Tray Systems <b>UL 626(Ed. 8)Oct 13, 2023</b>	Standard for Control Units and Accessories for Fire Alarm Systems <b>UL 870(Ed. 9)Oct 13, 2023</b>
Standard for Household Electric Storage Tank Water Heaters <b>UL 181B(Ed. 3)Oct 6, 2023</b>	Water Fire Extinguishers <b>UL 726(Ed. 7)Oct 12, 2023</b>	Standard for Wireways, Auxiliary Gutters, and Associated Fittings <b>UL 879(Ed. 9)Oct 20, 2023</b>
Standard for Closure Systems for Use With Flexible Air Ducts and Air Connectors <b>UL 213(Ed. 5)Oct 17, 2023</b>	Standard for Oil-Fired Boiler Assemblies <b>UL 732 Heaters (Ed. 6)Oct 18, 2023</b>	Standard for Electric Sign Components <b>UL 897A(Ed. 1)Oct 6, 2023</b>
ANSI/CAN/UL Standard for Rubber Gasketed Fittings for Fire-Protection Service <b>UL 218A(Ed. 3)Sep 25, 2023</b>	Standard for Oil-Fired Storage Tank Water <b>UL 746A(Ed. 6)Oct 6, 2023</b>	LED Sign and Sign Retrofit Kits <b>UL 923(Ed. 7)Sep 26, 2023</b>
Standard for Battery Contactors for Use in Diesel Engines Driving Centrifugal Fire Pumps <b>UL 248-19(Ed. 1)Sep 28, 2023</b>	Standard for Polymeric Materials - Short Term Property Evaluations <b>UL 746D(Ed. 7)Oct 12, 2023</b>	Standard for Microwave Cooking Appliances <b>UL 935(Ed. 10)Sep 29, 2023</b>
Low-Voltage Fuses - Part 19: Photovoltaic <b>UL 299(Ed. 11)Oct 13, 2023</b>	Standard for Polymeric Materials - Use in Electrical Equipment Evaluations <b>UL 746E(Ed. 7)Oct 6, 2023</b>	Standard for Fluorescent-Lamp Ballasts <b>UL 970(Ed. 1)Oct 6, 2023</b>
Dry Chemical Fire Extinguishers <b>UL 401(Ed. 5)Oct 6, 2023</b>	Standard for Polymeric Materials - Industrial Laminates, Filament Wound Tubing, Vulcanized Fibre, and Materials Used In Printed-Wiring Boards <b>UL 746F(Ed. 3)Oct 4, 2023</b>	Retail Fixtures and Merchandise Displays <b>UL 979(Ed. 2)Oct 2, 2023</b>
Standard for Portable Spry Hose Nozzles for Fire-Protection Service <b>UL 414(Ed. 9)Oct 13, 2023</b>	Standard for Polymeric Materials - Flexible Dielectric Film Materials for Use in Printed-Wiring Boards and Flexible Materials Interconnect Constructions <b>UL 746S(Ed. 1)Sep 29, 2023</b>	Standard for Water Treatment Appliances <b>UL 991(Ed. 3)Sep 26, 2023</b>
Standard for Meter Sockets <b>UL 443(Ed. 6)Sep 26, 2023</b>	Evaluation of Sustainable Polymeric Materials for use in Electrical Equipment <b>UL 752(Ed. 12)Oct 17, 2023</b>	Standard for Tests for Safety-Related Controls Employing Solid-State Devices <b>UL 1008B(Ed. 2)Oct 3, 2023</b>
		Source Interconnection Switches <b>UL 1026(Ed. 6)Sep 29, 2023</b>
		Standard for Electric Household Cooking and Food Serving Appliances <b>UL 1180(Ed. 2)Oct 16, 2023</b>

- Standard for Fully Inflatable Recreational Personal Flotation Devices  
**UL 1201(Ed. 1)Oct 11, 2023**  
ANSI/CAN/UL/ULC Sensor Operated Backwater Prevention System  
**UL 1203(Ed. 6)Oct 5, 2023**  
Standard for Explosion-Proof and Dust-Ignition-Proof Electrical Equipment for Use in Hazardous (Classified) Locations  
**UL 1256(Ed. 5)Oct 11, 2023**  
Standard for Fire Test of Roof Deck Constructions  
**UL 1277(Ed. 6)Oct 24, 2023**  
Standard for Electrical Power and Control Tray Cables with Optional Optical-Fiber Members  
**UL 1322(Ed. 6)Oct 13, 2023**  
Standard for Fabricated Scaffold Planks and Stages  
**UL 1357(Ed. 8)Oct 3, 2023**  
Oxygen-Fuel Gas Combination Flash Arrester and Backpressure Check Valves  
**UL 1391(Ed. 1)Sep 29, 2023**  
Solid-Fuel Space Heaters For Installation Into Factory-Built Fireplaces  
**UL 1487(Ed. 1)Oct 20, 2023**  
Battery Storage Cabinets  
**UL 1498(Ed. 1)Oct 20, 2023**  
Guidance Document for Gas Detection Equipment  
**UL 1598(Ed. 5)Oct 20, 2023**  
Luminaires  
**UL 1678(Ed. 6)Oct 6, 2023**  
Standard for Household, Commercial, and Institutional-Use Carts, Stands and Entertainment Centers for Use with Audio and/or Video Equipment  
**UL 1692(Ed. 2)Oct 20, 2023**  
Standard for Polymeric Materials - Coil Forms  
**UL 1699(Ed. 3)Sep 26, 2023**  
Standard for Safety for Arc-Fault Circuit-Interrupters  
**UL 1776(Ed. 3)Oct 19, 2023**  
Standard for High-Pressure Cleaning Machines  
**UL 1976(Ed. 4)Oct 20, 2023**  
Crimp Tools for Use With Wire Connectors  
**UL 1994(Ed. 4)Oct 20, 2023**  
Standard for Luminous Egress Path Marking Systems  
**UL 2034(Ed. 4)Oct 20, 2023**  
Standard for Single and Multiple Station Carbon Monoxide Alarms  
**UL 2129(Ed. 3)Oct 13, 2023**  
Halocarbon Clean Agent Fire Extinguishers  
**UL 2158(Ed. 5)Oct 10, 2023**  
Electric Clothes Dryers  
**UL 2277(Ed. 5)Oct 12, 2023**  
Flexible Motor Supply Cable and Wind Turbine Tray Cable  
**UL 2278 (Ed. 1)Sep 25, 2023**  
Outline of Investigation for Megawatt Charging Configured Electric Vehicle Couplers  
**UL 2360(Ed. 1)Oct 19, 2023**  
Standard for Test Methods for Determining the Combustibility Characteristics of Plastics Used in Semi-Conductor Tool Construction  
**UL 2368(Ed. 3)Oct 23, 2023**  
Fire Exposure Testing of Rigid Nonmetallic and Composite Nonmetallic Intermediate Bulk Containers for Combustible Liquids  
**UL 2515A(Ed. 1)Oct 13, 2023**  
Supplemental Requirements for Extra Heavy Wall Reinforced Thermosetting Resin Conduit (RTRC) and Fittings  
**UL 2524(Ed. 2)Sep 29, 2023**  
ANSI/CAN/UL In-building 2-Way Emergency Radio Communication Enhancement Systems  
**UL 2875(Ed. 2)Sep 26, 2023**  
Outline of Investigation for Modular Cable System Assemblies and Fittings for Industrial Control, Signal and Power Distribution  
**UL 3001(Ed. 1)Oct 6, 2023**  
Distributed Energy Generation and Storage Systems  
**UL 3008(Ed. 2)Oct 23, 2023**  
Outline of Investigation for Automatic Interconnection Switches for Emergency Systems  
**UL 3100(Ed. 1)Oct 6, 2023**  
ANSI/CAN/UL Standard for Automated Mobile Platforms (AMPs)  
**UL 3120(Ed. 1)Sep 26, 2023**  
Outline of Investigation for Battery Operated Exoskeletons for Industrial Applications  
**UL 3566(Ed. 2)Oct 12, 2023**  
Outline of Investigation for Copper-Clad Aluminum Conductors  
**UL 4248-19(Ed. 2)Sep 28, 2023**  
Fuseholders - Part 19: Photovoltaic Fuseholders  
**UL 5800(Ed. 1)Oct 10, 2023**  
ANSI/CAN/UL Battery Fire Containment Products  
**UL 8139(Ed. 1)Sep 29, 2023**  
ANSI/CAN/UL Electrical Systems of Electronic Cigarettes and Vaping Devices  
**UL 9540A(Ed. 4)Sep 29, 2023**  
Test Method for Evaluating Thermal Runaway Fire Propagation in Battery Energy Storage Systems  
**UL 9741(Ed. 1)Sep 29, 2023**  
Electric Vehicle Power Export Equipment (EVPE)  
**UL 60034-1(Ed. 2)Sep 26, 2023**  
Rotating Electrical Machines - Part 1: Rating and Performance  
**UL 60079-29-1(Ed. 2)Oct 2, 2023**  
Explosive Atmospheres - Part 29-1: Gas Detectors - Performance Requirements of Detectors for Flammable Gases  
**UL 60035-2-8(Ed. 6)Sep 29, 2023**  
Standard for Safety for Household and Similar Electrical Appliances, Part 2-8: Particular Requirements for Shavers, Hair Clippers, and Similar Appliances  
**UL 60035-2-24(Ed. 3)Oct 6, 2023**  
Safety Requirements for Household and Similar Electrical Appliances, Part 2: Particular Requirements for Refrigerating Appliances, Ice-Cream Appliances and Ice-Makers  
**UL 60035-2-29(Ed. 1)Sep 29, 2023**  
Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-29: Particular requirements for battery chargers

**UL 60745-2-4(Ed. 2)Sep 28, 2023**

Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 2-4: Particular Requirements for Sanders and Polishers Other Than Disk Type

**UL 60745-2-6(Ed. 2)Oct 25, 2023**

Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 2-6: Particular Requirements for Hammers

**UL 61010-2-010(Ed. 4)Sep 29, 2023**

Electrical Equipment for Measurement, Control and Laboratory Use - Part 2-010: Particular Requirements for Laboratory Equipment for the Heating of Materials

**UL 61010-2-051(Ed. 4)Sep 29, 2023**

Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-051: Particular Requirements for Laboratory Equipment for Mixing and Stirring

**UL 61010-2-061(Ed. 4)Sep 29, 2023**

Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-061: Particular Requirements for Laboratory Atomic Spectrometers with Thermal Atomization and Ionization

**UL 61010-2-081(Ed. 3)Oct 20, 2023**

Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-081: Particular Requirements for Laboratory Equipment for

Automatic and Semi-Automatic Laboratory Equipment for Analysis and Other Purposes

**UL 61010-2-091(Ed. 2)Oct 20, 2023**

Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-091: Particular Requirements for Cabinet X-Ray Systems

**UL 61010-2-101(Ed. 3)Oct 20, 2023**

Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-101: Particular Requirements for In Vitro Diagnostic (IVD) Medical Equipment

**UL 61215-1-3(Ed. 2)Oct 19, 2023**

Terrestrial photovoltaic (PV) modules - Design qualification and type approval - Part 1-3: Special requirements for testing of thin-film amorphous silicon based photovoltaic (PV) modules

**UL 61730-2(Ed. 2)Oct 6, 2023**

Photovoltaic (PV) Module Safety Qualification - Part 2: Requirements for Testing

**UL 62841-3-14(Ed. 1)Oct 20, 2023**

Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 3-14: Particular Requirements for Transportable Drain Cleaners

**UL 62841-4-4(Ed. 1)Oct 13, 2023**

Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 4-4: Particular Requirements For Lawn Trimmers, Lawn Edge Trimmers,

Grass Trimmers, Brush Cutters And Brush Saws

**ULC 302(Ed. 2) Sep 29, 2023**

Standard for Installation and Classification of Burglar Alarm Systems for Financial and Commercial Premises, Safes And Vaults

**ULC 503(Ed. 4) Oct 13, 2023**

Standard for Carbon-Dioxide Fire

**ULC 504(Ed. 3)Oct 13, 2023**

Dry Chemical Fire Extinguishers

**ULC 507(Ed. 4)Oct 13, 2023**

Standard for Water Fire Extinguishers

**ULC 527(Ed. 5)Oct 9, 2023**

Standard for Control Units and Accessories for Fire Alarm Systems

**ULC 536(Ed. 6)Sep 29, 2023**

Inspection and Testing of Fire Alarm Systems Inspection

**ULC 554(Ed. 3)Oct 13, 2023**

Standard for Water Based Agent Fire

**ULC 566(Ed. 2)Oct 13, 2023**

Standard for Halocarbon Clean Agent Fire Extinguishers

**ULC 573(Ed. 1)Oct 6, 2023**

Standard for installation of ancillary devices connected to fire alarm systems

**ULC 574(Ed. 1)Oct 19, 2023**

Forged 65 mm (2 1/2 in) External-Lug Quick-Connect Couplings and Adapters for Forestry Fire Hose

**ULC 1201(Ed. 1)Oct 11, 2023**

Sensor Operated Backwater Prevention Systems

**Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại:**

**(024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556;**

**Email: ismq@tcvn.gov.vn**